

F O R U M



Tranh Mai Thứ (sơn dầu)

Triều Tiên một trang sử mới

Hoà Vân

Dù với bối cảnh quốc tế thuận lợi hơn rất nhiều so với cách đây 10, 15 năm, người ta vẫn khó có thể đoán trước được hết những bước đi sắp tới của tiến trình hoà giải và thống nhất đất nước của dân tộc Triều Tiên.

Song đó là nói về những tháng năm sắp tới.

Trước mắt, có thể nào không chia sẻ những xúc động của những người dân trên bán đảo của “ buổi sáng bình yên ” này trước cuộc gặp gỡ lịch sử ngày 13.6 vừa qua, gần năm mươi năm sau ngày nổ ra một cuộc chiến tuy ngắn ngủi nhưng vô cùng khốc liệt. 70 triệu người cùng một dân tộc đã sống trong chia rẽ, hận thù một nửa thế kỷ nay, gần 8 triệu trong số 50 triệu dân ở miền nam còn họ hàng thân thuộc ở miền bắc.

Khoảng cách giữa thủ đô hai miền, Hán Thành và Bình Nhưỡng, vốn vẹn 120 km, nhưng máy bay của tổng thống Hàn quốc Kim Dae-jung và 130 người cùng đi đã phải bay vòng ra biển để tránh đường ranh ngưng chiến chia đôi đất nước. Chiếc máy bay đầu tiên nối lại hai thủ đô từ sau ba năm 1950-1953 tàn khốc...

Vài nét lịch sử

Triều Tiên bị Nhật sát nhập hoàn toàn từ năm 1910 tới hết chiến tranh thế giới thứ hai, tháng 8.1945, khi quân đội đồng minh vào giải giáp quân Nhật, Liên Xô ở phía bắc vĩ tuyến 38 và Mỹ ở phía nam. Trên nguyên tắc quân đồng minh chỉ tạm thời ở đây trong khi chờ đợi một cuộc tổng tuyển cử trả lại hoàn toàn độc lập và thống nhất lãnh thổ cho dân tộc Triều Tiên. Trên thực tế, ban tổ chức tuyển cử của Liên hiệp quốc không đặt chân được lên phía bắc, và hai nhà nước Triều Tiên ra đời trong năm 1948 : Cộng hoà Hàn quốc (CHHQ) ở phía nam, với tổng thống đầu tiên là Lý Thừa Vãn (Syngman Rhee) và Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều tiên (CHDCNDTT) ở phía bắc, dưới quyền của đảng cộng sản do Kim Nhật Thành (Kim Il-sung) đứng đầu. Đường ranh giới tạm thời của cuộc giải giáp quân Nhật biến thành biên giới hai quốc gia, phân chia lãnh thổ một đất nước độc lập từ hơn 10 thế kỷ trước.

(xem tiếp trang 32)

lưu lưc

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

- | | | |
|----|------------------------------|---------|
| 1 | Triều Tiên, một trang sử mới | Hoà Vân |
| 4 | Tin / Thời sự | |
| 10 | Thư Hà Nội | NSP |
| 12 | Một chiến lược dân chủ hoá | Trần Độ |

văn hoá & khoa học & nghệ thuật

- | | | |
|----|-------------------------------------|---------------------------|
| 16 | Sinh học và Tin học hội tụ | Hàn Thuỷ |
| 19 | Thực chất “ Đối thoại sử học ” | Vũ Minh Giang |
| 22 | Tháng Ba, Sơn Mỹ | Phan Tam Khê |
| 24 | Nhựa sống của toán học | Frédéric Phạm |
| 25 | Phim <i>Mùa hè chiều thẳng đứng</i> | Văn Ngọc |
| 28 | Gió mới hải ngoại | Vũ Hồng Nam |
| 28 | Châu Long (<i>truyện ngắn</i>) | Lê Minh Hà |
| 31 | Thơ | Diễm Châu, Đỗ Quang Nghĩa |

Chuyện dài Công an Nhân dân (hồi 2)

LTS. Sau khi đăng phần đầu loạt bài Tạp chí Diễn đàn - âm mưu và ảo vọng của báo Công an Nhân dân, chúng tôi đã nhận được phản ứng của bạn đọc bốn phương, song song với yêu cầu biết rõ báo CAND viết tiếp ra sao. Chúng tôi đã đưa ngay lên mạng internet, và dưới đây xin đăng lại nguyên văn bài thứ nhì. Có cần bình luận gì thêm ? Ngoài một câu hỏi : Những “ bông hoa tươi thắm ” chứa đầy độc tố của bài “ báo ” này do ai hái lượm và dành để tặng ai, trong cuộc đấu đá nội bộ gồm toàn những cao thủ của môn võ ném đá giấu tay đang diễn ra trong bộ máy đảng ?

« Kể ra như thế, Đặng Tiến cũng đã có chút tỉnh táo. Song hình như ông ta vẫn không đủ dũng cảm để dứt ra khỏi cái bóng ảo vọng, vô hình. Càng dần sâu vào lại càng lúng túng hoang mang bởi một xã hội hiện thực đang bày ra trước mắt ông, trẻ trung, tươi mát, đầy chất nhân văn. Xã hội đó tuy còn nhiều thứ ngổn ngang nhưng đang khao khát tự hoàn thiện vươn lên. Mới bước ra khỏi chiến tranh 25 năm, nhiều vết thương chưa lành, nhưng nhân dân Việt Nam sẵn sàng gác lại quá khứ, hướng tới tương lai. Đảng cộng sản Việt Nam cũng ý thức rõ rệt việc tự đổi mới, chỉnh đốn Đảng để nâng lên một tầm cao mới, đáp ứng sứ mệnh lịch sử mà đất nước, dân tộc giao phó. Mọi mưu toan đi ngược lại con đường nhân dân Việt Nam đã chọn lựa, chia rẽ khối đoàn kết dân với Đảng, Đảng với dân há chẳng phải là hành động « đội đá vá trời ».

Đảng sau một ảo vọng

Thành phần chủ chốt của diễn đàn gồm : Nguyễn Ngọc Giao, Hà Dương Tường, Trần Hải Hạc [bút danh Phong Quang], Lê Văn Cường, Bùi Mộng Hùng. Ngoài ra còn có 28 cộng tác viên, trong đó có Đặng Tiến, Hải Vân, Đơn Hành.

Trần Hải Hạc, giáo sư toán học ; Nguyễn Ngọc Giao, Lê Văn Cường đều giảng dạy ở ĐH Pari 7 ; Hà Dương Tường giáo sư ĐH Compiegne nhưng thật đáng tiếc, những bộ óc và vốn trí thức của họ lại không được dùng vào việc làm lợi cho dân, cho nước. “ Diễn đàn ” liên tiếp đăng những cái gọi là “ thư ngỏ ”, “ hồi ức ” đòi cái nọ, cái kia, đòi “ xét lại ” cái này, cái khác. Song tựu chung vẫn là những luận điệu cũ : vu cáo Nhà nước Việt Nam đàn áp tự do, tư tưởng, đòi xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam v.v... Lạ thay, chính nhân dân Việt Nam, những người trong cuộc, những người có trách nhiệm định đoạt sứ mệnh chính trị của mình cũng có đủ trí thông minh và sức lực để quyết định, hà cớ gì phải nhờ những kẻ « thương vay khóc mướn » ở bên ngoài. Thế mà trong suốt 70 năm qua, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam luôn gắn liền với lịch sử anh hùng của dân tộc, làm nên những trang vàng chói lọi. Trong thời kỳ mới, với chính sách rộng mở, huy động mọi nguồn lực trong, ngoài nước phục vụ công cuộc CNHHĐH đất nước, toàn Đảng, toàn dân ta đã làm cho đất nước ngày một đổi thay, thay da. Chủ trương xoá đói giảm nghèo của Đảng đã gặt hái được những thành tựu đáng kể. Sự nghiệp phổ cập giáo dục đã nở nhiều bông hoa tươi thắm. Giờ đây, đi đến đâu trên đất nước ta cũng thấy rạng rỡ những nụ cười của thương yêu và tin tưởng. Tinh đồng chí, nghĩa đồng bào bắt rễ sâu xa trong truyền thống bốn nghìn năm, nay cũng

Bạn đọc và Diễn Đàn

thăm nộ sai hoa. Cũng có một vài “ thư ngỏ ” từ trong nước gửi ra nhưng chắc chắn họ không phải là những đại diện tiêu biểu cho số đông nhân dân Việt Nam, càng không phải là đại diện cho một xu thế mới, xu thế tiến bộ đang không ngừng phát triển ở Việt Nam.

Từ trong cội rễ sâu xa mỗi người dân Việt Nam đều không quên tổ tiên của mình : mẹ Âu Cơ. Dù ăn đâu, ở đâu thì dòng máu chảy trong huyết quản vẫn là dòng máu con Lạc cháu Hồng. Nhân dân vĩ đại sẽ giang tay đón những người con vào lòng một khi họ đã thoát khỏi cơn ảo vọng điên rồ, đứng cùng hàng ngũ nhân dân làm người con yêu của Tổ quốc ».

Liên Hoàng (Công an Nhân dân, 15.6.2000)

Tôi do dự : đọc hay thôi đọc Diễn Đàn

Là một độc giả trung thành ngay từ số đầu, tôi rất phấn khởi và thích thú được tìm thấy trong Diễn Đàn những tin tức đúng đắn về đời sống trong nước và nhất là thấy ĐĐ đã “ dám ” bộc lộ và phản ánh những chịu đựng những ý kiến của một số nhân vật trong nước bị kìm hãm trong một hệ thống chuyên quyền (vụ Dương Thu Hương, Vũ Đình Huỳnh, Trần Độ v.v.).

Cái phấn khởi đọc ĐĐ từ hồi gần đây bị nguội lẩn lẩn khiến tôi do dự không biết có tiếp tục là độc giả ĐĐ nữa không, với lý do không biết đúng hay sai là thấy ĐĐ thiên nhiều về văn hoá nghệ thuật nhiều hơn và ít hẳn về vấn đề chính trị. Không lẽ là chính trị ở Việt Nam không còn chi đáng kể ? Chính sách từ khi Đổi mới, với định nghĩa “ kinh tế thị trường theo định hướng XHCN ” đã tự nó đầy đủ về kinh tế cũng như về chính trị ? Người dân và báo chí trong nước lẽ tất nhiên là không được quyền bàn, không lẽ ĐĐ cũng đồng ý với ý nghĩa bất di bất dịch đó ? Vừa rồi được đọc bài “ *Chủ bài và trở lực* ” của Hoà Vân tôi hy vọng trở lại : mong muốn ĐĐ với vị trí của nó ở ngoại quốc và nhất là ở Pháp tiếp tục lại mục đích của mình là tạo một diễn đàn đưa và góp ý kiến nghiên cứu và soi hướng cho một biến chuyển chính trị mà không vấp phải vấn đề, như Hoà Vân nói, chính đáng hay không của chế độ, nhất là chính đáng cho tới một giai đoạn nào, sẽ biến đổi ra sao để phù hợp với tiến triển kinh tế và khát vọng dân chủ

Tin buồn

Chúng tôi được tin

cụ bà *Nguyễn Ngọc Cư*
nhũ danh *Lê Thị Kim Loan*
pháp danh *Diệu Phương*

đã từ trần ngày 10 tháng 6 năm 2000 tại Lakewood (California), thọ 90 tuổi. Tang lễ đã cử hành ngày 17-6.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng anh chị Nguyễn Ngọc Giao, Thanh Thiện và toàn thể tang quyến.

của người dân. Những người cầm quyền thức thời ở Việt Nam cũng cần biết được một số ý soi hướng mở đường để tránh một “nội nổ” (implosion) tất nhiên một ngày kia sẽ tới. Và lại kinh tế không có tiến triển chính trị dân chủ sẽ khựng động và sẽ thoái hoá trong một thể hệ Internet và trong một miền Đông Nam Á đã qua khủng hoảng và sẽ tiếp tục tăng trưởng.

Tôi hy vọng ban biên tập ĐĐ trở lại sứ mệnh của mình, đặt nặng cân cân về kinh tế và chính trị hơn. Một tin tức nhỏ trong nước, chẳng hạn thay đổi một nhân sự lãnh đạo, tiếp đón một nhân vật ngoại quốc, tôi chắc chắn trong ban biên tập ĐĐ có thừa những bạn “politologues” giúp bạn đọc tìm hiểu ý nghĩa trong đó, và xa hơn nữa là đưa và góp ý kiến trong việc tìm kiếm những đường lối thoát khỏi các bế tắc độc đảng, hay đúng hơn là độc phái, trong mục đích dân chủ hoá đất nước.

Phong Uyên (Paris, Pháp)

   *Anh nhận xét rất đúng : trong vài năm gần đây, phần “văn hoá” trên ĐĐ có vẻ như nặng kí hơn phần “chính trị”. Song đó không phải vì một sự chuyển hướng chính trị hay vì thay đổi chính sách biên tập : chúng tôi vẫn cố gắng đưa đầy đủ tin tức thời sự, và tờ báo vẫn dành chỗ thích đáng cho những tiếng nói “không có diễn đàn” của những người ở trong nước mong muốn dân chủ hoá đời sống chính trị Việt Nam. Mỗi khi cần thiết và... có hứng, biên tập viên vẫn tiếp tục bình luận hay phân tích tình hình chính trị. Song phải nói trong vài năm gần đây, những bài bình luận có phần thừa thớt đi. Cạn hứng chăng ? Có lẽ không phải vậy. Trong một ý nghĩa nào đó, do chính sách... không có chính sách, “đổi mới như cũ” của Đảng cộng sản Việt Nam, đời sống chính trị quốc nội là một chuỗi dài những “phi biến cố” (non-événement). Cho nên, các biên tập viên ĐĐ không muốn làm những “politologues” ca bài “biết rồi khổ lắm nói mãi”, lại càng không muốn cạnh tranh với các chính trị gia chưa viết người đọc đã biết họ muốn nói gì. Trong khi đó, những vấn đề gọi là “văn hoá” lại nổi cộm kích thích chính trị của chúng. Trong tình trạng xã hội Việt Nam hiện nay, mọi khía cạnh văn hoá đều biểu lộ ý nghĩa chính trị của nó, hơn nữa, nó sẽ để lại những hậu quả lâu dài hơn mọi chính sách sai lầm. Nói khác đi, trách nhiệm của đảng độc quyền trong lãnh vực văn hoá, giáo dục, xã hội – khi nó làm sai, hay không làm những điều phải làm – là hết sức nặng nề.*

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ
Tổng biên tập : Hà Dương Tường
Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,
Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc
Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :
Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ,
Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,
Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,
Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy,
Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn,
Hải Văn, Hoà Văn

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).
Quảng cáo : 1/8 trang : 180F, 1/4 trang : 300F, 1/2 trang : 550 F trang, 1 trang : 1000F (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).
đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.
Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên.....
.....
.....
mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng..... (số.....).
Kèm theo đây là ngân phiếu FF
Giá mua 1 năm báo (11 số) :
Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM : 250 FF, tức là 40 Euro) ; Châu Âu ngoài Pháp : 280 FF = 45 Euro ;
Các nước ngoài châu Âu : 330 FF = 50 Euro).
Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIENDAN FORUM, B.P.50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).
Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris
Bạn đọc ở **Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của Diễn Đàn. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.
Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (xem trên).
Bạn đọc ở **Canada** và **Úc** xin gửi money order 60 USD đề tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (xem trên).
Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD/năm, gửi cho P. Le Duc, tài khoản PKO S.A., IV O. W Warszawie, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (for Forum) *đồng thời* gửi photocopy phiếu chuyển tiền về Mrs. LEDUC, 03-914 warszawa, Ul. Saska 44/19.
Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal diendan, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (bulletin de versement virement).
Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBERG, Konto : N° 380 48 94 76 : blz 752 500 00).

TIN TỨC

Ngoại trưởng Nguyễn Dy Niên thăm ba nước ASEAN

Tiếp theo chuyến đi thăm ba nước láng giềng của thủ tướng Phan Văn Khải tháng trước, bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Dy Niên đã thăm chính thức Malaysia từ ngày 11 đến 13-6, Brunei từ ngày 13 đến 15-6 và Philippines từ ngày 15 đến 17-6. Ngoài các vấn đề song phương, chủ đề chính của các cuộc hội đàm của ông Nguyễn Dy Niên với các đồng sự ở cả ba nước gồm các vấn đề hợp tác khu vực, trong đó có vấn đề hợp tác trong ASEAN, APEC, ASEM,...

Trong những năm qua, kim ngạch thương mại giữa hai nước Việt Nam - Malaysia đã tăng 11 lần (từ 50 triệu USD năm 1990 lên 550 triệu USD năm 1999). Malaysia hiện có 84 dự án đầu tư vào Việt Nam với tổng số vốn đăng ký hơn một tỷ USD, đứng thứ ba trong các nước ASEAN.

Tại Brunei, bộ trưởng ngoại giao hai nước đã ký Thỏa thuận thành lập ủy ban hỗn hợp hai nước, thỏa thuận xúc tiến ký thêm một số các hiệp định tạo khuôn khổ pháp lý cho việc mở rộng hợp tác giữa Việt Nam và Brunei.

Kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và Philippines tăng đáng kể từ 10 năm qua (từ 32,12 triệu USD năm 1989 lên 400 triệu USD năm 1997. Năm 1998, mặc dù có khó khăn kinh tế, nhưng hai bên vẫn giữ được mức kim ngạch như năm trước). Tính tới nay Philippines có 18 dự án đầu tư vào Việt Nam với tổng số vốn đăng ký 154 triệu USD, đứng thứ tư trong khối ASEAN.

Quan hệ Úc - Việt về quân sự

Tổng tham mưu Úc, Đô đốc Chris Barrie đã đi thăm chính thức Việt Nam từ ngày 30 tháng 5 đến 3 tháng 6.

Đây là lần đầu tiên một vị tổng tham mưu Úc đi thăm Việt Nam từ khi chiến tranh chấm dứt. Một ngày trước khi ông Barrie đến Việt Nam, đại tá Gary Hogan tùy viên quân sự của sứ quán Úc tại Hà Nội tuyên bố rằng chuyến đi này, trong một bầu không khí hoà bình, phát triển và ổn định trong vùng, có tính chất lịch sử. Ông cũng nói thêm đây là một dấu hiệu mạnh thể hiện lực lượng quốc phòng Úc có quan hệ hữu nghị với Việt Nam.

Chuyến đi của đô đốc Chris Barrie tiếp theo hiệp định về quốc phòng giữa hai nước được ký kết năm qua, mở đầu việc hai nước trao đổi tùy viên quân sự và việc huấn luyện nhân viên quân sự Việt Nam tại Úc. Năm ngoái hai chiến hạm Úc cũng đã viếng Việt Nam, và đầu năm nay một chiến hạm khác HMAS Anzac đã viếng TP Hồ Chí Minh nhân chuyến đi thăm của ngoại trưởng Úc.

Trong buổi họp báo ngày 1 tháng 6, Đô đốc Chris Barrie đã tuyên bố những thỏa thuận về quan hệ quốc phòng giữa hai nước coi như đã sắp xếp xong. Ở Việt Nam, ông đã gặp tổng tham mưu trưởng, trung tướng Lê Văn Dũng và bộ trưởng bộ quốc phòng Phạm Văn Trà. Hai bên đã thỏa thuận tổ chức một đợt thảo luận chiến lược cuối tháng này. Đây là đợt thảo luận chiến lược thứ hai vì quan hệ quốc phòng mới được lập lại năm rồi.

Đô đốc Chris Barrie cũng thận trọng cho biết trong chuyến thăm viếng Trung Quốc cách đây hai tháng, ông không thấy sự phản đối nào của Bắc Kinh về việc Úc và Việt Nam tăng cường hợp tác quân sự. Quan điểm của Úc là thận trọng khuyến khích Bắc Kinh giữ một vai trò có trách nhiệm trong vùng và tăng cường an ninh vùng. (AFP- 29.01.06.2000).

Thương lượng thương mại Việt Mỹ

Bên lề cuộc họp quốc hội giữa tháng 5, Phó Thủ tướng Nguyễn Mạnh Cẩm đã phát biểu trong tờ Saigon Times Daily là Việt Nam và Mỹ sẽ gặp nhau “ trong tháng này ” tại Washington để tiếp tục lại đợt thương lượng. Ông nói Việt Nam sẽ nhanh chóng ký nếu Mỹ giải quyết “ những vấn đề còn tồn tại trong đợt thương lượng năm qua ”, song không cho biết đó là những vấn đề gì. Hè năm ngoái, hai bên đã kết thúc cuộc thương lượng, nhưng bộ chính trị đảng CSVN ngừng ngoảnh không chịu ký hiệp định đạt được. Họ đã được “ khuyến cáo ” là không nên ký vì Mỹ rất thủ đoạn, và đã nghe theo khuyến cáo đó ? Hay cũng biết rằng khuyến cáo ấy chỉ nhằm để cho “ người ta ” đi trước, nhưng vẫn phải theo vì ngại phật lòng ông láng giềng quá lớn ? Dẫu sao thì sau tin hiệp định thương mại Mỹ - Trung đã được ký kết, và mới đây, tin quốc hội Mỹ đã chuẩn y Thỏa thuận về quan hệ thương mại bình thường (permanent normal trade relations PNTR) với Trung Quốc, nhà cầm quyền HN không ngừng kéo áo Mỹ để tỏ ý muốn “ tiếp tục lại cuộc thương lượng ” bị gián đoạn.

Có vẻ như thấy HN đã đủ thẩm đôn, bộ trưởng thương mại Mỹ bà Charlene Barshefsky đã bằng lòng mời bộ trưởng thương mại VN Vũ Khoan sang Washington tháng tới để nối lại cuộc đàm phán. Theo những nguồn tin từ đại sứ quán Mỹ ở HN, hai bộ trưởng có thể gặp nhau vào khoảng giữa tháng 7, và “ người ta có thể trông đợi là hiệp định sẽ được ký kết sau cuộc gặp ”. Lần này thì khuyến cáo đi từ phía Mỹ : khoá họp của quốc hội Mỹ năm nay sẽ chỉ còn rất ít thời giờ để thông qua hiệp định, vì là năm bầu cử tổng thống mới. Nếu không... Hiệp định là điều kiện để quy chế PNTR được áp dụng giữa hai nước. (AFP, 26.05 và 13.6, Reuters 15.6.2000)

Hội nghị giữa kỳ các nhà tài trợ

Hội nghị giữa kỳ không chính thức Nhóm Tư vấn các nhà tài trợ cho VN đã họp trong 2 ngày 22-23.6 tại Đà Lạt dưới sự chủ trì của ông Andrew Steer - Giám đốc Ngân hàng Thế giới tại VN. Hội nghị có nội dung : Tổng quan tình hình phát triển kinh tế, cải cách và dự báo trung hạn ; minh bạch tài chính và chi tiêu công cộng (chi thường xuyên và chi đầu tư) ; quan hệ đối tác nhằm giảm đói nghèo và phát triển toàn diện. 130 đại biểu của 27 quốc gia và 5 tổ chức quốc tế đã về dự.

Phát biểu tại phiên họp thứ nhất, Phó Thủ tướng Nguyễn Mạnh Cẩm đã thừa nhận, 1999 là năm mà nền kinh tế VN có

nhieu khó khăn, thách thức, nhịp độ tăng trưởng GDP chỉ đạt 4,8% - thấp nhất trong 10 năm qua. Theo ông, 5 tháng đầu năm 2000, nền kinh tế VN đã vượt qua thách thức, thu được những kết quả đáng khích lệ. VN đã và đang hợp tác chặt chẽ với Chính phủ Nhật Bản trong việc thực hiện các thỏa thuận về hỗ trợ dành cho VN trong khuôn khổ sáng kiến Miyazawa ; đang chuẩn bị ký kết để triển khai thực hiện các thỏa thuận với ADB về khoản vay Chương trình cải cách doanh nghiệp và quản lý điều hành công ty ; đang dự định xây dựng chiến lược giảm nghèo đói (PRSP) làm căn cứ đàm phán với WB/IMF về khoản tài trợ theo thể chế giảm nghèo để phát triển... Nhờ những cải thiện ban đầu về thể chế, chính sách, việc thực hiện nguồn vốn ODA trong 5 tháng qua ở VN đã đạt được những kết quả đáng kể, đã hợp thức hoá các cam kết bằng các hiệp định mới ký kết với giá trị khoảng hơn 1 tỉ USD bao gồm các dự án lớn thuộc lĩnh vực năng lượng, giao thông, phát triển nông nghiệp, nông thôn và bảo vệ tài nguyên môi trường.

Bộ trưởng Trần Xuân Giá đã thông báo đến các nhà tài trợ mục tiêu tổng quát của kế hoạch 5 năm 2001-2005 của VN.

Ngoài ra, đại diện Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Ngân hàng Thế giới, Liên Hợp Quốc và Chính phủ Nhật Bản cũng đã trình bày các vấn đề về ổn định kinh tế vĩ mô và tài chính, các vấn đề cải cách cơ cấu, các vấn đề phát triển thể chế của VN, và sự phát triển khu vực tư nhân.

Ông Andrew Steer, chủ tịch hội nghị, đã ghi nhận những tiến bộ đạt được trong cả 4 lĩnh vực chính của chương trình cải cách kinh tế VN, bao gồm : Chính sách doanh nghiệp, chính sách thương mại và ngoại hối, cải cách ngân hàng và sự minh bạch tài chính. Nhưng theo ông, “ 9 tháng từ nay đến đại hội đảng CS sẽ rất quan trọng, vì cuộc cải cách thực sự các doanh nghiệp nhà nước, khu vực ngân hàng và cổ tức thương mại cần đến nhiều quyết định khó khăn ”. Do đầu tư nước ngoài tiếp tục giảm từ 1996 đến nay, kinh tế VN còn “ dễ vỡ ”, ông nói. (Lao Động và AFP 23.6.2000)

Bế mạc kỳ họp quốc hội

Sáng 9.6, kỳ họp thứ 7 QH khoá X đã họp phiên bế mạc sau khi thông qua toàn văn dự thảo Nghị quyết phê chuẩn Hiệp ước Biên giới trên đất liền giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Trung Hoa.

Tại kỳ họp này, QH đã thông qua 5 dự án luật : luật Khoa học và Công nghệ ; luật Hôn nhân và Gia đình ; luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ; luật Sửa đổi bổ sung một số điều của luật Dầu khí ; bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Hình sự. QH cũng cho ý kiến về dự án luật Phòng, chống ma túy và dự án luật Kinh doanh bảo hiểm.

* Ngày 23 tháng 5, một số nông dân các tỉnh đã kéo về Hà Nội biểu tình trước hội trường Ba Đình tố cáo tham nhũng và lạm quyền của chính quyền địa phương. Họ mang biểu ngữ tố cáo chính quyền địa phương chiếm đoạt công điền đem bán và bắt họ rời bỏ những mảnh đất công trên đó họ đang làm ăn.

Tham gia biểu tình có những nông dân miền trung và miền nam, 10 đại diện các tỉnh trong đó có TP Hồ Chí Minh, Thừa Thiên Huế và Vĩnh Phúc đã kiếm cách đưa kiến nghị vào cho

các đại biểu quốc hội, nhưng bị công an chặn không cho lại gần quốc hội. Cuối cùng đoàn biểu tình bị công an giải tán, nhưng theo AFP lần này không có bắt bớ. (AFP 23.5, VNN 9.6.2000)

Quan hệ Việt Nam - Canada sau vụ hành quyết bà Nguyễn Thị Hiệp

Cuối tháng tư, một phụ nữ Việt Nam mang quốc tịch Canada, bà Nguyễn Thị Hiệp đã bị kết án tử hình và hành quyết vì tội buôn lậu heroin. Việc này đã làm chính phủ Canada phản đối và lấy quyết định ngưng tất cả quan hệ với Việt Nam (xem Diễn Đàn số trước). Bà Hiệp là người Việt đầu tiên mang hộ chiếu Âu Mỹ bị hành quyết vì tội buôn ma túy.

Ngày 25 tháng 5, phát ngôn viên bộ ngoại giao Việt Nam bà Phan Thuý Thanh đã tuyên bố Việt Nam sẵn sàng trao trả hài cốt bà Hiệp cho gia đình “ vì lý do nhân đạo ” (sic). Theo yêu cầu của Canada, Việt Nam cũng sẽ xét lại án của bà Trần Thị Cam, 75 tuổi mẹ của bà Hiệp, bị kết án tù chung thân cùng trong vụ án. Ngày 2 tháng 6, Bộ trưởng Ngoại giao Canada Lloyd Axworthy cho biết bà Cam sẽ nằm trong danh sách những người được ân xá nhân ngày quốc khánh 2 tháng 9 tới. Ông cũng cho biết thêm một phái đoàn cảnh sát Canada sẽ qua làm việc với công an Việt Nam nhằm đẩy mạnh hợp tác chống nạn buôn lậu ma túy. (AFP 23.05 & Reuters 02.06.2000)

Ngân hàng thế giới giúp một phương án về năng lượng.

Ngân hàng thế giới (World Bank WB) đã đồng ý cho Việt Nam vay 150 triệu đô la cho một phương án nhằm cung cấp năng lượng cho 450 000 hộ ở 32 tỉnh nông nghiệp (khoảng hai triệu người).

Phương án khai thác những nguồn năng lượng có thể tái tạo để mang điện về giúp nâng cấp dịch vụ y tế, phục vụ thủy lợi nhằm tăng năng suất lao động và cải thiện mức sống ở những vùng người dân vất vả sống với dưới 1 đô la một ngày.

Những người có trách nhiệm ở WB công nhận chương trình “ xoá đói giảm nghèo ” của Việt Nam đã có những kết quả tích cực về nhiều mặt, nhưng nhấn mạnh tình hình nghèo đói vẫn còn nghiêm trọng. WB khẳng định sẽ giúp Việt Nam tiến hành những cải tổ cơ cấu cần thiết trong các lĩnh vực ngân hàng, doanh nghiệp quốc doanh, và việc tạo môi trường thuận lợi cho khu vực tư doanh. Những cải tổ này sẽ mang lại hiệu quả cho việc giảm nghèo đói, và đem Việt Nam quay trở lại với phát triển mức cao. (Reuters 31.05.2000).

Những chiếc cầu cho đồng bằng sông Cửu Long

Cầu Mỹ Thuận vừa hoàn thành, cầu Cần Thơ bắc qua sông Hậu chuẩn bị thi công và sẽ hoàn thành vào năm 2005. Chỉ 5 năm nữa thôi, trục quốc lộ 1A sẽ được thông suốt, chấm dứt thời kỳ đồ giang cách trở hàng trăm năm đè nặng sự phát triển của vùng châu thổ này.

Đó là những viễn tượng mà báo **Lao Động** vẽ ra trong số báo ra ngày 13.6.2000. Theo tờ báo, tháng 5 vừa qua, Ban Quản lý dự án xây dựng chiếc cầu này đã có cuộc họp ở TP Cần Thơ để thống nhất các phương án “ đền bù giải toả ”. Nếu

đầu năm 2001, việc khởi công được tiến hành thì khoảng cuối năm 2005, chiếc cầu, có chiều dài 2.750m, vốn đầu tư lên đến 295 triệu USD sẽ hoàn thành. Cầu Mỹ Thuận dài 1.535m, vốn đầu tư khoảng 72 triệu USD, do Úc giúp xây dựng cả về tài chính và kỹ thuật, rút ngắn được thời gian khoảng xe đi từ Vĩnh Long lên TP HCM gần 1 giờ. Nhật đã nhận giúp xây dựng cầu Cần Thơ.

Cũng theo tờ báo, nhiều địa phương trong vùng ĐBSCL rộn rịp tiến hành xóa cầu khỉ, nối liền mạch sống ở một vùng quê chằng chịt kênh rạch... Các tuyến đường xã liên xã trong tỉnh Kiên Giang, 100% cầu khỉ đã được thay bằng cầu sắt, cầu bê tông cốt thép, xe trọng tải 5 — 8 tấn qua được. Kiên Giang hiện chỉ còn 25% đường vào xóm ấp còn khoảng 123 cầu khỉ. Ở Sóc Trăng thì 256/500 tỉ đồng người dân đóng góp vào “Quỹ 99/TTg” của tỉnh được dành cho xây dựng cầu đường nông thôn. Còn ở Cà Mau, từ ngày 26.3.2000 tới nay đã xóa hàng trăm cây cầu khỉ bằng việc bắc mới 826 cầu với tổng chiều dài 12.615m trị giá 2,267 tỉ đồng.

Các nhà khoa học kêu gọi cứu rừng Tây Nguyên

Thông điệp này được phát đi tại hội thảo về hành động đa dạng sinh học vùng Tây Nguyên được tổ chức vào hai ngày 15 và 16-6 vừa qua tại TP Buôn Ma Thuột, với hơn 50 nhà khoa học chuyên ngành sinh thái và môi trường của cả nước. Hội thảo nhận định Tây Nguyên – vùng được xem giàu tính đa dạng sinh học nhất nước – đang đứng trước đe dọa thất thoát và cạn kiệt thú rừng, côn trùng và thực vật... mà nguyên nhân do rừng bị chặt phá.

Theo điều tra sơ bộ ban đầu, trong vòng 40 năm qua diện tích rừng tự nhiên ở Tây Nguyên từ hơn 4,7 triệu ha giảm

xuống còn ngót 3,1 triệu ha - tương đương độ che phủ từ xấp xỉ 90% xuống còn 60%. Chất lượng rừng còn sút giảm nhanh hơn: rừng giàu chỉ còn 6,1%, rừng trung bình 19,1%, còn lại đa phần là rừng non, rừng nghèo, rừng cần cỗi, hỗn giao hoặc tre nứa...

Theo giáo sư tiến sĩ Đặng Huy Huỳnh, nếu không có giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn kịp thời hiện trạng thất thoát rừng, đến khoảng năm 2010 Tây Nguyên sẽ mất thêm ít nhất một triệu ha rừng tự nhiên nữa. (Báo Tuổi trẻ)

Những kiến nghị về bản quyền âm nhạc

Tiếp theo vụ kiện về bản quyền tác giả của nhạc sĩ Lê Vinh (xem ĐĐ số trước), một bản kiến nghị về bảo hộ quyền tác giả của 200 nhạc sĩ Việt Nam do nhạc sĩ Phó Đức Phương khởi xướng đã được gửi đến nhiều cơ quan quản lý Nhà nước. Bản kiến nghị đưa ra ba vấn đề : Thứ nhất, các điều khoản quy định trong luật quyền tác giả phải được thực hiện nghiêm túc, các hãng sản xuất phải được sự đồng ý của nhạc sĩ trước khi sử dụng tác phẩm trong mọi hình thức. Thứ hai, các đơn vị nghệ thuật, đài phát thanh truyền hình trên toàn quốc cần sớm đề ra một chế độ trả nhuận bút hợp lý, xứng đáng cho nhạc sĩ. Thứ ba, Cục bản quyền tác giả, các sở Văn hóa - Thông tin cần xem xét phương thức bảo vệ bản quyền tác giả trong các hoạt động kinh doanh âm nhạc khác tại các điểm vui chơi giải trí, sân nhảy, dịch vụ karaoke, nơi in ấn phát hành các ấn phẩm âm nhạc...

Tại Đại hội Hội nhạc sĩ Việt Nam, vấn đề bản quyền được bàn bạc nhiều nhất, gây chú ý nhất. Và bản kiến nghị chính thức đầu tiên về bản quyền âm nhạc ngày càng được giới âm nhạc ủng hộ. Song, khó khăn cho các nhạc sĩ là hiện chưa có một tổ chức nào thực sự đứng ra bảo vệ quyền tác giả cho nhạc

đọc báo trong nước

Ta cấm ta bán gạo

Thế là liên trong hai cuộc đấu thầu quốc tế, đại diện duy nhất của Hiệp hội Lương thực VN là Tổng Công ty Lương thực miền Nam (Vinafood 2) được cử tham gia đã không thắng thầu. Nói cho rõ hơn thì trong cả hai cuộc đấu thầu đều thua, thua ngay trên lãnh địa của mình mới đau chứ! Đau nhất là có tới hai cơ hội để bán được 115.000 tấn gạo với giá cao thì cả hai đều bị bỏ lỡ! Lần thứ nhất, trong cuộc đấu thầu quốc tế để mua 25.000 tấn gạo do Cơ quan Lương thực quốc gia Philippines (NFA) tổ chức vào cuối tháng 3 vừa qua, Công ty Louis trúng thầu, Vinafood 2 đã thua ngay trên sân nhà. Tới cuộc thầu quốc tế để mua 90.000 tấn gạo cũng do NFA tổ chức ngày 24.5.2000, người thua thầu lại là Vinafood 2! Người thắng thầu là Công ty Toepfer và Glencore, mỗi đơn vị được bán 45.000 tấn gạo 15% tẩm với giá 177,65USD/tấn theo điều kiện C&F, trả chậm 180 ngày, thời gian giao hàng chậm nhất tháng 6.2000. Ngay sau khi trúng thầu, hai công ty trên đã đặt vấn đề mua gạo VN để xuất khẩu sang Philippines bởi VN là thị trường truyền thống, có quan hệ làm ăn lâu dài với họ (chính Công ty Toepfer đã mua và xuất khẩu gần 1 triệu tấn gạo của ta ra thị

trường quốc tế). Giá gạo mà Toepfer hỏi mua của ta cũng khá hời: 153USD/tấn FOB tại cảng TP.Hồ Chí Minh, cao hơn 2USD/tấn so với giá quy định của Hiệp hội Lương thực VN. Thế thì bán ngay cho họ đi chứ, còn gì phải chần chừ. Vậy mà không, cũng như lần trước, khi Công ty Louis trúng thầu, Hiệp hội đã quyết định không cho phép các thành viên của mình bán gạo cho họ; lần này Hiệp hội Lương thực VN lại “lệnh” cho các thành viên không được bán gạo cho hai công ty đã làm cho mình lấm lung trắng bụng phải thua thầu... Trước biểu hiện lạ lùng ta tự cấm ta bán gạo này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã kiến nghị với Chính phủ giải quyết vụ việc trên đồng thời cho phép bất cứ thành phần kinh tế nào được mua lúa gạo của bất kỳ doanh nghiệp nào trong hoặc ngoài Hiệp hội, thậm chí được mua trực tiếp từ nông dân. Kéo doanh nghiệp nước ngoài buôn bán trực tiếp với nông dân thì càng hay chứ sao, càng bớt được các khâu trung gian, nâng giá lúa của nông dân lên. Nhưng như thế thì còn gì cái quyền tự tung tự tác trong thế một mình một chợ? Điểm yếu chí tử của phần lớn doanh nghiệp nước ta hiện nay chính là ở chỗ đó!

**Chu Thượng
Lao Động 7.6.2000**

sĩ. Không ai có thể kiểm soát được việc vi phạm, mức độ vi phạm bản quyền và thông báo cho nhạc sĩ. Đó là chưa kể muốn vãn trở ngại, nếu nhạc sĩ đi kiện. Bên cạnh đó, việc định mức nhuận bút cho tác giả lâu nay hoàn toàn là quyền của các hãng sản xuất, ông bầu ; tác giả không quyết định được về “giá trị vật chất” đối với tác phẩm của mình, tệ hơn, cũng không bảo đảm được đứa con tinh thần của mình có bị “nhào nặn”, cắt gọt lại trước khi đến với công chúng không.

(theo Chu Hà Linh, Báo Giáo dục và Thời đại)

Bằng tốt nghiệp phổ thông giả...

Theo tin từ đoàn thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kết thúc đợt kiểm tra rà soát văn bằng chứng chỉ tại các tỉnh phía nam, đoàn đã tiến hành kiểm tra gần 800 văn bằng chứng chỉ của học viên một số lớp ĐH tại chức thuộc sáu trường ĐH công lập, dân lập và bán công của TPHCM, Trung tâm Đào tạo tại chức tỉnh Cần Thơ và Trường trung học kỹ thuật Bình Dương. Trong số 622 văn bằng chứng chỉ của học viện thuộc các trường Đại học KHXH&NV, ĐH Luật, ĐH Kinh tế, ĐH dân lập Văn Lang, Hùng Vương và ĐH mở-bán công tại TPHCM, đoàn thanh tra đã phát hiện 49 văn bằng có nguồn gốc bất hợp pháp, không có tên trong sổ gốc, chiếm tỉ lệ 8% số VB được kiểm tra. Sử dụng văn bằng chứng chỉ giả chủ yếu là cán bộ công chức nhà nước. Tỉ lệ cao nhất là Trường ĐH Luật (hơn 17%), kế đến ĐH KHXH&NV (hơn 12%). Trong năm 1998, qua xác minh đối chiếu theo yêu cầu của các đơn vị, sở đã phát hiện khoảng 20% văn bằng không có tên trong danh sách gốc, trong sáu tháng đầu năm 1999 tỉ lệ này lên tới 38,7%. Mới đây nhất, từ tháng 4-2000, trong số 2.886 văn bằng có yêu cầu xác minh, đã có 233 bằng giả, chiếm tỉ lệ 8%.

Việc rà soát văn bằng chứng chỉ của đoàn thanh tra Bộ GD-ĐT tại hai Trung tâm Bồi dưỡng chính trị tỉnh Bình Dương và Cần Thơ đã gặp khó khăn, do hai đơn vị này thiếu hợp tác ! (Thanh Niên, 25-5-2000)

... và học sinh “giỏi” đối

Theo tin từ bộ Giáo dục-Đào tạo, hội đồng chấm thi học sinh giỏi quốc gia lớp 12 đã quyết định huỷ, không công nhận kết quả của chín bài thi môn địa lý, trong đó, sáu bài thi thuộc đội tuyển học sinh giỏi môn địa lý tỉnh Hoà Bình và ba bài của đội tuyển tỉnh Bình Dương. Nguyên nhân là do sáu bài thi học sinh giỏi của tỉnh Hoà Bình có những phần tẩy xoá, sửa chữa, bổ sung từ sai thành đúng giống hệt nhau ở cùng một câu hỏi. Còn ba bài thi của đội tuyển Bình Dương giống hệt nhau. Như vậy, kỳ thi học sinh giỏi quốc gia lớp 12 hai năm liên tục đều có tiêu cực phải huỷ kết quả. Năm 1999, đã có 27 bài thi môn tin học không được công nhận kết quả do có tiêu cực trong coi thi và làm bài thi. (Thanh Niên, 23-5-2000)

Tiếng Jorai được dạy như chuyên ngữ

Trong khuôn khổ dự án giáo dục tiểu học, Bộ GD-ĐT vừa có quyết định triển khai thực nghiệm dạy tiếng Jorai tại hai nơi trên địa bàn tỉnh Gia Lai, là xã Iamonong (huyện Chư Pah) và xã Ia H'ru (huyện Chư Sê). Theo kế hoạch, mỗi năm chương trình sẽ triển khai ở bốn lớp 1, bao gồm hai lớp thực nghiệm và hai lớp đối chứng dành cho học sinh dân tộc Jorai chỉ biết

Mỹ nhận gỡ mìn ở VN

Theo một thông báo của sứ quán Mỹ tại Hà Nội ngày 19.6, chính phủ Hoa Kỳ đã hứa đóng góp các thiết bị chuyên môn trị giá 1,7 triệu đôla nhằm hỗ trợ các nỗ lực gỡ mìn của VN. Liên hiệp quốc và bộ ngoại giao Mỹ ước lượng có khoảng 3,5 triệu bom mìn chưa nổ tại VN, đặc biệt trong tỉnh Quảng Trị. Suốt 25 năm nay, sau khi chiến tranh chấm dứt, những bom mìn đó tiếp tục làm cho hàng ngàn người thiệt mạng hoặc bị thương tật, trong đó có nhiều trẻ em ở nông thôn khi chúng chơi ở những bãi đất hoang trong làng.



Làm sạch rác, đừng làm chiến tranh (hý hoạ của Văn)

ít, hoặc chưa biết tiếng Việt. Chương trình cũng ưu tiên chọn những giáo viên người dân tộc Jorai nói và viết chữ Jorai thông thạo, đã tốt nghiệp trung học sư phạm, có kinh nghiệm giảng dạy đối với học sinh dân tộc. Mục tiêu chương trình nhằm sử dụng tiếng Jorai như một ngôn ngữ giảng dạy giúp học sinh hiểu sâu sắc nền văn hoá của dân tộc mình và các dân tộc anh em, đồng thời thông qua tiếng mẹ đẻ để nắm vững tiếng Việt, tiếp tục học lên các bậc học cao hơn. (N.C., Thanh Niên, 27-5-2000)

Singapour kiếm kỹ sư máy tính Việt Nam

Hãng máy tính Singapour Acetech tìm muốn 50 người Việt Nam tốt nghiệp đại học với hợp đồng hai năm. Đây là lần đầu tiên một hãng ngoại quốc kiếm kỹ sư trong công nghệ thông tin được đào tạo trong nước. Theo báo Tuổi Trẻ phần tuyển lựa bắt đầu tại Thành Phố Hồ Chí Minh hôm 26 tháng 5. Bà Trần Thị Túc giám đốc văn phòng tuyển lựa RAJCI cho biết người dự tuyển phải ở lứa tuổi giữa 20 và 40. Lương cơ bản của những kỹ sư được tuyển là 1 200 đô la một tháng, so với lương trung bình trong nước là 300 đô la một năm.

Để đối phó với nạn thất nghiệp đang tăng, Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu nhân công nhưng cho đến nay những người ra nước ngoài là những công nhân không tay nghề, làm việc trong những xí nghiệp xây dựng, giao thông, chế biến hải sản. Từ năm 1990 trở lại đây, 65 000 người lao động đã đi làm việc ở 38 nước ngoài theo những hợp đồng giữa các chính phủ, và họ đã gửi về cho gia đình khoảng 220 triệu đôla. VN đã có kế hoạch tăng các hợp đồng xuất khẩu lao động lên đạt con số 30 000 người trong năm nay và 50 000 người năm tới. (AFP, 27.05, 9.6.2000)

Ba án tử hình trong một ngày

Trong cùng một ngày 1.6, toà án Việt Nam đã tuyên ba án tử hình. Ở TP Hồ Chí Minh Trần Hoài Nam bị toà kết án tử hình vì tội làm bạc giả. Số tiền giả có giá trị 250 triệu đồng (18 000 đô la). Hai đồng lõa chính của Nam bị kết án chung thân, 14 đồng lõa còn lại bị án từ 6 tháng đến 20 năm tù.

Ở tỉnh Sơn La gần biên giới Việt Lào, Tống Văn Thương bị bắt với 888 gram heroin. Thương bị toà kết án tử hình vì tội buôn lậu ma túy. Cùng ngày, ở Đồng Nai Nguyễn Văn Teo lãnh án này vì tội đã tổ chức một băng đảng chuyên cướp của, hiếp dâm và giết người.

Luật hình sự Việt Nam hiện nay có 29 tội danh có án nặng nhất là tử hình, trong đó có một số tội về kinh tế, và các tội buôn lậu ma túy, giết người, ăn cướp với vũ khí v.v... Năm qua 194 tội phạm đã bị tuyên án tử hình. Các tổ chức nhân quyền quốc tế đã nhiều lần phản đối việc gia tăng án này.

Mới đây vụ hành quyết bà Nguyễn Thị Hiệp vì tội buôn lậu ma túy đã gây phản ứng mãnh liệt của Canada. (AFP 01.06.2000)

Hiện chỉ mới hai vận động viên chắc chắn được đi dự thể vận hội tại Sydney

Cho đến ngày 1 tháng sáu, danh sách những vận động viên tham dự Thế Vận Hội chưa được duyệt. Một người có trách nhiệm của Ủy ban Olympic quốc gia cho biết trước tình hình kinh tế khó khăn, dư luận đắn đo trước phí tổn trong khi khả năng được giải thì rất ít.

Hiện nay chỉ mới hai vận động viên nữ của môn taekwondo nhiều triển vọng đạt giải, Nguyễn Xuân Mai và Trần Hiếu Ngân là chắc chắn được đi dự Thế Vận Hội. Cả hai đã được gọi qua Nam Hàn để tập dợt.

Một người thứ ba, vận động viên nữ môn bơi lội Nguyễn thị Hương cũng gần như chắc chắn được tuyển.

Những người khác, kể cả 8 người nằm trong danh sách đã được gọi đi Sydney cũng phải chờ tháng tới mới biết có được tuyển hay không. (AFP- 01.06.2000)

Tai nạn hoả xa

Ngày 2.6 chuyến tốc hành Hà Nội – TP Hồ Chí Minh đã trật đường rầy ở phía bắc tỉnh Quảng Bình làm hai người chết và 22 người bị thương trên tổng số 332 hành khách có mặt. Theo những tin tức đầu, tai nạn được giải thích vì do mưa bão đã làm ngã nhiều cột điện và cột dây điện thoại, và con tàu bị nạn ở một đoạn đường đang sửa chữa. Nhưng trong một phát biểu ngày 5 tháng 6, ông Nguyễn Văn Long giám đốc ty vận tải tỉnh Quảng Bình cho biết có thể tai nạn do người lái tàu bất cẩn cho tàu chạy quá nhanh và đã hãm gấp trong một đoạn vòng. Người lái tàu phụ bỏ trốn trong lúc tai nạn và đã ra đầu thú cảnh sát, hiện bị giữ lại để điều tra.

Đường xe lửa Việt Nam là một con đường đơn (một đường rầy cho hai chiều) hiện chưa được nâng cấp vì thiếu vốn. Trong năm tháng đầu năm đã có 56 người chết, 75 người bị thương trong 123 tai nạn khác nhau. (AFP 02.06.2000 & DPA 05.06.2000).

Hồng Kông đóng cửa khu tỵ nạn cuối

Khuya ngày 31 tháng 5 rạng ngày 1 tháng 6, chính quyền Hồng Kông đã đóng cửa khu tỵ nạn Pillar Point.

Những người còn ở đây là những người được phép ở lại Hồng Kông, tuy nhiên nhiều người sợ không có khả năng sống trong thành phố. Tsang Sing-san, một thanh niên 26 tuổi nói, với những công việc xây cất thất thường mà anh ta kiếm được anh không đủ để trả tiền nhà. Sing-san tới Hồng Kông năm 1991. Khoảng 150 người cho biết họ không đủ sức rời khu tỵ nạn, nơi họ hiện ở không phải trả tiền.

Sáng ngày 1 tháng 5, một số người ở Pillar Point đã biểu tình chống việc đóng cửa trại. Họ tố cáo chính quyền Hồng Kông biến họ thành kẻ vô gia cư và trong một kiến nghị đòi chính quyền Hồng Kông tài trợ họ. Chính quyền Hồng Kông kêu gọi những người ở trại tự nguyện đi.

Với khu Pillar Point đóng cửa là kết thúc thảm kịch thuyền nhân bắt đầu cách đây 25 năm. (AFP 31.05, 1.06.2000)

Phát hiện một nhóm buôn ma túy lớn

Một nhóm buôn ma túy cỡ lớn vừa bị công an Hà Tĩnh phát hiện, và trong cuộc vây bắt đầu tiên 24 tay buôn đã lọt lưới. Theo nguồn tin công an, nhóm này có khoảng sáu chục tên, hoạt động từ nhiều năm nay ở các tỉnh biên giới với Lào, và có cơ sở bên Lào. Ngoài ma túy, nhóm này còn buôn đồ la giả.

Cũng trong trung tuần tháng 6, TAND tỉnh Nam Định đã đưa ra xét xử 22 bị cáo trong đó có 4 phụ nữ trong một đường dây buôn ma túy lớn nhất từng bị phát hiện tại VN. Viện Kiểm sát đã đề nghị tòa phạt tử hình chính phạm Nguyễn Văn Tám và 10 bị cáo khác, phạt chung thân 9 bị cáo và phạt 18-20 năm tù 2 bị cáo. Tám bị buộc tội đã bán 236,6 kg heroin và 289 kg thuốc phiện. Đại diện công tố cũng đề nghị tòa tuyên phạt các bị cáo từ 50 - 500 triệu đồng.

Theo luật VN, những người bị bắt mang trên người hơn 100 gram heroin hoặc 5 kg thuốc phiện có thể bị tuyên án tử hình. Một người trách nhiệm chống ma túy của chính phủ Mỹ, ông Barry McCaffrey, nhân dịp ghé HN ngày 22.6, đã tỏ ý hài lòng về những biện pháp cứng rắn của nhà cầm quyền đối với dân buôn ma túy. (Tuổi trẻ 13-6, Thanh niên 22.6, AFP 19 và 22.6.2000)

Đào tạo tiến sĩ VN tại Pháp

Theo báo Tuổi trẻ, ngày 19-6, bộ trưởng Bộ Giáo dục - đào tạo Nguyễn Minh Hiền và đại sứ Pháp Serge Degallaix đã ký bản thỏa thuận đầu tiên có hiệu lực 5 năm về việc tiếp nhận các nhà nghiên cứu, giảng viên đại học Việt Nam đi học tại Pháp.

Theo thỏa thuận này, sẽ có khoảng 30 sinh viên Việt Nam sang Pháp học mỗi năm nhằm bồi dưỡng kiến thức bậc đại học và chuẩn bị bảo vệ các luận án tiến sĩ. Các sinh viên được Chính phủ Việt Nam đài thọ về tài chính, học miễn phí tại Pháp và được hưởng bảo hiểm xã hội. Phía Pháp cũng chịu trách nhiệm tổ chức tại Việt Nam và Pháp các khóa học bồi dưỡng ngoại ngữ (không quá chín tháng) cho các thí sinh đã trúng tuyển nhưng chưa đủ trình độ tiếng Pháp để theo học ngay.ê

(xem tiếp trang 10)

Phát hiện khảo cổ tại trung tâm Hà Nội

Do phát hiện hai tấm bia đá cổ trong khi đang đào móng xây dựng tại khu vực Bách hoá Tổng hợp cũ (gần hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội) công trình này đã được tạm dừng thi công để tiến hành khảo cổ. Sau hơn 10 ngày khai quật khẩn cấp, đến nay, các cán bộ của Viện Khảo cổ học VN đã tìm thấy nhiều hiện vật của một di chỉ cư trú có ý nghĩa quan trọng trong việc nghiên cứu lịch sử Hà Nội xưa.

Tìm thấy những di chỉ thế kỷ 17-18

Bắt đầu từ ngày 19.5, nhóm cán bộ của Viện Khảo cổ học đã lần lượt mở 3 hố khai quật lớn, có tổng diện tích 175m², nằm trong khu vực công trường, gần góc phố ngã tư Hàng Bài - Tràng Tiền. Các hiện vật được tìm thấy ở đây rất phong phú và đa dạng, bao gồm đồ sành, đồ đất nung, gốm men, xương thú, vỏ nhuyễn thể biển, tiền đồng, trâm cài tóc bằng đồng ... Nhiều nhất và phong phú nhất là đồ gốm, sứ với nhiều nguồn gốc khác nhau : Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Pháp. Chúng có niên đại từ thế kỷ 17 đến đầu thế kỷ 20, phổ biến là thế kỷ 17-18.

Các nhà khảo cổ nhận thấy diễn biến địa tầng ở đây khá rõ ràng, bao gồm 3 tầng văn hoá. Tầng thứ nhất từ lớp mặt đến độ sâu 0,5m là đất xáo trộn, chứa các di vật thời Nguyễn và thời hiện đại. Tầng thứ hai, từ độ sâu 0,5m đến 1,3m, là lớp đất nâu sẫm khá thuần, tìm thấy nhiều di vật gốm có niên đại từ thế kỷ 17-19, chủ yếu là thế kỷ 17-18. Điều này có thể nhận rõ qua các tiêu bản gốm men đặc trưng của gốm Việt Nam, Trung Quốc. Tầng thứ ba, từ độ sâu 1,3m đến 3,6m, bao gồm cả lớp đất đen, có rất nhiều đồ gốm men và đồ sành với các nguồn gốc gốm VN, gốm Trung Quốc và gốm Hizen Nhật Bản, phần lớn có niên đại thế kỷ 17. Những di vật xưa nhất tìm thấy ở đây là các đồng tiền An Pháp có từ thời nhà Mạc (thế kỷ 16).

Nhà khảo cổ học Bùi Minh Trí - một trong những người trực tiếp khai quật - nhận xét : “ *Dựa theo sử cũ, chúng ta mới chỉ biết đến một Tràng Tiền là trường đúc tiền, tồn tại đến năm 1887 thì bị bãi bỏ. Hay với ký ức của nhiều người thì nơi đây vốn là một trung tâm kinh tế và văn hoá lớn của Hà Nội qua nhiều thời kỳ. Nhưng một Tràng Tiền cổ xưa hơn, cùng với diện mạo của nó như thế nào thì từ trước đến nay vẫn là câu hỏi lớn đối với các nhà khoa học, các nhà Hà Nội học* ”. Qua đánh giá ban đầu về những hiện vật tìm thấy, Giáo sư Viện trưởng Viện Khảo cổ học Hà Văn Tấn nhận định : “ *Trước đây tôi vẫn nghĩ rằng ở đất Hà Nội, mọi chỗ đều có di chỉ tương đối giống nhau. Nhưng sau trường hợp này tôi thấy là bề dày lịch sử của từng địa điểm có sự khác nhau. Điều đặc biệt là từ trước đến nay trên địa bàn Hà Nội, thậm chí trên toàn miền Bắc, chưa có một nơi nào phát hiện được nhiều hiện vật gốm Nhật Bản như ở đây. Đặc trưng gốm Hizen của Nhật Bản thế kỷ 17 cho*

phép nghĩ rằng địa điểm cư trú này đã có giao lưu với Nhật Bản từ thời đó ”.

Ngày 5.6, tại công trường này, các nhà khảo cổ tìm thấy thêm một bia đá nữa, có niên đại sớm nhất trong 3 tấm đã tìm thấy tại đây. TS sử học Nguyễn Minh Tường xác định bia có tên là “ Tu lý đình bi ký ”, được làm vào năm Nhâm Tuất thời Gia Long (1802). Nội dung minh văn nói về việc tu tạo đình của thôn Đông An, tổng Đông Thọ, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức.

Khai quật tiếp, hay thi công tiếp?

Cuộc khai quật vừa qua hoàn toàn mang tính chất “ chữa cháy ” : Sau khi ngẫu nhiên tìm thấy các tấm bia đá, đã tiến hành đào hố thám sát trong một khoảng thời gian eo hẹp để khỏi ảnh hưởng tiến độ xây dựng. Điều này một lần nữa cho thấy sự cần thiết có một quy hoạch khảo cổ học đô thị. Như thực tiễn ở nhiều nơi trên thế giới, luôn có sự phối hợp giữa các nhà khảo cổ với các nhà quy hoạch đô thị để nhường cho các nhà khảo cổ đi trước một bước - kịp thời có mặt tại địa điểm đang chuẩn bị khởi công.

Theo Giáo sư Hà Văn Tấn, sau công tác vừa qua tại khu vực Bách hoá Tổng hợp cũ, các cán bộ của Viện chưa nhận được một nguồn kinh phí nào. Lẽ ra, mỗi dự án đầu tư cần có một tỉ lệ nhất định chi cho công tác khảo cổ. Ông cũng cho rằng, cần tiếp tục việc thám sát. Mới qua hơn 10 ngày đã tìm thấy nhiều di vật quan trọng và thú vị như vậy, thì thêm vài tuần nữa sẽ là thời gian quý giá cho công tác khảo cổ... Nhưng mặt khác, chính quyền thành phố nhận định rằng việc đảm bảo tiến độ của công trường cũng là quan trọng. Phó Chủ tịch UBND TP. Hà Nội Nguyễn Quốc Triệu đã có công văn giao Sở VHTT HN tổ chức việc thám sát vừa qua, và thống nhất với Sở Tài chính Vật giá về mức chi cho công việc trên trích từ kế hoạch ngân sách năm 2000 và sẽ được điều chỉnh vào cuối năm nếu kinh phí không đủ. Ngày 6. 6, TS Nguyễn Viết Chức - Giám đốc Sở VHTT Hà Nội - cho phóng viên báo Lao Động biết ý kiến : “ *Viện Khảo cổ cần chính thức đề ra một kế hoạch tổng thể cho việc khảo cứu tại khu vực nói trên cũng như trên địa bàn Hà Nội nói chung thì mới có cơ sở tổ chức các biện pháp thích hợp* ”. Ngày 7.6, Phó Chủ tịch UBND TP.HN Phan Văn Vương, trả lời phóng viên báo Lao Động, nêu rõ : “ *Việc thi công phải được tiếp tục ngay. Trong quá trình đào nhồi cọc móng, các nhà khảo cổ sẽ được phép có mặt theo dõi hiện trường* ”.

Sẽ lưu giữ những hiện vật vừa tìm thấy ở đâu? – Đây cũng là một câu hỏi bỏ ngỏ. Hiện nay 3 tấm bia vẫn được để tại công trường. Các hiện vật khai quật được đang “ để tạm ” ở Viện Khảo cổ học. Có ý kiến đề xuất đưa về Bảo tàng Hà Nội, nhưng hiện nay bảo tàng này vẫn chưa có một toà nhà riêng, các hiện vật phải mang đi gửi ở các nơi có kho. Đáng lưu ý sáng kiến của ban lãnh đạo Liên doanh xây dựng Trung tâm Thương mại là sẽ dành riêng trong khu nhà Tràng Tiền Plaza sau này một phòng trưng bày các hiện vật khảo cổ tìm thấy ở đây.

(báo Lao Động điện tử 6.2000)

Bệnh viêm não vi-rút

Đến nay bệnh viêm não vi rút đã xuất hiện ở 38/61 tỉnh, thành, với 445 trường hợp mắc, trong đó có 15 trường hợp tử vong. Các kết quả xét nghiệm cho thấy khoảng 23 % số người mắc viêm não Nhật Bản, lứa tuổi mắc tập trung ở trẻ từ 2 đến 8 tuổi. Năm 2000 do kinh phí Trung ương có hạn chỉ có 80 huyện có nguy cơ cao ở 13 tỉnh/thành phố với 575 000 trẻ (chiếm 6,4 % số trẻ cần tiêm ở các vùng nguy cơ cao) được tiêm phòng vắc xin viêm não Nhật Bản.

Để ngăn chặn và hạn chế tối đa bệnh viêm não nhất là viêm não Nhật Bản ở trẻ em, Bộ Y tế đề nghị Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố trực tiếp chỉ đạo và các ngành hữu quan triển khai các biện pháp đồng bộ tích cực nhất để phòng chống dịch như : vận động nhân dân hàng tuần tổng vệ sinh môi trường xung quanh nhà ở, khơi thông cống rãnh, lấp các vũng nước đọng, phát quang bụi rậm quanh nhà và chuồng gia súc, không để chuồng trại gia súc gần nhà... phát hiện sớm và điều trị kịp thời bệnh nhân để hạn chế tử vong và di chứng. Các địa phương cần trích kinh phí của địa phương để mua vắc xin tiêm miễn phí cho những trẻ thuộc gia đình nghèo hoặc đối tượng chính sách tại các vùng nguy cơ cao, phần còn lại vận động các gia đình tự mua trên tinh thần Nhà nước và nhân dân cùng làm. (TTXVN 14.6)

Tin Ngắn

* Chính phủ bang Nam Úc và Bộ GD-ĐT Việt Nam sẽ cùng phát triển hợp tác trên một số lĩnh vực như cung cấp các dịch vụ về giáo dục dạy nghề, giáo dục đại học, đào tạo và các dịch vụ tư vấn ; trao đổi thông tin, tài liệu về các vấn đề giáo dục, phương pháp giảng dạy và kỹ thuật thực hiện chương trình ; thiết lập các chương trình giáo dục bán du học giữa các cơ sở đại học, các trường cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.

* Bộ trưởng bộ Ngoại giao Algerie Youcef Yousfi đã đi thăm chính thức Việt Nam trong hai ngày 1 và 2 tháng sáu. Trong những năm 80 đã có hàng ngàn người Việt Nam qua Algérie làm việc. Song từ ngày những nhóm Islamic bài ngoại hoành hành, số người Việt lao động ở đây giảm dần, hiện chỉ còn khoảng 150 người.

* Quân đội Việt Nam đã mở lại căn cứ không quân Trà Nóc của Mỹ ở đồng bằng sông Cửu long và hàng không dân sự có thể sử dụng sân bay của căn cứ, cách TP Hồ Chí Minh 100 cây số về phía đông nam. Sân bay có thể tiếp nhận loại máy bay nặng như Airbus 320 hoặc Boeing 737s. Việc sửa chữa sân bay đã tốn 92 tỷ đồng (6,5 triệu đô la).

* Ngày 15-6-2000, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định thành lập Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước để tư vấn cho Chính phủ trong những quyết định quan trọng về tài nguyên nước thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ.

* Thủ tướng đã cho phép Tổng công ty Đá quý và vàng thuộc Bộ Công nghiệp được chế tác và bán viên đá quý có khối lượng 60gr. Đối với hai viên đá còn lại có khối lượng là 1.960gr và 458gr, Tổng công ty Đá quý và vàng có trách nhiệm mời chuyên gia nước ngoài đến thẩm định chất lượng và sau đó, không bán mà giữ làm tài sản quốc gia.

Thân gửi các anh chị,

Lâu lắm không có thư cho các bạn, một phần vì thấy chẳng có gì đáng nói, phần khác cũng vì phải giữ mình. Thiên la địa võng của các cục công an A15, A18, A25... đã mệt rồi, nay lại thêm Tổng cục 2 của Quân đội nữa.

Như tôi đã kể trong một thư trước, Cục 2 (tình báo) đã được tướng Lê Đức Anh nâng cấp thành Tổng cục từ lúc ông ta làm chủ tịch nước, phụ trách an ninh và đối ngoại, khi đất nước Việt Nam ra khỏi 50 năm chiến tranh và tuyên bố “ làm bạn với mọi người ”. Sự nâng cấp này không chỉ đơn thuần là vấn đề danh từ, nó thể hiện bằng số lượng, phương tiện, quyền lực. Lấy một thí dụ cho các bạn thấy rõ : tại Pháp, sứ quán Việt Nam có chưa tới 60 cán bộ, thế mà theo những nguồn tin nội bộ, số người của TC2 không dưới 20 người ! Các bạn có thể hỏi : hai tá người như vậy để làm gì ? Xin trả lời : chủ yếu là theo dõi Việt kiều, theo dõi cán bộ ngoại giao, theo dõi công an (một lực lượng tương đương về số lượng), theo dõi lẫn nhau và... buôn bán. Trong nước, TC2 có chân rết ở cấp huyện, cấp xã. Trung tâm nghe lóm điện thoại tốn kém hơn 10 triệu đô la đã xây dựng xong, đối tượng của mạng lưới nghe lén này, phần tử “ khả nghi ” thì ít, mà chủ yếu là cán bộ trung cao ở phía chính quyền, cũng như các ban ngành của đảng. Có nắm được bí mật của đối tượng (ăn hối lộ, đánh quả, chơi bời) mới lập được hồ sơ để làm áp lực, vô hiệu hoá, hoặc tung chưởng đánh đối phương. Vụ Nguyễn Thái Nguyên, cố vấn của thủ tướng Phan Văn Khải, vừa bị bắt là một thành tích điển hình của TC2.

Nói tới TC2 mà quên bộ máy công an thì lại bảo là thiên vị. Chỉ xin nêu một thí dụ đang làm dư luận quan tâm, đồng thời làm tổn hại quan hệ ngoại giao với Canada : đó là vụ xử tử hình bà Nguyễn Thị Hiệp, một người có quốc tịch Canada bị bắt quả tang mang hơn 5 kg bạch phiến (giấu trong những bức tranh sơn mài). Không ai nghi ngờ tội trạng ấy (đương sự cũng không phủ nhận). Song vấn đề không ở đó. Bà Hiệp khai là mấy bức tranh sơn mài ấy, người ta thuê bà mang sang Canada, trao cho một địa chỉ cụ thể. Mà ở địa chỉ ấy, trước đó, chính quyền Canada đã bắt được một người mang ma túy. Như vậy điều quan trọng là hai bên phải tìm ra hai đầu mối của đường dây này. Ai ở Việt Nam trao cho bà Hiệp, bà Hiệp phải trao cho ai ở Canada ? Bộ ngoại giao Việt Nam đã nhận lời để chính quyền Canada cử người sang thẩm vấn bà Hiệp và mang thêm bằng chứng rằng bà ta chỉ là đồng lõa, nếu không nói là “ cừu vạ ” trong một mạng lưới quan trọng và nguy hiểm. Mấy ngày trước khi phái viên Canada tới Hà Nội, Bộ công an “ *khẩn trương thi hành bản án tử hình* ” mà không thèm thông báo cho Bộ ngoại giao và Văn phòng Chính phủ. Người ta không thể không đặt câu hỏi : giết bà Hiệp, phải chăng người ta muốn thủ tiêu chứng nhân duy nhất có thể dẫn tới đầu mối ở Việt Nam ? Đối với dư luận ở trong nước, qua kinh nghiệm vụ Vũ Xuân Trường, mạng lưới ma túy cỡ này không thể không có ô dù cấp cao ở Bộ công an và Tổng cục Hải quan. Và cứ theo nguyên tắc bất di bất dịch của mọi tiểu thuyết trinh thám cũng như của mọi vụ án hình sự, trả lời được câu hỏi : “ Tội ác này có lợi cho ai ? ” là tìm ra thủ phạm.

Nghiêm trọng hơn cả uy tín quốc gia, là : nạn ma túy đang huỷ diệt sinh lực của xã hội Việt Nam. Nó không tha tâng lớp

THƯ HÀ NỘI

xã hội nào, kể cả (nếu không nói : nhất là) tầng lớp cầm quyền. Nó không tha con em một gia đình nào, kể cả gia đình của những quan chức thủ phạm buôn ma túy. Qua báo chí, các bạn đã thấy, vào mùa thi này, cả nước đang lên cơn sốt học thi, lò luyện thi, bằng giả thật, bằng thật giả... Nhưng căn bệnh trầm kha, hiểm nghèo nhất vẫn là nạn ma túy đang tàn phá học đường, tàn phá tuổi trẻ. Có lúc tuyệt vọng, tôi cầu nguyện sớm tới ngày mà nạn ma túy không chừa một gia đình nào trong Bộ chính trị : có lẽ lúc ấy họ mới tỉnh ngộ để hiểu rằng họ phải chọn giữa mạng sống của con cái họ và sự tồn tại của một thể chế mà họ tưởng có thể duy trì bằng bộ máy bạo lực đang giết dần giết mòn chính con em của họ.

Thôi, nói sang chuyện khác, đỡ buồn hơn. Thoạt trông đỡ buồn hơn. Đó là chuyện mê tín, là cuộc chạy đua vào thế giới thần linh. Tôi biết, vào những tháng cuối cùng của thiên kỉ thứ hai này, hình như cả trái đất đang lên cơn sốt tin nhảm. Đi đâu là Giáo hoàng Gioan-Paulô II với cái gọi là “ bí mật thứ ba ” của Đức Mẹ Fatima. Nhưng chúng ta cũng nên khoan dung với một con người đã làm nên nghiệp lớn nay đang ở cái tuổi gần đất xa trời (hay gần trời xa đất, cũng thế). Bởi vì cái “ bí mật thứ ba ” của Giáo hoàng có thấm vào đâu so với ba vạn sáu ngàn bí mật của vũ trụ mà hàng triệu đồng bào ta đang say sưa đi tìm với sự phù trợ của mọi đáng thần linh trên đời. Cách đây mấy tháng, một nhà vật lý học nổi tiếng ở Hà Nội (nổi tiếng không phải vì những phát kiến khoa học vật lý, mà vì những bài thuyết giảng của ông về khoa “ trường sinh học ”) đã đi khắp các câu lạc bộ Thủ đô, kể lại ông nằm mơ gặp Quang Trung, được Nguyễn Huệ thông báo “ *Trung Quốc đã đưa năm chục vạn âm binh sang nước ta* ”. Đến nỗi Bộ chính trị phải ra lệnh cấm không được để ông ta tiếp tục đi kể chuyện này. Cấm vì đại sứ quán của Bắc Kinh biết chuyện (không hiểu có phải do *âm binh* báo cáo không) và đã cực lực phản đối. Chứ không phải vì các vị không tin nhảm. Các vị, cũng như các cố vấn, đều là khách quen của các nhà toán số tử vi, của những ông đồng bà cốt ngồi một chỗ mà dùng điện thoại di động để chỉ dẫn cho người ta ở cách đó cả ngàn cây số đi tìm mộ mả người bị mất tích trong chiến tranh. Chắc các bạn cũng như tôi, đã nghe nhiều chuyện tìm mộ, đều có người quen không tin nhảm, đã từng điều cốt chuyện này, cho đến khi... vân vân, và nay rất tin ở khả năng linh cảm có thật của những con người có thật. Thư này không phải chỗ để chúng ta bàn chuyện khoa học, thảo luận về giới hạn của tri thức khoa học, càng không phải chỗ để điều cốt. Điều mà tôi muốn nhấn mạnh là điều này : xã hội Việt Nam đang cần tin, đồng bào chúng ta đang cần tin ở những điều siêu nhiên. Đó là một sự thật, và tìm hiểu nguyên nhân xã hội, văn hoá, tâm lí của việc này sẽ giúp chúng ta hiểu ra nhiều điều. Có hiểu cái đó, mới mong tìm thấy lối thoát cho cuộc khủng hoảng toàn diện mà xã hội ta đang trải qua. Nếu giọng thư của tôi có vẻ điều cốt,

xin các bạn hiểu cho là tôi muốn át đi nỗi buồn ghê gớm chiếm ngự tôi mỗi khi nghĩ tới tình trạng này.

Thôi xin rời cõi siêu nhiên trở về phạm trần. Các bạn có hỏi tôi : trong nước đánh giá ra sao về chuyến đi thăm Pháp, Ý của tổng bí thư Lê Khả Phiêu. Theo sự đánh giá của chính ông Phiêu, “ *đây là thắng lợi cá nhân to lớn* ” (tính từ *to lớn* chỉ cái *thắng lợi*, chứ không phải *cá nhân*). Câu nói thật thà này rất đúng. Đúng hai lần. Thứ nhất, nó không phải là một hoạt động ngoại giao quốc gia, nhằm thắt chặt quan hệ hợp tác. Thậm chí cũng chẳng phải một hoạt động ngoại thương. Có người trách : ba mươi mấy doanh nhân (một nửa được phong là tư nhân) đi Tây Âu mà chẳng mang về được một hợp đồng buôn bán nào cả. Trách oan : họ không hề chuẩn bị một hợp đồng nào thì làm sao có chuyện kí kết ? Cũng đừng đổ oan là họ đi chơi. Họ trả mấy chục ngàn đô mỗi người để tháp tùng đầu có phải để đi chơi, mà để đi cùng, để thấy “ các anh, các chị, các cháu ” cần gì thì họ cung phụng. Đó là một cách đầu tư mang lại lợi nhuận nhanh và nhiều gấp bội cái trò *neteconomy* đang làm chấn động thế giới. Vậy thì chuyến đi này thuần túy có tính chất cá nhân, nhằm cung cấp cho ông tổng bí thư hình ảnh một chính khách đã đi Tây, sau khi đã bí mật sang Bắc Kinh mà không báo cáo trước với Bộ chính trị. Lại một thắng lợi cá nhân nữa, dù cho mấy đề nghị ông Lê Khả Phiêu đưa ra, ông Giang Trạch Dân đều giả điếc, không màng trả lời.

Nói như vậy, các anh chị cũng hiểu rằng Đảng cộng sản Việt Nam đang chuẩn bị Đại hội IX (dự định vào tháng 3 năm 2001). Cuộc “ chạy đua nhân sự ” đang bước vào đoạn đường thẳng, các “ vận động viên ” đang chuẩn bị chạy nước rút. Từ nay đến ngày đại hội, còn ít nhất hai kỳ họp Trung ương. Bề ngoài sản khẩu thảo luận về đường lối, chiến lược, định hướng. Trong hậu trường là cuộc giành giật quyền lực vì quyền lực. Độ này người ta ít nói tới “ nguy cơ tụt hậu ”. Làm gì còn nguy cơ khi nó đã trở thành hiện thực phủ phàng. Đó lại là chuyện khác : nó không nằm trong chương trình nghị sự.

N. S. P.

Champa

Peintures et Dessins de

PHAN NGOC MINH

du 1er au 31 juillet 2000

□ la Galerie-Librairie IMPRESSIONS

15 rue Ternaux, 75011 PARIS (M^o Parmentier)

Tel : 01 43 57 53 10 ; <http://services.worldnet.fr/isases>

OUVERT mercredi de 18h □ 22h, samedi de 14h □ 20h

et sur rendez-vous

Phan Ngoc Minh est né en 1954 à Quang Nam, diplômé de l'Ecole Supérieure des Beaux-Arts de HoChiMinhville.

Expositions individuelles :

Da Nang (1994), My Son (1998)

Expositions collectives :

Ha Noi (1995), Dronninglund, Danemark (1995),
HoChiMinhville (1997), Freiburg, RFA (1998)

MỘT CHIẾN LƯỢC DÂN CHỦ HOÁ ĐỂ CHỐNG THAM NHŨNG

LTS.- Chúng tôi đăng dưới đây một bài viết mới (dài 7 trang báo này) của tướng Trần độ. Cuối bài tác giả đã sáng suốt nhìn nhận : “ thấy nói quá dài và hơi lằng nhằng, nhưng bớt đi đoạn nào cũng tiếc. Tôi đành cứ để nguyên và thêm vào một trang tóm tắt cho bạn đọc đỡ bị rối mắt, rối lòng.” Vì khuôn khổ tờ báo, chúng tôi đành lòng phải lược bớt nhiều đoạn. Để bạn đọc dễ bề theo dõi, chúng tôi bắt đầu bằng phần tóm tắt :

Tóm tắt

1- Có tham nhũng là do có sự lạm dụng chức quyền.

2- Có sự “ lạm dụng chức quyền ” là do có một hệ thống chính trị không dân chủ và thể chế vận hành của hệ thống đó cũng không dân chủ. Đó là :

Một Đảng độc tôn, độc quyền chuyên chế, để ra một nhà nước kèn càng, quan liêu, năng lực kém và Đảng ra sức tùy tiện sai khiến, nhào lặn cái nhà nước này trong tay (kể cả Quốc hội và Chính phủ).

Hệ thống chính trị không dân chủ nuôi dưỡng sự lạm quyền và cả sự lộng quyền. Cái hại nhất là hệ thống chính trị không dân chủ lại không có một cơ chế hãm nào, không có một sự giám sát nào của nhân dân (vì quyền tự do ngôn luận bị hạn chế khắc nghiệt). Nên lạm quyền dẫn đến lộng quyền là tất yếu.

3- Đó không những là nguồn gốc của tệ tham nhũng mà còn là nguồn gốc của nhiều sự suy thoái xã hội, suy thoái nhân cách con người và về lâu dài suy thoái cả dân tộc, vì sự độc tôn chuyên chế làm nảy sinh nhiều thói cơ hội, nịnh bợ hèn hạ và thói lừa dối lọc lừa, thủ đoạn hoang dã.

4- Muốn chống tham nhũng có hiệu quả phải có cả một chiến lược dân chủ hoá rộng lớn, chiến lược đó bao gồm :

a/ Từng bước cải cách hệ thống chính trị và cách vận hành hệ thống chính trị đó theo hướng dân chủ đa nguyên (hướng phát triển tất yếu của cuộc sống).

b/ Trước mắt phải đáp ứng nguyện vọng của nhân dân, biểu thị mạnh mẽ quyết tâm “ thực sự chống tham nhũng ”. Điều đó cần biểu hiện ở công tác tư tưởng và luật pháp.

c/ Về tư tưởng và luật pháp phải bảo đảm tự do ngôn luận ở báo chí và xuất bản. Về luật pháp phải sửa luật báo chí và xuất bản, phải sửa các điều trong luật hình sự, luật khiếu nại tố cáo và pháp lệnh chống tham nhũng. Phải tỏ ra khuyến khích chống tham nhũng, chứ không phải bênh tham nhũng. Phải khuyến khích thông tin chống tham nhũng, thông tin phải luôn nhắc nhở và đưa tin về tham nhũng và chống tham nhũng, tin đó phải nhiều hơn tin trật tự giao thông và tin ma tuý.

d/ Phải có sự chỉnh huấn sâu sắc về thái độ của người và cơ quan nhà nước đối với dân, thực hiện đúng lời Bác Hồ dạy : phải thực sự làm đầy tớ của dân. Về tổ chức, phải sửa đổi toàn bộ các luật bầu cử trong Đảng cũng như trong xã hội, bảo đảm dân và đảng viên được tự do chọn và giới thiệu người mà mình tin nhiệm và tự do bầu để quyết định trao quyền cho người mà mình tin.

Nếu ai thực sự có lòng chống tham nhũng thì cần phải thực hiện các thể chế dân chủ để bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Chỉ có thể mới chống được tham nhũng. Nếu không sẽ chỉ là nói suông, và bao che tham nhũng.

I. Tham nhũng là gì ?

1- Tham nhũng không chỉ là một tệ nạn xã hội, mà thật sự nó đã thành kẻ thù của mọi tầng lớp trong xã hội, kẻ thù của cả dân tộc, cả đất nước.

Sự phân tích về những xấu xa, tệ hại của tham nhũng cũng đã khá nhiều, khá đầy đủ. Những chữ dùng như “ Quốc nạn ”, “ giặc nội xâm ” đã thật chính xác và cũng là tột cùng rồi. (...)

2- Sở dĩ tham nhũng làm cho toàn xã hội bức bối và căm ghét là vì nó có cả Tham và Nhũng. Tham là sự ăn cắp và ăn cướp trong đó chủ yếu là cướp ngày (cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan) là các quan ăn cắp và ăn cướp lấy bao nhiêu của cải của nhà nước, mà của nhà nước tức là của dân đóng góp vào. Cải thiện một mức lương cho những người ăn lương, ngân sách phải chi hơn 5.000 tỷ, mà một vụ tham nhũng ngân sách nhà nước cũng tổn thất hàng chục nghìn tỷ. Thế thì cái món “ cướp ngày ” rất là ghê gớm, không thể không căm ghét. Vì biết bao nhiêu đóng góp của dân cho đủ một vụ tham ??? Tham thì như thế, nhưng còn *nhũng* ? Cái *nhũng* nó lại càng rộng rãi, càng đụng đến cuộc sống hàng ngày của mỗi người trong nhân dân. Đó là sự phiền hà, ngăn trở, dối trá, lừa lọc, hành hạ của các người có chút quyền lực của các cơ quan có quyền lực ! Xin phép làm một việc gì, xin chứng nhận một điều gì, xin việc làm, xin đi học, xin chữa bệnh, xin ra nước ngoài... bất cứ việc gì cũng đều phải có tiền. Trong xã hội đã có một sự công nhận hiển nhiên, muốn làm việc gì thì việc “ đầu tiên ” là phải có tiền, mỗi việc đã có thang giá (*barème*) tiền được truyền khẩu nhau rất rõ ràng và công khai, một công việc muốn được việc càng bị đẩy sang nhiều khâu để được nhiều người được ăn tiền thì càng tốt và mới có hiệu quả. Rồi có những khâu công việc được sáng tạo ra thêm để cố kiếm tiền lời : như trường học quy định học sinh phải may đồng phục theo đúng kiểu và mẫu vải của nhà trường. Vì nhà trường có thợ may và vải đúng mẫu bán ; chữa bệnh phải mua thuốc chỗ người bán được giới thiệu v.v... Chế độ ta đây ưu việt trong các vấn đề xã hội là giáo dục và y tế thì chính trong các khâu giải quyết công việc của chữa bệnh và đi học lại bị hành hạ hơn cả. Rồi đến việc quản lý thị trường, thu nộp thuế, việc môi trường mỹ quan, yêu cầu xanh, sạch, đẹp, trật tự đường phố, trật tự giao thông. Những người dân nghèo là những người bị nhiều hăm dọa và hành hạ hơn ai hết. Còn một nạn *nhũng* phức tạp nữa là các người, các cơ quan nắm pháp luật lại cố tình làm sai pháp luật. Hoặc những người có quyền lực vì dốt hoặc vì những lẽ khác nên có những quyết định sai hoặc bất công, rồi cố tình đùn đẩy cho người khác, gây nên những oan khuất mà nhiều người bị oan đi kêu

rêu hàng chục năm ròng vẫn không xong. Một cuộc sống luôn bị hăm dọa và hành hạ thì làm sao gọi là một cuộc sống yên vui cho được. Cho nên bên cạnh cái nạn Tham thì cái nạn Nhũng làm cho ai nấy đều phải day dứt và nhức nhối.

II. Tại sao có tham nhũng và chống tham nhũng lại khó ?

Một nguồn gốc quan trọng và to lớn sâu sắc của tệ tham nhũng là có sự lạm dụng quyền lực. Một sự thật hiển nhiên là chỉ có ai có quyền lực mới có thể tham nhũng, có quyền to thì tham nhũng to, có quyền nhỏ thì tham nhũng nhỏ. Nhân dân Thái Bình rất thông minh và thâm thúy, khi đấu tranh chống tham nhũng ở cơ sở, tập trung hỏi các cán bộ lãnh đạo của Đảng và chính quyền là : “ *Các ông cho chúng tôi biết là các ông làm thế nào mà các ông giàu nhanh như vậy ? Các ông cho chúng tôi kinh nghiệm để chúng tôi cũng làm giàu với !* ”

Quả là cái kinh nghiệm “ dùng quyền thế ” là không thể truyền cho những người không có quyền thế được.

Những sự lạm dụng quyền lực lại có nguồn gốc sâu xa của nó. Đó là những thể chế đã tạo ra những điều kiện, những hoàn cảnh làm cho người ta tìm được quyền lực và tự do dùng được quyền lực đó.

Đó là những thể chế quyền lực không có cơ chế kìm hãm và giám sát. Những thể chế đó lại là con đẻ của một hệ thống chính trị và sự vận hành của hệ thống đó. Nguyên lý của hệ thống chính trị này là Đảng lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện, triết để và độc tôn. Tất cả các tổ chức nhà nước, các tổ chức xã hội đều do ngân sách (tức là do nhân dân đóng góp) đài thọ và đều chỉ là công cụ xoay quanh Đảng, do Đảng chỉ phối, sử dụng ; chỉ có nhiệm vụ phục tùng và chấp hành mọi ý kiến của Đảng, quy về danh nghĩa thì vẫn có cái mác “ của nhân dân ”. Những thể chế nói trên là thể chế tạo điều kiện cho người ta tự do và dùng thủ đoạn để tìm kiếm quyền lực và khi có quyền lực thì tự do và tùy tiện dùng nó để mưu lợi và làm giàu.

Nói gọn lại thì đó là những thể chế không dân chủ và tệ hơn là phản dân chủ. Những thể chế đó không để cho người dân được chút quyền nào để kìm hãm và kiểm tra những người có quyền lực. Người dân chỉ có việc đi kêu xin và được những người có quyền lực ban phát ân huệ. Vì vậy mấy chữ quyền làm chủ của dân chỉ là những chữ có tính hài hước và mỉa mai rất cay đắng.

Lập ra bộ máy nhà nước để quản lý xã hội, thì bộ máy đó phải có quyền lực. Nhưng mà dân làm chủ thì phải có cơ chế cho dân giám sát và kiểm soát quyền lực đó vì hiến pháp đã ghi là “ Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân...” (Điều 2- Hiến pháp 1992). Thế mà không có một thể chế nào, một cơ chế nào bảo đảm cho nhân dân thực hiện cái quyền cao quý đó. Ngược lại Hiến pháp lại ghi ở Điều 4 là “ Đảng Cộng Sản Việt Nam... Là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội ”. Thế thì chỉ có Đảng, Đảng là trên cả nhà nước, trên cả nhân dân, và đó là nguyên lý phản dân chủ lớn nhất.

III. Vai trò của Đảng Cộng Sản

Đến đây lại phải nói về Đảng Cộng Sản và vai trò của Đảng

Cộng Sản. Trãi 3 phần tư thế kỷ qua, lịch sử đã khẳng định rõ ràng vai trò quan trọng của Đảng Cộng Sản trong việc tổ chức, động viên toàn dân và lãnh đạo của hai cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, nước nhà độc lập và thống nhất. Điều đó đã mang lại vinh quang cho Đảng một cách hiển nhiên. Cũng có điều hiển nhiên khác là : Thắng lợi và vinh quang ấy của Đảng đã phải trả bằng một cái giá khá cao và rất cao : đó là sự hy sinh gian khổ và tính mạng của hàng vạn Đảng viên của Đảng. Đó cũng là những bất hạnh ghê gớm giáng xuống đầu của hàng triệu gia đình nhân dân mà hậu quả cay đắng ngày nay cũng có thể còn gặp luôn trên báo chí và trên khắp nẻo đường đất nước. Trong đó có cả những bất hạnh gây nên bởi những sai lầm, thất bại của Đảng(sẽ nói tiếp sau đây).

Nhưng có điều Đảng đã làm cái việc tự khen mình tự biểu dương cái vẻ vang của mình quá cao, quá nhiều và quá lâu. Điều đó cũng che lấp đi một sự thật cũng hiển nhiên khác là bên cạnh sự đúng đắn thắng lợi, trong lịch sử của mình Đảng cũng mắc không ít sai lầm và có những thất bại nặng nề. Nhưng vì cuối cùng thì thắng lợi của ta lớn quá, cho nên những sai lầm và thất bại đó bị che lấp và quên lãng. Và cũng bởi vì Đảng lại dùng phép biện chứng chứng minh rằng : mỗi lần thất bại, Đảng vẫn thu được thắng lợi lớn : đó là bài học kinh nghiệm tiến lên. Nhưng thực ra có những khuyết điểm sai lầm của Đảng mang tai họa cho toàn dân tộc, tàn phá số phận của hàng vạn gia đình và hàng triệu con người. Đó là những thất bại của Xô Viết Nghệ Tĩnh (1930), của khởi nghĩa Nam Kỳ (1940). Đó là sai lầm của cải cách ruộng đất (1955-1956), cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Đó là sai lầm về đường lối của Đại hội IV sau toàn thắng, làm cả dân tộc rơi vào khốn đói ; đó là sai lầm tùy tiện nhập vào tách ra các địa phương tổn kém nhiều tiền và ngăn trở phát triển ; sai lầm của những vụ án oan mà Đảng đã xử lý một cách tùy tiện độc đoán cũng tác hại cho xã hội không kém, càng về sau sự thật càng chứng tỏ những vụ án đó là oan sai, chỉ có cải cách ruộng đất là có sự “ sửa sai ” đảng hoàng. Tuy vậy sửa sai cũng chỉ làm cái việc hốt lại bát nước đã đổ xuống đất. Còn các vụ khác, đảng lảng lạng sửa sai tí chút, nhưng cứ lơ đi không công khai tuyên bố rõ sai lầm và sửa sai. Đảng cứ làm ra vẻ “ không bao giờ có sai lầm ” và mọi việc làm nho nhỏ để sửa sai thì lại chứng minh là “ tinh thần đạo khoan hồng cao cả ” của Đảng ban phát cho các nạn nhân. Thậm chí có ai công khai nói lên sự sửa sai đó, Đảng còn kỷ luật khai trừ nữa. Đảng luôn luôn tìm mọi cách để chứng tỏ (nhất là hệ thống công tác tư tưởng văn hoá cứ nói lấy được) rằng : Đảng Cộng Sản chỉ có thắng lợi, hết thắng lợi này sang thắng lợi khác, chỉ có sáng suốt và tài tình ; có thất bại cũng thắng lợi, có sai lầm cũng sáng suốt, tài tình, không bao giờ có thất bại, không bao giờ có sai lầm. Chính vì thế đảng cả cố ý cả vô tình cứ che giấu những cái sai lầm khuyết điểm một cách có hệ thống. Trong khi ấy nguyên lý xây dựng Đảng là “ lấy phê bình và tự phê bình làm quy luật phát triển của Đảng ”. Đảng tạo nên một thói quen : cứ nói một đảng làm một nẻo, đến nỗi thói quen ấy trở thành nét chủ yếu và bản chất của Đảng ; nhân dân không thể gửi được lòng tin của mình vào đảng nữa. (...)

Hiện nay đảng đang thực hiện việc “ lãnh đạo tuyệt đối ” thực chất là độc tôn chuyên chế phản dân chủ. Đảng cũng tự cảm thấy mình không dân chủ, cho nên phải ban hành chủ trương quy chế dân chủ cơ sở, làm như chỉ có mất dân chủ ở cơ sở

thời. (...)

Thực ra đảng đã phải lo ngại về cái mất dân chủ của mình, nên giới lý luận chính thống đã phải tổ chức hội thảo vấn đề : Một đảng lãnh đạo có thể có dân chủ được không ? Như vậy là đã cảm thấy mình kém dân chủ phản dân chủ ; phải tìm ra cái lý luận nói rằng Đảng lãnh đạo độc tôn cũng vẫn dân chủ được. Khốn khổ thế !

Trong cuộc thảo luận ở một báo cáo đề dẫn có nêu lên rằng : Chế độ một đảng duy nhất cầm quyền có những trở ngại và nguy cơ như sau :

- 1- Chủ quan, duy ý chí và quan liêu trong xác định chủ trương đường lối.
- 2- Đảng dễ áp đặt ý chí của mình với Nhà nước và xã hội sắp đặt người của đảng vào các cơ quan Nhà nước và các đoàn thể xã hội, tự đặt mình lên trên nhà nước và pháp luật, bao biện làm thay công việc của Nhà nước mà không chịu trách nhiệm pháp lý nào về trách nhiệm của mình.
- 3- Hệ thống các đoàn thể xã hội có thiên hướng về Đảng (nịnh đảng, chỉ chấp hành nhiệm vụ trước đảng) hơn là làm tròn trách nhiệm đại biểu cho nguyện vọng, lợi ích của đoàn viên, hội viên mà mình là đại diện.
- 4- Các đảng viên có chức có quyền đã sa vào đặc quyền, đặc lợi, tham nhũng, cửa quyền gây phiền hà cho dân.
- 5- Người dân rất khó kiểm tra, giám sát được các cơ quan có quyền lực (gồm toàn người của Đảng)
- 6- Dân chủ xã hội bị vi phạm quá mức thì sẽ đổ vỡ tất cả (từ chính quyền đến đảng)

Thực ra, đó là những sự thật đang diễn ra và đã diễn ra, những sự thật cay đắng nói lên tình trạng phản dân chủ, chứ chẳng phải nguy cơ gì nữa. Có điều sự đổ vỡ là nguy cơ có thật. (...)

Trong một cuộc hội thảo có một đồng chí lão thành đã đặt ra 3 câu hỏi :

- 1- Hiện nay Đảng Cộng Sản có phải là nơi tập trung và tiêu biểu cho trí tuệ của toàn dân tộc không ?
- 2- Ban chấp hành Trung ương của Đảng có tập trung và tiêu biểu được cho trí tuệ của toàn Đảng không ?
- 3- Bộ chính trị hiện nay có tập trung và tiêu biểu cho trí tuệ của toàn trung ương không ?

Với tình hình trong Đảng hiện nay có tới 1/3 là các Đảng viên lão thành mà toàn dân tộc đã có hàng nhiều triệu trí thức cũ và mới ; thì người đặt câu hỏi như trên tức là vừa đặt câu hỏi đồng thời đã trả lời là “ không ” rồi.

Vấn đề là ai là người đánh giá Đảng với những điều kiện như vậy ? Trong khi Đảng bắt mọi người phải nói một lời ; trừng phạt và bỏ tù tất cả những người nói khác.

Cứ thực hiện phản dân chủ rồi rêu rao là dân chủ tuyệt vời mà không ai được nói khác. Những nguy cơ và trở ngại mà hội thảo nêu lên ở trên là nguồn gốc của tham nhũng. Chỉ có khẳng định nguồn gốc như thế mới tìm được con đường khắc phục tham nhũng.

Hầu như nước nào cũng có tệ nạn tham nhũng. Tệ nạn ấy thường gắn liền với tệ quan liêu và thiếu dân chủ. Ở Việt Nam nó là căn bệnh nan y vì nó gắn liền với quan liêu và phản dân chủ.

IV. Chống tham nhũng thế nào ?

Bây giờ vấn đề đặt ra là công cuộc chống tham nhũng cần tiếp tục thế nào ? Có biện pháp nào khác nữa không ? Các biện pháp cũ (lên án, vận động, lập tổ chức) cần có cường độ và mật độ cao hơn nữa được không ? Có thêm nhiều vụ xử án và án tử hình hơn nữa hay không ? Bắt bồi thường nhiều hơn nữa liệu có cải thiện được ngân sách chút nào không ? Nhân dân có thể cởi bỏ được khỏi ách THAM và NHŨNG hay không ?

Xin nói ngay rằng phải có một phương pháp hay lớn hơn phương pháp là một chiến lược. Có một chiến lược chống tham nhũng như thế nào đó, có thể chưa diệt ngay được nạn tham nhũng, nhưng ít nhất có thể ngăn chặn, đẩy lùi từng bước, và nếu chiến lược này được tiếp tục phát triển thì có nhiều triển vọng đẩy lùi hẳn và đánh bại hẳn được giặc tham nhũng. Chiến lược đó không có gì mới lạ, nó đã được ghi vào ở nhiều nghị quyết, nhiều văn bản và nhất là nó đã được ghi một cách trịnh trọng vào hiến pháp năm 1992, chẳng có gì là xa lạ. Đó là **chiến lược dân chủ**. Ta vẫn tự hào, chế độ của ta là chế độ dân chủ, và ta đã nói khá nhiều về dân chủ, nhưng chỉ tiếc rằng điều đó chỉ mới nằm chờ vơ trên mặt giấy. Cho nên bây giờ phải gọi là **chiến lược dân chủ hoá**. Nghĩa là phải **hoá** cái dân chủ *trên giấy* thành **dân chủ thực sự trong cuộc sống** (...)

Ngoài vấn đề tư tưởng chỉ đạo của nhà nước ra còn một vấn đề chiến lược khác có tầm quan trọng hơn. Nó bao trùm tất cả, chi phối tất cả, tác động tất cả. Bởi vì nó quyết định được việc loại trừ sự lạm dụng chức quyền bằng cách bộ máy nhà nước vận hành trong “ một cơ chế hãm ” có hiệu lực và đặt dưới sự giám sát thật sự của nhân dân. Như vậy phải loại trừ sự độc tôn và chuyên chế - đồng thời phải có một cơ cấu hợp lý cho hệ thống chính trị với mấy nguyên tắc :

- Tập trung quyền điều khiển quản lý đất nước và nhân dân trong tay các cơ quan nhà nước tức Quốc Hội và Chính phủ.

-Đảng giữ vai trò là một tổ chức chính trị có quyền giới thiệu Đảng viên của mình ra tranh cử các vị trong Quốc hội và Chính phủ. Tranh cử chứ không phải Đảng quyết định bổ nhiệm, quyền chọn lựa phải để dân tự do.

Đảng có quyền dùng trí tuệ và học thuyết của mình để phân tích tình hình thế giới và nhà nước, đề xuất những dự kiến chính sách, và những người khác ngoài Đảng cũng có quyền như vậy. Còn quyền quyết định là do Quốc hội và Chính phủ tiếp thu, cân nhắc rồi chọn lọc và quyết định. Đảng không được quyết định thay cho cơ quan nhà nước và bắt cả xã hội phải tuân theo.

Như vậy không có gì là hạ thấp vai trò của Đảng mà chỉ tước cái quyền độc đoán và chuyên chế của Đảng. Điều này Đảng cộng sản chân chính cũng không hề chủ trương.

Vì vậy, vấn đề chiến lược bao trùm là phải cải cách hệ thống chính trị, định lại cơ cấu hệ thống chính trị. Phải phân biệt rõ cơ quan nhà nước do nhân dân nuôi với tổ chức xã hội (dù là tổ chức chính trị xã hội) phải tự nuôi, không thể Nhà nước hoá tất cả các tổ chức xã hội mà thực chất là trói buộc các tổ chức xã hội vào guồng máy của Đảng. Các tổ chức xã hội phải tự nuôi và có quyền độc lập của mình. Phải định lại nguyên tắc vận hành của hệ thống chính trị. Phải có nguyên tắc là mọi tổ

chức xã hội phải độc lập và bình đẳng với nhau, không thể có tổ chức cha và tổ chức con được. Nhà nước chỉ có thể trợ cấp một cách rất hạn chế cho Đảng Cộng Sản và Mặt trận tổ quốc chứ không thể gánh vác sự đài thọ cho hàng trăm tổ chức và lại phải cung cấp theo lệnh của Đảng. Phải đi tới thực hiện 3 quyền phân lập, mà xoá bỏ sự bao biện của Đảng. (...)

Biện pháp chiến lược thứ nhất là bảo đảm cho nhân dân thực hiện được quyền giám sát và quyền bày tỏ nguyện vọng chống tham nhũng của mình. Biện pháp này bao hàm một tư tưởng chỉ đạo là bảo đảm cho toàn dân được tự do bày tỏ nguyện vọng, bộc lộ được hiểu biết của mình về nạn tham nhũng, tự do cung cấp thông tin về các hành vi tham nhũng. Điều này bao gồm :

- Phải có và thực hiện tư tưởng chỉ đạo là khuyến khích mọi nguyện vọng chống tham nhũng. Từ trước việc gì ta cũng nói chống tham nhũng là nhiệm vụ của toàn dân. Nhưng trước đây ta nêu khẩu hiệu nhiệm vụ của toàn dân thì thường chỉ nói : với ngụ ý dân là tay sai, công cụ, phải chấp hành những nhiệm vụ của lãnh đạo; phải ủng hộ và cộng tác với công an, thực chất phải làm tay sai cho công an. Nhiệm vụ chống cái gì thì cũng công an làm nòng cốt : từ chống buôn lậu, chống ma tuý, giữ trật tự xã hội... đều là như thế. Công an là nòng cốt, còn dân thì phải giúp đỡ, phải báo cáo, phải cung cấp thông tin, chưa bao giờ lãnh đạo biểu lộ ý thức coi dân là chủ; vậy chống tham nhũng thì các cơ quan nhà nước phải đặc biệt khuyến khích nhân dân tự động tố cáo mọi hành vi tham nhũng. Phải sửa ngay luật báo chí và xuất bản, đảm bảo mọi người tự do viết báo, làm báo, tự do sáng tác văn học, tự do viết và tự do in. Như thế mới có phương tiện cho nhân dân tự do chống tham nhũng và cũng chỉ là để cho nhân dân thực hiện quyền dân chủ cơ bản của mình mà thôi. Việc này phải được thực hiện trong quyền tự do báo chí và xuất bản. Có tự do báo chí và xuất bản, các văn nghệ sĩ và trí thức mới thực hiện được quyền ăn nói của mình, quyền nói lên những ý kiến và nguyện vọng của nhân dân. Nhân dân mới có nơi để gửi gắm những ý kiến nguyện vọng của mình. Nhà nước thường tự xưng là của nhân dân, nhưng thực sự bộ máy nhà nước ít khi tôn trọng ý kiến của dân và cũng không nghe hết được mọi thứ ý của dân. Bộ máy nhà nước thường tách khỏi nhân dân và coi dân là đối tượng cai trị của mình. Phải để cho dân có phạm vi rộng lớn phát biểu ý nguyện của mình, gửi gắm ý nguyện, văn nghệ sĩ trí thức là những thành phần trong nhân dân. Không được quan liêu hoá, Nhà nước hoá các cơ quan ngôn luận và khống chế các cơ quan ngôn luận. Trước ta nói lý thuyết là dưới chính quyền cách mạng thì các quyền dân chủ của dân có các phương tiện của nhà nước bảo đảm (bầu cử, in, báo chí). Nhưng thực tế luật của ta chỉ bảo đảm cho các tổ chức (Nhà nước) có các quyền ấy, mà Nhà nước thì đã tách khỏi dân. Rút cuộc dân chẳng có quyền mà cũng chẳng có phương tiện gì để thực hiện quyền của mình. (...)

Biện pháp chiến lược thứ hai là phải chỉnh huấn gắt gao cho cán bộ và các cơ quan nhà nước thấm nhuần ý thức và tâm lý là người làm công (là công bộc, đầy tớ) cho nhân dân, không được coi công việc mình làm là đoạ nạt, đòi hỏi nhân dân,

cũng không phải là ban ơn làm phúc cho nhân dân. Dù cho có những người đi dẹp trật tự đường phố, giữ luật đi đường, đi thu thuế, đi soát xét việc này việc khác thì không được coi mình là trên nhân dân, bắt buộc nhân dân, mà phải là người thương lượng với dân. Những người ngồi bàn giấy để đóng dấu, để ký chứng nhận, để trả lời những câu hỏi thì phải lễ phép với dân, không được tự coi là người cho phép, người dẫn dắt dân. Người bán hàng còn coi người mua là thượng đế và nêu phương châm :” khách hàng luôn luôn đúng”; vậy thì người cán bộ nhà nước cũng phải có thái độ coi dân là thượng đế, là cha mẹ, anh chị. Điều này Bác Hồ đã nói nhiều (...)

Một biện pháp chiến lược nữa để bảo đảm quyền dân chủ cho dân : đó là phải rà soát lại toàn bộ các luật bầu cử trong Đảng cũng như trong xã hội. Xây dựng luật bầu cử theo hướng bảo đảm thật sự tự do ứng cử và tự do bầu cử. Chỉ có sự giới thiệu, còn sự vận động tranh cử cũng phải tự do thoải mái. Cần bác bỏ, triệt tiêu hết các thủ đoạn gò bó qua sự hiệp thương của mặt trận mà thực chất chỉ là gò ép chấp nhận ý kiến chỉ đạo của Đảng (các cấp uỷ). Những thủ đoạn đó làm nản lòng nhiều thanh niên và trí thức. Do đó che lấp mất nhiều nhân tài và mầm non nhân tài. Vì vậy chung quy lại cũng chỉ rõ ra có một chân lý đơn giản này : chỉ có dân thực sự làm chủ, chỉ có một cuộc sống xã hội thực hiện đầy đủ các quyền dân chủ cơ bản của người dân thì xã hội mới lành mạnh, mới chống được tham nhũng.

Hình như có người lại lo rằng : dân ta dân trí còn thấp, giao cho nhiều quyền dân chủ thì dân cũng không biết dùng và dùng lung tung, lại có hại cho xã hội.

Vậy xin hỏi chờ đến bao giờ mới giao được quyền dân chủ cho dân??? Không giao cho dân thì bao giờ dân mới biết dùng. Giao mà chưa giao đã đoạ bỏ tù người dùng(lợi dụng) thì bao giờ mới giao được?

Có người ngại kẻ địch lợi dụng??? Ai là kẻ địch bây giờ? Trong khi ta cần làm bạn với tất cả mọi người trên thế giới. Như trên đã có chỗ nói : Chính vì chính quyền ta không dân chủ thì những người trên thế giới (cả người tốt và người xấu) họ đang đều xĩa xối chê bai, và họ tỏ ra không muốn giao lưu, không hợp tác không đầu tư.

Không khí xã hội có dân chủ thì đúng là nó sẽ không yên ổn, nó luôn sôi động, nhiều tiếng nói và như thế không phải là không ổn định.

Không nên coi thường nhân dân ta quá. Nhân dân ta có ý thức chính trị rất cao, nhân dân Thái Bình đã phần nộ rất cao mà không khí vẫn ôn hoà và kiên nhẫn. Nhân dân không ai muốn xáo động và mất ổn định. Nhưng phải để cho dân thực hiện quyền làm chủ của mình. Không ai thay dân chống được tham nhũng. Những người có quyền lực và cứ luôn lo sợ bị mất quyền lực là những người không chống được tham nhũng và chỉ có dung túng tham nhũng.

Tháng 4-2000
Trần Độ

Hàn Thuỷ

Đầu thế kỷ 21 : Tin học và Sinh học hội tụ

Để tưởng nhớ Bùi Mộng Hùng

*Trông mặt mà bắt hình dong
Con lợn có béo thì lòng mới ngon*
Tục ngữ

Sinh học là môn học về sự sống, muôn màu muôn vẻ. Tin học nói chung chỉ biết có số không và số một, không có gì khó khăn hơn. Hiện nay đại đa số những người làm tin học không biết gì đến sinh học, và đa số người làm sinh học cũng chỉ dùng máy tính như một dụng cụ để viết bài hay tính toán.

Thế nhưng chỉ cần lật xem những tạp chí phổ biến khoa học trong thời gian vừa qua cũng thấy không hiếm những thông tin hay bài báo nói về những khảo cứu vận dụng cả hai ngành khoa học - công nghệ nói trên. Thí dụ một số tựa như : “ *Sự thành hình ngành y khoa xi-be* ”, L'avènement de la cybermédecine, La Recherche, tháng 2.2000 ; “ *Phải chăng ngày mai sẽ có loài vật nhân tạo ?* ”, Les animaux artificiels sont-ils pour demain ?, La Recherche, tháng 10.1998 ; “ *Từ Sinh học tới Tin học* ”, De la Biologie à l'Informatique, La Recherche, tháng 2.1999 ; “ *Tính toán bằng ADN* ”, Calculer avec l'ADN, Pour la Science, tháng 10.1998 ; vân vân, không thể kể hết. Người ta luôn luôn gặp những thuật ngữ mới (vì mới quá, xin phép không dịch vì đây là công việc mà ngay những người trong nghề cũng phải bàn cãi cẩn thận), như *Biopuce, Biocomputer, Pilule électronique, Algorithme génétique, mạng neuron...* cũng không thể kể hết.

Vậy chuyện gì đang và sẽ xảy ra ? Tầm quan trọng và ảnh hưởng của nó tới đâu ?

PHẦN 1 : ĐÔI ĐIỀU KHẲNG ĐỊNH

Tin học và sinh học là hai khoa học - công nghệ đang đảo lộn sinh hoạt kinh tế, xã hội, sức khoẻ, văn hoá, của con người. Ngày nay điều này đã hiển nhiên. Hai hành tinh lớn này di chuyển trên những quỹ đạo độc lập cho tới những năm gần đây, nhưng những dấu hiệu nêu trên cho thấy chúng sẽ va chạm. Hậu quả ra sao, một vùng cát bụi mịt mờ, hay sẽ bắn ra một tinh thể mới tròn trặn và đẹp như trăng rằm ? Đó còn là chuyện tương lai khó mà đoán trước, nhưng dù sao cũng sẽ là một hiện tượng rất cần để ý.

Xin mở ngoặc để nói về tựa đề bài này : đặt tên *Đầu thế kỷ 21...* vì có lẽ hiện nay không ai dám nói chuyện tiến bộ khoa học của cả thế kỷ tới ! Hình như những nhà khoa học đang sống vượt quá số tất cả những người làm khoa học đã khuất của nhân loại từ thiên cổ. Thế mà năm mươi năm trước đây thôi, có ai tưởng tượng thế giới ngày nay nó lại như thế này

đâu. Thôi thì cứ cho là dự phóng được trong tầm thập kỷ, và ngay trong tầm nhìn đó cũng xin phỏng theo một tác giả của Diễn Đàn : có *đôi điều khẳng định* và có *đôi điều có lẽ*. Kỳ này xin thông tin và có vài suy nghĩ về đôi điều... có lẽ khẳng định, và xin để một lần khác bàn về những điều có lẽ... có lẽ. Vì những điều có lẽ đó sẽ không ngoài giấc mơ cướp quyền tạo hóa, đã có từ thế kỷ ánh sáng, và vẫn còn gây nhiều băn cãi triết học cũng như tôn giáo. Vậy xin trở lại những tiến bộ đã manh nha, và có thể tới trong tương lai không xa lắm, kết quả của đám cưới Sinh học - Tin học. Vàng, và sẽ thừa tại sao có con lợn béo dẫn cưới ở trên.

1. Một quan hệ lâu đời

Phải nói ngay, đám cưới này có nhiều thế gia vọng tộc đồ đầu, thí dụ như Jacques Monod, giải Nobel về sinh học, trong tác phẩm nổi tiếng “ *Le hasard et la nécessité* ” từ năm 1970 đã dành cả một chương bàn về “ *vi điều khiển học* ” (cybernétique microscopique) ; ngược lại thì điều khiển học do bác học Mỹ Norbert Wiener đề xướng từ sau thế chiến thứ hai cũng bắt nguồn từ quan sát các hành vi của sinh vật. Những khái niệm cơ bản của điều khiển học hiện đã nằm sâu trong tin học, và thuật ngữ điều khiển học ít được dùng nữa, ngoại trừ việc nó trở lại trong thuật ngữ “ *không gian điều khiển* ” (đọc trong một tài liệu chính thức của Việt Nam để dịch chữ *cyberspace*, trên mặt báo này đã có lần viết “ *không gian xibe* ”). Vậy sinh học và tin học đã có quan hệ từ lâu đời, nhưng ngày nay càng thấm thiết hơn. Theo Joël de Rosnay, một bác học nổi tiếng khác của Pháp thì một trong ba hội tụ về khoa học - công nghệ của đầu thế kỷ 21 là hội tụ giữa sinh học và tin học. Hai sự hội tụ kia thì một là giữa tin học, viễn thông, truyền thông và đa media ; và một là hội tụ giữa môi trường học và kỹ nghệ (Science et Vie, tháng 12.1999).

Hy vọng Hoàng tử và Công chúa sẽ sống hạnh phúc lâu dài, mà không bị lời nguyền từ một phù thủy ác độc nào đó. Trong truyện cổ tích người ta thường vẽ phù thủy xấu xa dị hợm, nhưng đây là cho trẻ con thôi, chứ phù thủy thiếu gì phép thuật để tự cho mình bộ mặt đẹp đẽ. Hãy cảnh giác, phù thủy và nàng tiên rất giống nhau. Với khoa học, khả năng đem lại hạnh phúc cho con người càng lớn thì sức tàn phá càng ghê gớm. Thôi, câu chuyện đó ta sẽ bàn với nhau quanh lửa hồng, một đêm trời đầy sao. Bây giờ cứ cho là cặp này có hạnh phúc dài lâu đi, và sẽ được (ít nhất) hai người con, đó là : khoa học về bộ não và di truyền học. Nếu không vì quá dài dòng có thể thêm công nghệ rôbôt, trong đó tin học mới chỉ mô phỏng sinh học một cách thô lỗ.

Nhưng trước hãy xem những quà cưới của hai họ : sinh học đem lại gì cho tin học, và tin học đem lại gì cho sinh học ?

2. Trông mặt mà bắt hình dong

Con lợn có béo thì lòng mới ngon. Hai con lợn béo tốt như nhau thì bộ đồ lòng cũng ngon như nhau. Ngẫm nghĩ câu tục ngữ này mà tán thêm như thế thì hoá ra đây không phải chỉ là một quy luật về loài lợn, nó là một ý tưởng cơ bản trong phương pháp luận của những nghiên cứu tin học, như *trí tuệ nhân tạo, robot, mạng neuron*. Đó là việc thành lập những mô hình, và điều chỉnh sao cho quan hệ giữa đầu vào và đầu ra giống như hiện thực.

- *Kìa một con lợn béo tốt, muốn hiểu biết bên trong nó phải làm sao ?*

- *Thì hãy cố gắng chế tạo một con lợn cũng béo tốt !*

Bên ngoài giống nhau thì bên trong chắc cũng có gì giống. Đi đến cùng ta có trắc nghiệm Turing : đối thoại với một máy tính mà không phân biệt được với người thì phải công nhận là máy tính có trí năng.

Có thể phản biện lại rằng “ Hai hộp đen có đầu vào và đầu ra hoàn toàn giống nhau, rất có thể bên trong được chế tạo bằng những nguyên tắc và giải thuật hoàn toàn khác nhau ”. Đúng vậy, và người ta có thể thực hiện cụ thể những thí dụ như thế, tuy không dễ. Và hành vi “ trông mặt mà bắt hình dong ” này nếu là độc nhất thì quả nhiên không khoa học, hay cùng lắm được gọi là khoa học sơ khai. Nó phải, và luôn luôn được kết hợp với các hoạt động khoa học quy phạm khác để tạo ra những mô hình ngày càng hoàn chỉnh của hiện thực.

Trong khoa học có khám phá, sáng tạo, phân tích, tổng hợp, kiểm chứng, giải thích... mỗi khái niệm này chỉ nhấn mạnh một khía cạnh nào đó của một tổng thể những hành vi có liên hệ chặt chẽ với nhau ; và trong sáng tạo có sự may mò, tìm kiếm trong mù mờ, tức tinh thần *cứ làm như thể là*. Nhưng chính vì *cứ làm như thể là* có một hành tinh khác xáo trộn quỹ đạo của hành tinh Thiên vương (Uranus) mà Le Verrier đã “ khám phá ” hành tinh Hải vương (Neptune) vào giữa thế kỷ 19, chỉ bằng tính toán.

Sau khi đưa bằng chứng về dòng dõi thế gia của những mô hình tin học ta có thể mô tả cái quá trình tiến triển hỗ tương giữa tin học và sinh học như sau :

* Sinh học tiếp tục nghiên cứu với những phương pháp đặc thù của mình, kết hợp các dụng cụ hoá hữu cơ, kính hiển vi, giải phẫu học... với các nguyên lý tân Darwin để tổng hợp các ngành sinh học phân tử, di truyền học và phát triển phôi bằng cách so sánh các sinh vật trong quá trình tiến hoá của chúng từ đơn giản đến phức tạp... Cho đến nay những tiến bộ diệu kỳ của sinh vật học, đưa đến những hiểu biết về sinh lý con người, về các virút và các thành quả y học tương ứng... vẫn hầu như toàn bộ nằm trong hệ ý niệm đó. Trong tiến trình này máy tính điện tử chỉ được sử dụng như một công cụ xử lý thông tin phụ giúp cho người làm khoa học như trong bất cứ ngành nào khác. Nhưng hình như trong việc nghiên cứu các đối tượng như hoạt động của ADN trong phát triển phôi (embryologie), hoạt động của bộ não... hai vấn đề điển hình nhất hiện nay, các nhà sinh vật học đã gặp phải hàng rào của sự phức tạp, và dùng máy tính điện tử như một công cụ xử lý thông tin cổ điển để phụ giúp việc lưu trữ, so sánh và tìm kiếm... không đủ nữa, họ thấy cần thiết nắm lấy công cụ này một cách sáng tạo để nó phục vụ đắc lực hơn cho mình. Hiện tượng nổi bật gần đây nhất là Craig Venter, được coi như người đã thủ thắng trong cuộc chạy đua đọc mã gen, là người đã dựa vào máy tính điện tử một cách sáng tạo nhất.

* Trong khi đó tin học, dựa trên những tiến bộ kỹ thuật về điện tử, về phương pháp lập trình, về viễn thông... càng ngày càng có những công cụ xử lý thông tin rất mạnh, và do đó càng có tham vọng đề cập những bài toán mỗi ngày một phức tạp. Xử lý song song và phân tán, trong đó nhiều máy tính cộng tác với nhau đang là đề tài nóng bỏng, và các đối tượng sử dụng trong địa hạt “ vô sinh ” không thiếu, như khí tượng học, như điều khiển hữu hiệu hơn mạng thông tin toàn cầu đang bùng nổ tung bừng... và người ta lại thấy cần trở lại nguồn cảm hứng

ban đầu : có “ bộ máy ” nào phức tạp, thông minh, bền vững và tin cậy được như một sinh vật ? Mạng nơron đã bắt đầu có ứng dụng, và đó chỉ là một mô phỏng rất mờ nhạt của các nơron thực sự, hiểu biết rõ hơn về hoạt động của nơron chắc chắn sẽ giúp ích nhiều hơn.

* Vòng luẩn quẩn ? Không, đây là một vòng xoáy đi lên. Không phải là ngành nọ chờ đợi tiến bộ của ngành kia và trong khi đó dậm chân tại chỗ, mà chính là một tiến triển hỗ tương, nhờ ở sự “ cứ làm như thể là ”, cứ may mò tìm kiếm với những ước đoán theo tương tự, với những công cụ không thật sự thích hợp, với những giả thuyết “ cầu vồng ”. Nhưng cũng với những phân tích, thí nghiệm, kiểm nghiệm nghiêm ngặt các giả thuyết ấy ; để rồi cũng có những phát minh, khám phá và giải thích có giá trị ; rồi khi ấy một tiến bộ bên này sẽ lại giúp đỡ bên kia. Và như thế sẽ dần dần thành hình một khoa học hoàn chỉnh, với những lý thuyết sát thực tế hơn và với những công cụ nghiên cứu thích hợp hơn. Đến đây có lẽ không cần thiết xác định đâu là khía cạnh chính và đâu là phụ ; tin học và sinh học của thế kỷ 21 sẽ cùng tấn công vào cái *vô cùng phức tạp*, cũng như các nhà khoa học từ thế kỷ 16 tới nay đã tấn công vào cái *vô cùng lớn* và cái *vô cùng nhỏ*.

* Có thể miễn cưỡng nói đại thể có hai loại phức tạp khác nhau, cái phức tạp tuyến tính theo chiều sâu và cái phức tạp trải rộng trên bề mặt do quá nhiều yếu tố khác nhau tác động qua lại để tạo ra một hiệu ứng nào đó. Tôi viết bài này trong khi nghe tiếng hát Hồng Nhung trong CD “ Đoàn khúc thu Hà Nội ” ; làm sao đi từ những con số 0 hay 1 ghi trong CD, qua đầu đọc laser đi vào máy tính, biến thành sóng điện từ rồi trở thành những âm thanh ngát ngát trong đầu tôi ...

tôi mong về Hà nội, để nghe gió sông Hồng thổi...

tôi mong về Hà nội, tìm lại tiếng ve thời trẻ dại...

Cái phức tạp chiều sâu kỹ thuật đi từ đĩa CD tới âm thanh có lẽ không còn xa lạ lắm với chúng ta, tuy đã là cả một vấn đề. Nhưng tại sao tôi thấy tiếng hát hay ngát ngát ? Ở đây có biết bao nhiêu là tín hiệu của các nơron chạy trong đầu ? Trong những nơron đó còn ghi lại những gì của thời thơ ấu đã trôi qua, bắt ve và đổ đẽ ven đê sông Hồng ? Nếu nhìn sự sống của sinh vật từ các chuỗi ADN trở đi ta có thể thấy sự vô cùng phức tạp này gồm cả hai chiều, từ các phân tử protein tới tế bào, từ tế bào tới các bộ phận nhỏ của cơ thể, rồi từ các bộ phận tới toàn thể, ở mỗi kích thước nghiên cứu đều biết bao nhiêu vấn đề, biết bao nhiêu tác động qua lại.

Cho tới nay những thành quả của tin học đã có một chiều sâu đáng kể, chẳng hạn bạn ở xa chỉ cần vào trang nhà của Diễn Đàn trong mạng Internet, bấm con chuột vài lần là sẽ được ngắm những bức tranh tuyệt diệu, phố cổ Hà nội của Bùi Xuân Phái. Nếu phải giải thích từ số không trở đi tại sao làm được như vậy, thì cũng hết vài ngày. Nhưng còn những nghiên cứu về sự phức tạp do tác động nhiều yếu tố cộng lại thì phải nói chưa đi đến đâu, các hệ máy cho phép nối kết những xử lý song song khác nhau, để đưa đến một trình độ thông minh mới, còn chập chững. Ở đây sự sống của sinh vật, dù chỉ là những côn trùng giản dị nhất, là một nguồn cảm hứng và học hỏi rất lớn. Và để lại nói theo kiểu một tác giả khác : sự sống cũng là một phòng thí nghiệm thiên nhiên vĩ đại. Theo chiều ngược lại, các phương pháp mô phỏng bằng tin học, với toán và lôgic là nền tảng, có thể cho phép thử nghiệm rất nhanh

những giả thuyết về các cấu trúc sinh học và hoạt động của chúng.

3. Khoa học về bộ não

Tìm hiểu hoạt động của bộ não là công trình nghiên cứu đã lâu đời, với những phương tiện quan sát bên trong như giải phẫu, bên ngoài như đo các phát sóng điện từ... , kết hợp với quan sát bệnh lý, làm trắc nghiệm... người ta đã đạt được rất nhiều kết quả. Ngày nay bộ não đã được phân chia thành nhiều vùng, và người ta đã xác định được chức năng của mỗi vùng, mặt khác những điều kiện sinh hoá cần thiết cho bộ não hoạt động cũng ngày càng rõ, và các được phẩm chữa trị các bệnh liên quan tới não ngày càng nhiều và hữu hiệu. Nhưng càng biết thêm càng thấy nhiều câu hỏi.

Trong đầu con người có khoảng 100 tỷ neuron, mỗi neuron được nối với nhiều neuron khác bằng những *synapses*, một neuron có thể có đến hơn nghìn *synapses*, và số *synapses* tổng cộng lại được ước lượng khoảng 1 triệu tỷ. Tín hiệu được truyền qua thân neuron tới các *synapses*, và tùy theo trạng thái của chúng mà một hay nhiều neuron khác sẽ được kích thích để tiếp tục truyền tín hiệu. Đó là mức thấp nhất, nhưng từ đó tổ chức lên các tầng trên như thế nào, có thể có được một bản đồ chi tiết của *một* bộ não tới từng neuron không ? Thêm nữa, bộ óc con người ta không giống nhau, vậy đâu là cái tổng quát và đâu là phần đặc thù ? Bộ óc lại biến chuyển với thời gian theo cuộc sống của từng người, vậy đâu là phần bẩm sinh và đâu là phần lịch sử cá nhân ?

Các phương tiện tin học có thể mô phỏng một cấu trúc như vậy hay không ? Xin thưa về mặt kỹ thuật hoàn toàn có thể được, chỉ chưa biết phải làm cụ thể thế nào thôi ! Nhưng may mắn thay có Darwin. Vì nếu tin rằng con người do tiến hoá từ các sinh vật giản dị hơn mà ra, thì người ta có thể, và *đã luôn luôn thành công khi làm như vậy*, nghiên cứu những sinh vật giản dị hơn để từng bước hiểu biết thêm về con người. Nghiên cứu về bộ não cũng vậy, các nhà sinh vật học đã thấy rằng cấu trúc của bộ não con người còn giữ lại nhiều dấu vết của ‘tổ tiên’ từ xưa, rất xưa.

4. ADN, ô thật là giản dị

Sinh học có thể được coi như bắt đầu từ lúc, với phát minh kính hiển vi, người ta khám phá ra là các sinh vật là một tập hợp các tế bào, mô tả tế bào lần đầu được xuất bản năm 1667. Kể từ đó, một chuỗi dài các nghiên cứu về thực và động vật đã đưa tới đỉnh cao là khám phá ra cấu trúc ADN của Watson và Crick năm 1953. Từ đó người ta có thể nói như sau :

* Sinh vật chủ yếu gồm một tập hợp các tế bào, các tế bào lại phân hoá theo những nhiệm vụ khác nhau và được kết cấu với nhau trong những bộ phận khác nhau của cơ thể. Tế bào có màng bao bọc, chứa một dung dịch hữu cơ và một hạt nhân. Trong hạt nhân có các *nhễm sắc thể* (*chromosomes*). Nhiễm sắc thể mang đầy đủ các thông tin cần thiết để làm nảy sinh một sinh vật. Tức cũng mang đầy đủ các yếu tố di truyền. Mỗi tế bào có khả năng, trong những điều kiện nhất định, tự chia đôi thành hai tế bào, làm cho sinh vật tăng trưởng.

* Nhiễm sắc thể là một tập hợp các *gien*. Mỗi gien là một chuỗi xoắn đôi ADN (*Acides DesoxyriboNucléiques*, *ouf !*). Người viết bài này không biết gì về sinh học thì chỉ nhớ được rằng mỗi chuỗi xoắn đôi ADN có thể được mô tả bằng một

ngôn ngữ chỉ có 4 chữ cái là A,T,G và C (các phân tử hữu cơ).

* Tại sao lại gọi chuỗi xoắn đôi, và nó có 2 nhánh xoắn quanh nhau và gắn bó theo một quy luật nhất định : A bên này nối với T bên kia, và G bên này với C bên kia. Biết một nhánh tức là biết đầy đủ cấu trúc hoá học của gien. Thần kỳ của tạo hoá là làm ra cái máy tính ADN như thế. Vì trong khi sinh trưởng hai nhánh của một chuỗi có thể tách ra độc lập và tổng hợp từ các chất hữu cơ của tế bào cái nửa còn thiếu của mình. Để cuối cùng thành hai chuỗi, và một tế bào thành hai tế bào.

* Công việc của các chuỗi ADN không phải chỉ là như thế, mà nó còn thường trực tổng hợp các protein để tạo nên hình hài cho cơ thể. Để làm việc này ADN phát ra những mẫu “ câu chữ ” của mình dưới một dạng khác gọi là ARN (*Acides RiboNucléiques*), trong đó chỉ có chữ T được thay bằng một chữ khác (tức là một phân tử hữu cơ khác), chữ U. ARN là một thông điệp mà ADN gửi đến cho một “ đơn vị ngoại vi ” khác của tế bào, các Ribosome, có khả năng tổng hợp khoảng 100 ngàn protein theo yêu cầu, tức là theo ARN mà nó nhận được.

* Các tế bào đầu tiên giống nhau, nhưng rồi dần dần phân hoá các hoạt động. Trong sự phân hoá này người ta chưa hiểu rõ sự phân hoá giữa các tế bào : tại sao, tuy các ADN trong mỗi tế bào đều giống hệt nhau, nhưng lại có thể nhả ra các ARN khác nhau để tổng hợp các protein khác nhau. Các gien trong một tế bào hoạt động song song, nhưng có những gien bỗng không hoạt động nữa...

* Người ta biết lơ mơ về ‘trách nhiệm’ của một số gien trong một vài trường hợp bệnh lý, nhưng các nhà sinh học đều cho rằng nhiều chức năng của cơ thể là do nhiều gien ‘hợp tác’ đảm nhiệm.

Đó là tóm tắt những điều người viết bài này, làm nghề tin học, nghĩa là biết một ít về tin học và mù tịt về sinh học, tìm hiểu được, và múa riu qua nhiều mắt thợ trình bày như trên. Hy vọng sẽ có những cao nhân chỉ giáo thêm. Nhưng cũng có thể hãnh diện mà nói rằng : thế thì nếu thay trong 4 chữ mỗi chữ bằng 2 bit là viết được cấu trúc của gien trong máy tính rồi. Theo những tin cuối cùng người ta hy vọng sẽ đọc mã được hết các gien của con người trong năm nay. Con người có khoảng từ 30 000 đến 35 000 gien, mỗi gien là một chuỗi ADN rất dài, trung bình khoảng 200 000 chữ. Vậy đọc mã được toàn bộ gien của con người tức là viết ra được 6 tỷ chữ, 12 tỷ bit. Đọc mã chưa phải là giải mã, nhưng người ta đã đi được vài bước đầu, tức là không phải hoàn toàn mù tịt về hoạt động và chức năng của một số gien. Phương pháp vẫn là nghiên cứu các sinh vật đơn giản, so sánh mã gien của các sinh vật khác nhau, hay của những mẫu khác nhau của cùng một loài sinh vật, suy đoán giữa khác biệt về gien và bệnh lý...

Đây mới là bước đầu, cũng như có CD của Hồng Nhung mà không biết làm sao làm máy nghe. Hay có một chương trình tin học rất lớn dưới dạng nhị nguyên mà không có tài liệu giải thích và cho biết cách dùng. Nhưng bước đầu này hứa hẹn những tiến bộ rất lớn trong sinh học và áp dụng trong y học nói riêng. Nhìn dưới góc độ tin học thì mỗi tế bào là một máy tính có 30 000 bộ xử lý chạy song song và cộng tác với nhau. Người ta sẽ có mã các chương trình của mỗi máy tính, không dài lắm, nhưng cũng chưa biết chi tiết chúng hoạt động ra sao. Tương lai còn nhiều khó khăn nhưng mang đầy hứa hẹn.

Hàn Thuỷ

Thực chất của “ ĐỐI THOẠI SỬ HỌC ”

Vũ Minh Giang

Thời gian gần đây, Nhà xuất bản Thanh niên xuất bản và lưu hành rộng rãi cuốn sách mang tựa đề *Đối thoại sử học* (ĐTSH), gây dư luận trong giới nghiên cứu và ngoài xã hội (1).

Đối thoại, thảo luận, thậm chí tranh luận gay gắt để tìm ra chân lý là việc làm thường xuyên và hết sức cần thiết trong đời sống khoa học. Đó cũng là loại đề tài luôn hấp dẫn độc giả. Hơn nữa, trong lời giới thiệu, NXB cho rằng : “... có một số vấn đề lịch sử chưa được nghiên cứu bàn luận một cách thỏa đáng, trên tinh thần bình đẳng khoa học, nên đã tạo dựng không ít những sai phạm lịch sử ” để rồi đi tới nhận định : “ Đối thoại sử học của tập thể nhiều nhà nghiên cứu lịch sử và am hiểu lịch sử đất nước được công bố mong muốn mở ra một không khí học thuật mới trong nghiên cứu lịch sử ” (2). Với một đầu đề và cách đặt vấn đề như vậy, cuốn sách gây được sự quan tâm của công chúng là điều dễ hiểu.

Là một người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy lịch sử nhiều năm, tôi không thể không tìm đọc cuốn sách này. Thế nhưng, sau khi đã đọc kỹ các bài viết, tôi hoàn toàn thất vọng vì phần lớn nội dung cuốn sách chẳng những xa lạ với tiêu đề và lời giới thiệu mà còn chứa đựng nhiều điều nguy hại. Tôi thấy cần phát biểu ý kiến của mình. Cũng phải nói ngay rằng ở đây tôi không đề cập đến ba bài của cố giáo sư Đinh Văn Nhật, vì tác giả đã qua đời từ năm 1995, chắc hẳn không có liên quan gì đến ý đồ của những người làm sách. Và lại, những bài viết của ông đã được tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* đăng (3) và đã có ý kiến trao đổi lại. Do khuôn khổ của tạp chí rất hạn chế mà ĐTSH có rất nhiều chuyện phải nói nên bài viết này mới chỉ nêu ra một số vấn đề mà theo tôi là những sai phạm cơ bản. Các bài nghiên cứu phân tích cận kề về các luận điểm của ĐTSH sẽ được tập hợp và công bố thành sách trong một ngày gần đây.

1. Đối thoại hay độc thoại ?

Đối với giới nghiên cứu lịch sử, những ý kiến nêu ra trong ĐTSH chẳng có gì mới lạ. Phần lớn những bài viết về sách *Đại Việt sử ký toàn thư* (ĐVSKTT), về *Đô đốc Đặng Tiển Đông* của Bùi Thiết, Lê Trọng Khánh, Đỗ Văn Ninh đều đã được phát biểu và bị nhiều người trong đó có những chuyên gia hàng đầu về các lĩnh vực mà họ nêu ra, phê phán bác bỏ. Tất cả đều công khai, rõ ràng trên tạp chí NCLS (4). Vì động cơ gì mà các tác giả này không cho độc giả biết việc ấy và toàn bộ những ý kiến phản bác mình ? Lọc lựa những bài của riêng mình, phớt lờ những chứng cứ, lý lẽ của những người có ý kiến khác mình để in thành sách rồi cho lưu hành rộng rãi đâu phải là thái độ của người làm khoa học, đâu phải là đối thoại ?

Trong bài *Thử xem xét lại cái gọi là phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn trong kháng chiến chống Thanh 1789* (tr. 424) Bùi Thiết, như một chuyên gia lịch sử quân sự cao giọng thuyết

giảng thế nào là phòng tuyến để rồi đi tới phủ nhận vai trò của phòng tuyến này trong kháng chiến chống Thanh. Ở đây tôi không bàn đến lý sự của tác giả mà chỉ muốn nói rằng, khẳng định sự hiện diện của phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn là ý kiến của nhiều người, trong đó có những chuyên gia lịch sử quân sự hàng đầu như GS Thượng tướng Hoàng Minh Thảo (5). Sao Bùi Thiết không cho độc giả biết đầy đủ ý kiến của những chuyên gia này để mọi người cùng phán xét mà chỉ phán như thể tất cả đều sai vì bị “ thiếu ” và “ nhiều ” thông tin, rồi tự cho mình là đúng.

Cái đáng vạch rõ là phần lớn các bài viết công bố trong cuốn sách này vốn là nội dung những bức thư kiện tụng cá nhân đã được một Hội đồng thẩm định (*) kết luận là “ phi khoa học ”, là “ vu cáo ”, đem sửa sang, tu chỉnh lại cho có hình thức khoa học rồi tung ra xã hội, reo rắc tâm lý hoài nghi cho những người không có điều kiện nắm được những vấn đề chuyên môn hẹp của sử học, nhất là đối tượng thanh thiếu niên.

Lối độc thoại mạo danh “ đối thoại ” như vậy sao có thể gọi là “ mở ra một không khí học thuật mới ” như lời giới thiệu ở đầu sách.

2. Sử học hay tư biện ?

Các tác giả ĐTSH luôn luôn nói tới tầm quan trọng của tư liệu lịch sử trước mỗi kết luận khoa học (điều này thì hoàn toàn đúng), nhưng thật đáng tiếc, nhiều “ phát minh ” của họ đưa ra lại hoàn toàn thoát ly tư liệu, chỉ thuần túy dựa trên những suy diễn rất chủ quan. Điển hình cho loại ý kiến này là bài *Thử bàn về sự xuất hiện của đồ sắt trong lịch sử Việt Nam* (tr. 19). Ở đây, Bùi Thiết ra sức chứng minh cho luận điểm rằng trong lịch sử, đồ sắt có trước đồ đồng (!). Khăng khăng phủ nhận những thành tựu khảo cổ học về sự hiện diện của cả một thời đại đồ đồng trước khi đồ sắt xuất hiện vào thời Đông Sơn, Bùi Thiết chẳng những không có chứng cứ gì thuyết phục mà đưa ra những lý giải tư biện hết sức buồn cười. Chẳng hạn như “ *Tất cả những đồ dùng bằng sắt sẽ không thể còn nguyên dạng trong điều kiện khí hậu nóng ẩm như ở nước ta. Do vậy việc không tìm thấy những công cụ bằng sắt trong các di chỉ khảo cổ học cách ngày nay trên dưới 3000 năm là điều hiển nhiên* ” (tr. 20). Sao tác giả lại có thể chủ quan và tùy tiện đến thế, “ không thể còn nguyên dạng ” đâu phải là biến mất không để lại dấu vết gì. Trình độ khảo cổ học Việt Nam hiện nay có thể phát hiện được cả những bào tử phấn hoa lẫn trong đất để tìm ra người xưa đã trồng những loại cây gì làm sao có thể bỏ qua những công cụ sắt cho dù chúng có bị rỉ sét, biến dạng đến mức nào. Chả lẽ Bùi Thiết lại không biết điều này ? Chắc cũng chưa yên tâm với lập luận “ sắt bay hơi ” để giải thích sự thiếu vắng các công cụ sắt trong các di chỉ khảo cổ trước thời đại đồ đồng, tác giả lại nguy biện tiếp bằng cách giải thích rằng dường như tất cả những dụng cụ bằng sắt hồng đều đã bị những người thu gom sắt vụn thời xưa mua hết rồi ! Những ý kiến mới trong khoa học hết sức đáng trân trọng, nhưng khi mới chỉ là những ý tưởng chủ quan của mình thì không nên vội vã phủ nhận những thành tựu mà giới khoa học lịch sử đã dày công xây dựng được cả giới khoa học thế giới công nhận. Nếu những ý kiến vu vơ như vậy là truyền bá những điều phi khoa học.

(*) Hội đồng thẩm định do Giám đốc Trung tâm KHXH&NVQG phối hợp với Đại học Quốc gia triệu tập theo chỉ thị của Tổng Bí thư để xem xét những lá thư kiện tụng (Công văn số 21-97/CV/VPTW ngày 15-4-1999).

Cũng tương tự cách làm đó, trong bài *Trở lại vấn đề chế độ chiếm hữu nô lệ trong lịch sử Việt Nam* (tr. 23), Bùi Thiết chẳng hề đưa ra một chứng cứ lịch sử nào mới mà chỉ dẫn những lý luận chung chung vốn chẳng xa lạ gì với giới khoa học nước ta để rồi đưa ra kết luận : “...trong khoảng thời gian từ 3500 năm trước kéo dài cuối thiên niên kỷ I sau CN, xã hội Việt Nam nằm trong phạm trù của chế độ CHNL” (tr.53). Tác giả dẫn câu này câu khác của C.Mác, F.Ăngghen để tự khẳng định (chứ Mác chẳng bao giờ nói thế) rằng chế độ chiếm hữu nô lệ “ là một thời kỳ lịch sử từng thống trị toàn thế giới từ hơn 2000 năm trước dù là tại trung tâm châu Âu hay ở các lục địa khác ” (tr. 29). Tôi không bàn tới việc sử dụng lý luận kinh điển của tác giả (mặc dù có rất nhiều điều không ổn), chỉ muốn lưu ý tác giả rằng, khi dẫn sách lý luận để nhằm giải quyết các vấn đề lịch sử Việt Nam sao không đọc Hồ Chí Minh. Trong *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ*, viết năm 1924, Người đã đưa ra luận điểm có tính phương pháp luận rất cao cho việc nghiên cứu phương Đông và Việt Nam : “ Dù sao thì cũng không thể cấm bổ sung “ cơ sở lịch sử ” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được. Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng là lịch sử nào ? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì ? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại ” (6). Luận điểm này thật đầy tính duy vật lịch sử - thần thái của học thuyết Mác khi vận dụng vào nghiên cứu khoa học xã hội. Đã không đọc kỹ lý luận lại quá tư biện, Bùi Thiết đã liên tục nhằm lẫn mỗi khi nhắc đến các tư liệu lịch sử. Xin nêu một dẫn chứng. Ở trang 45, Bùi Thiết viết : “ Vậy thì văn hoá khảo cổ học Gò Mun nên được xét như gốc ban đầu của văn minh Việt cổ, cũng chính là gốc mở đầu cho chế độ CHNL ở nước ta, niên đại di chỉ thuộc văn hoá khảo cổ học Gò Mun, như ở di chỉ Gò Mun là khoảng 3045 với 120 năm cách ngày nay (1950) tức là vào khoảng 1095 trước công nguyên, niên đại này tương ứng với ghi chép ở trong sách *Việt sử lược* về sự xuất hiện của Hùng Vương. Như vậy chế độ CHNL ở nước ta theo đoán định của chúng tôi là cách ngày nay chừng 3000 năm ” (VMG nhấn mạnh). Xin miễn bàn về cách diễn đạt lủng củng mà người không am tường chuyên môn chắc chắn rất khó hiểu. Điều mà ai cũng có thể thấy là chỉ trên đoạn vừa trích 15 dòng, tác giả trang trọng dẫn sách *Việt sử lược* cho biết sự xuất hiện của Hùng Vương vào thời Trang Vương nhà Chu (696 - 682 TCN). Thử hỏi hai chuyện ở cách nhau gần 400 năm làm sao có thể được coi là “ tương ứng ” với nhau được. Đó là chưa kể thời Chu Trang Vương của Trung Quốc đâu còn tương ứng với văn hoá Gò Mun ở Việt Nam như tác giả gán ghép nữa. Lúc ấy cư dân Việt cổ đã chuyển sang thời đại Đông Sơn từ lâu rồi ! Sự rối rắm lúc phán các nhà khảo cổ “ không thể nói cái gì khác ngoài khảo cổ học ” (tr. 19), lúc lại dựa vào khảo cổ học để kết luận có chế độ CHNL, thật không thể hiểu nổi tác giả định nói gì.

3. Những sai phạm không thể cho phép

Các tác giả ĐTSH nhiều lần nói tới sự khách quan trung thực trong khoa học nhưng trong thực tế họ làm ngược lại. Có thể thấy qua từng bài viết một, cách làm thiếu trung thực là trích dẫn cắt xén, gán cho người khác những điều không đúng rồi phê phán. Ở đây tôi chỉ xin nêu ra một vài thí dụ. Trong bài *Đô đốc Đặng Tiến Đông hay đô đốc Đặng Tiến Giản* (tr. 353), Đỗ Văn Ninh đã cố tình để cho người đọc hiểu lầm rằng người viết bài *Đô đốc Đông* và một số di vật mới phát hiện thời Tây Sơn

(7) đã sử dụng tờ sắc có niên đại Thái Đức 10 (1787) như một căn cứ để chứng minh đô đốc Đông tham gia trận Đống Đa, do đó chỉ cần kết luận : “ *Lúc đó Nguyễn Huệ chưa làm vua và người được phong sắc không phải có công đánh quân xâm lược nhà Thanh* ” (tr.355) là căn cứ đó bị lật nhào. Thực ra người công bố đã viết rất rõ ràng rằng : “ *Lúc đó Nguyễn Huệ còn là Bắc Bình Vương, chưa lên ngôi Hoàng đế nên tờ sắc còn dùng niên hiệu Thái Đức của Hoàng đế Nguyễn Nhạc* ” (8). Giá trị đạo sắc là ở chỗ “ *Đây là một văn bản gốc rất quý về sắc phong chức tước thời Tây Sơn cho một tướng soái cao cấp* ” (9) và góp phần chứng minh người được sắc phong là một tướng lĩnh cao cấp dưới triều Tây Sơn. Có ai nói Đô đốc Đông nhận được tờ sắc này do công tích trong kháng chiến chống Thanh đầu mà tác giả bác bỏ.

Cũng tương tự cách làm đó, đối với việc giới thiệu pho tượng Đặng Tiến Đông, Đỗ Văn Ninh cũng hùng hồn kết luận : “ *Và lại những pho tượng này dù có giống tới mấy cũng chẳng sao nói được điều Quan Đô đánh trận Đống Đa* ” (tr. 358). Lời kết luận gây cho độc giả cảm giác rằng người công bố tư liệu về pho tượng dường như đã dựa vào lời truyền của dân làng về sự giống nhau giữa tượng và người thật để chứng minh sự có mặt của ông trong trận Đống Đa. Đó là điều gán ghép. Về giá trị của pho tượng, tác giả Phan Huy Lê chỉ đưa ra một đánh giá dè dặt : “ *Đây là một tác phẩm điêu khắc rất hiếm thấy của nghệ thuật thời Tây Sơn và cũng là hình ảnh cụ thể của Đô đốc Đông cùng với trang phục của một tướng lĩnh quân đội Tây Sơn* ” (10), đồng thời cũng biểu thị thái độ khách quan khi thuật lại lời truyền của dân làng bằng một nhận xét : “ *Tượng giống người thật đến mức độ nào ngày nay làm sao biết được* ” (11). Chẳng lẽ nhận xét như thế cũng là sai, cần phải phê phán ?

Không hiểu do ngộ nhận, thiếu thông tin hay vì một lý do nào khác, các tác giả ĐTSH thường quy cho mình công “ phát hiện ” ra những điều mới mẻ, nhưng thực ra đó là những nhận thức chung của giới sử học và đã có nhiều công trình công bố từ lâu rồi. Điển hình cho cách làm này thể hiện trong bài *Nhận thức lại về “ giới hạn trên ” của thời đại các vua Hùng* (tr. 69). Thời điểm xuất hiện nhà nước Văn Lang vào khoảng thế kỷ thứ VII TCN, phù hợp với ghi chép trong sách *Việt sử lược* từ lâu đã được thể hiện trong các giáo trình và giáo khoa lịch sử (kể cả sách giáo khoa phổ thông). Năm 1992 Hội đồng khoa học Lịch sử Việt Nam đã có thư gửi lên Quốc hội đề nghị sửa lại cụm từ “ *trải qua 4000 năm lịch sử* ” trong lời nói đầu của Hiến pháp và được chấp nhận. Đó cũng là kết quả của những nhận thức mới trong khoa học. Năm 1994 để phổ cập nhận thức này tôi cũng đã viết bài *Có phải Việt Nam lập quốc cách đây 4000 năm ?* đăng trên tạp chí *Thế giới mới* số 89/1994. Bùi Thiết đâu có công lao gì trong chuyện này mà nhận về mình ? Điều duy nhất có thể coi đúng là “ phát minh ” của Bùi Thiết thì lại là một sai lầm ấu trĩ. Tác giả viết : “ *Chính Gò Mun có thể được coi như mốc khởi đầu cho nền văn minh Việt cổ* ” (tr. 73). Nói đến văn minh là nói đến sự ra đời của nhà nước. Nhà nước ở đây là nước Văn Lang của các vua Hùng. Ở đoạn trên tác giả đã khẳng định : “ *thế kỷ thứ VII TCN phải là niên đại khởi đầu của thời đại Hùng Vương trong lịch sử đất nước* ”. Vậy thì Gò Mun (như tác giả đã dẫn ở trang 45, có niên đại 1095 TCN, tức thế kỷ XI TCN) hay thông tin trong *Việt sử lược* là điểm khởi đầu của văn minh Việt cổ tác giả phải chọn một. Làm sao lại có sự gò ép kỳ lạ đến như vậy !

Xuất phát từ mục đích phê phán, bác bỏ bằng mọi giá, nhiều khi các tác giả ĐTSH phủ nhận một cách hàm hồ sự thật khách quan. Trong bài *Nội các Huế* (tr. 326) và *Không có nội các thời Lê* (tr. 341), các tác giả Đỗ Văn Ninh và Trần Thanh Lâm với chủ đích nhất quán là phủ nhận sự tồn tại của nội các thời Lê nên đã một mực bác bỏ hoặc tùy tiện giải thích theo cách hiểu của mình những thông tin về nội các thời kỳ này. Đó là thái độ không khoa học. Thậm chí khi đứng trước tư liệu lịch sử không thể chối cãi được chép trong *Đại Việt sử ký tục biên* là năm 1763, Tham tụng Cao Huy Trạc kiêm làm Nội các Đại học sỹ và sau đó ít lâu Phạm Khiêm Ích cũng có hàm Nội các Đại học sỹ thì họ nhất loạt cho là chép lầm (!) và hùng hồn khẳng định rằng : “ *Cả Trung Quốc và Việt Nam đều không có hàm Nội các Đại học sỹ* ” (tr. 348). Trước khi hạ bút viết câu này sao các tác giả lại không xem xét lại một chút về quan chế thời Minh - Thanh (Trung Quốc). Sách nào chả nói đến sự hiện diện của hàm Nội các Đại học sỹ. Công trình khảo cứu công phu *Trung Quốc lịch đại quan chế dĩ văn hoá* của Vương Siêu (Giáo sư Trường Đại học Nam Kinh) xuất bản năm 1989 (12) là một trong số đó. Phần tra cứu (tr. 300) sách có hẳn một mục từ *Nội các Đại học sỹ*. Nếu cần, Đỗ Văn Ninh và Trần Thanh Lâm có thể tìm thấy những quy định hết sức cụ thể, từ thể thức bổ nhiệm, nội dung công việc đến lương thưởng... cho Nội các Đại học sỹ ở các trang 223, 233, 234, 241. Sự thực là như vậy sao các vị đã vội khẳng định rằng hàm này cả Trung Quốc và ta đều không hề có ?

Một sai phạm nghiêm trọng trong nghiên cứu lịch sử mà tác giả thường mắc phải là *sử dụng tư liệu tùy tiện theo định kiến chủ quan*. Điển hình cho cách làm này là việc xử lý thông tin trên tấm bia trước chùa Thủy Lâm thôn Lương Xá có niên đại Cảnh Thịnh năm thứ 5 (1797). Cả Đỗ Văn Ninh (tr. 341), Trần Văn Quý (tr.359) và Lê Trọng Khánh (tr.374) đều nhắc đến tấm bia này. Trên bia có câu “*Mậu Thân □□ sơ Bắc bình Nam mục*”. Sau chữ Mậu Thân có hai chữ bị đục (ký hiệu □□). Đó là những thông tin hết sức quan trọng. Không rõ là vì cầu thả hay với một chủ đích nào khác mà cả ba đều bị bỏ qua hoặc giải thích qua quýt rằng hai chữ đó có thể là “*nhất nguyệt*”, “*nhị nguyệt*” hay “*manh xuân*” để nhất loạt dịch là “*đầu năm Mậu Thân* ” (1788). Từ đó đi tới nhận định rằng những sự kiện ghi trên bia xảy ra trước khi Quang Trung lên ngôi. Chỉ cần có một chút kinh nghiệm nghiên cứu lịch sử trung đại Việt Nam cũng phải hiểu rằng những chữ bị đục đó liên quan đến Tây Sơn, triều đại mà nhà Nguyễn gọi là “*ngụy triều*” nên các niên hiệu đều bị đục xóa. Ai đi đục chữ “*nhất nguyệt*” (tháng Giêng), “*nhị nguyệt*” (tháng Hai) hay “*manh xuân*” (đầu xuân) làm gì. Cứ 60 năm mới có một năm Mậu Thân, trong thế kỷ 18 chỉ có hai lần lặp lại là năm 1724 và 1788. Chỉ có duy nhất một năm trong số đó trùng với năm đầu của niên hiệu mới là Quang Trung (Ông lên ngôi, lấy niên hiệu Quang Trung vào ngày 25 tháng 11 năm Mậu Thân tức ngày 22 tháng 12 năm 1788). Hiển nhiên hai chữ bị đục chỉ có thể là Quang Trung. Chữ “*sơ*” (nghĩa là đầu) ở đây thuộc về niên hiệu Quang Trung chứ không thuộc về hai chữ Mậu Thân. Như vậy đoạn văn trên, khi hai chữ chưa bị đục bỏ, tất phải là “*Mậu Thân Quang Trung sơ Bắc bình Nam mục*”, nghĩa là “*Mậu Thân, năm đầu niên hiệu Quang Trung, quân phương Bắc vào cai trị nước Nam*”, chứ không thể tùy tiện dịch là *Đầu năm Mậu Thân* như các tác giả đã làm. Gần đây, sau khi cuốn ĐTSH xuất bản, một số chuyên gia đã trở lại chùa Thủy Lâm để dập thạc bản tấm bia nói trên và chữ Quang

Trung dù bị tẩy xóa vẫn hiện lên rất rõ. Chính vì xử lý tùy tiện thông tin của hai chữ bị đục, dịch sai niên đại nên các tác giả đã đi đến suy đoán không đúng rằng lúc ấy Quang Trung chưa lên ngôi, quân Thanh chưa vào Việt Nam, để rồi suy diễn tiếp rằng “*Bắc bình Nam mục*” không thể là quân phương Bắc (Thanh) vào thống trị nước Nam để rồi khẳng định chắc chắn rằng : “*Thật quá rõ ràng Bắc bình là quân vua Lê, quyết không phải là quân Thanh*” (tr. 357). Khẳng định một cách quả quyết về một sự kiện và tính niên đại có ý nghĩa quyết định trên cơ sở một đoán định sai về niên đại là sai phạm không thể chấp nhận được trong phương pháp của khoa học lịch sử. Đó là chưa kể, từ sự suy luận sai này đã dẫn đến một sai lầm khác về sự kiện lịch sử. Cố giải thích rằng quân Bắc ở đây là quân Lê - Trịnh tấn công vào Nam là Đàng Trong, sao các tác giả không thử coi lại tất cả các bộ sử xem năm Mậu Thân (1788) có lần nào quân Lê - Trịnh vào Nam ? Hoàn toàn không có. Vậy thì *Bắc bình Nam mục* ở đây là cái gì khác nếu không phải là sự kiện quân Thanh vào nước ta cuối năm Mậu Thân (1788).

4. Diện mạo khoa học lịch sử nước ta bị xuyên tạc, bóp méo qua ĐTSH

Sau khi ĐTSH được phát hành, có rất nhiều ý kiến bất bình muốn viết bài phê phán. Nhưng lại có ý kiến tỉnh táo nhận định rằng không cần thận sẽ mắc bẫy những người làm sách. Họ đang cần quảng cáo để bán chạy cuốn sách độc hại này ! Đó là lý do vì sao giới sử học chưa lên tiếng. Nhưng tôi thật sững sốt khi đọc bài báo “*Đối thoại sử học*” cuốn sách đương được *dự luận chú ý* của tác giả Nguyễn Hoàng Sơn đăng trên *Tiền Phong chủ nhật* số 9 ngày 27 tháng 2 năm 2000 ca ngợi hết lời cuốn sách và tác giả chính Bùi Thiết. Tối hôm trước (26-2), đài RFI của Pháp đã phát bài trả lời phỏng vấn của Lại Nguyên Ân và Bùi Thiết về ĐTSH. Không ngần ngại, Lại Nguyên Ân đã đánh giá thực trạng của nền sử học nước ta là “*không có thảo luận, đối thoại*”, “*bệnh tật*”, “*học phiệt nặng nề*”... Vấn đề không còn đơn giản nữa, hậu quả tai hại của ĐTSH đã rõ. Nó làm người ngoài giới chuyên môn, nước ngoài đã hiểu sai về diện mạo của khoa học lịch sử nước ta.

Sự thực có phải như vậy không ?

Vẫn biết trong khoa học, thảo luận, đối thoại không khi nào có thể coi là đã đầy đủ, nhưng cực đoan phủ nhận rằng sử học nước ta không có đối thoại, tranh luận là một sự xuyên tạc. Về vấn đề chế độ CHNL đã có những cuộc thảo luận kéo dài và chỉ riêng trên tạp chí nghiên cứu *Văn Sử Địa* và *Nghiên cứu lịch sử* từ năm 1955-1960 đã đăng tới 33 bài nghiên cứu với những quan điểm hết sức khác nhau. Ý kiến Bùi Thiết viết ra trong ĐTSH chẳng qua cũng chỉ lọc lựa từ đó ra mà thôi, nào đã có kiến giải gì mới. Năm 1988 khi Đỗ Văn Ninh, Bùi Thiết và Lê Trọng Khánh nêu ra những ý kiến đánh giá khác nhau về bản *Nội các quan bản* của bộ ĐVSKTT cũng đã có một cuộc hội thảo lớn với sự tham gia của những chuyên gia hàng đầu về lịch sử, Hán Nôm, văn bản học. Hội thảo đã có kết luận rõ ràng. Toàn bộ các thảo luận, kết luận đã được đăng công khai trên tạp chí NCLS số 5 - 6/1988. Đồng ý hay không với kết luận của hội thảo là quyền của các vị nhưng xin đừng xuyên tạc như thể bị cấm đoán, không cho phép phát biểu nên mới phải tìm cách bỏ tiền ra in sách. Trong những năm gần đây, Hội khoa học lịch sử đã có rất nhiều cố gắng trong việc tổ chức các hội thảo đánh giá lại các nhân vật lịch sử, sự kiện lịch sử phức tạp như Trần Thủ Độ, Hồ Quý Ly, Mạc Đăng Dung, Phan Thanh Giản, Trương

Vĩnh Ký, về nhà Mạc, nhà Trịnh, nhà Nguyễn và có những cuộc hội thảo chuyên đề về vai trò sử học trong công cuộc đổi mới ở cả Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh... Không hiểu vì lý do gì mà các tác giả ĐTSH làm ngơ trước những hoạt động đó của giới sử học.

Tính chất nguy hại của ĐTSH còn ở chỗ họ cao giọng phê phán các giáo trình lịch sử, sách giáo khoa lịch sử đang được sử dụng để giảng dạy trong các trường học. Chưa có ai trong giới sử học cho rằng những tài liệu đó đã hoàn hảo. Ngay trong Đại hội lần thứ IV vừa qua của Hội khoa học lịch sử cũng đã có những ý kiến đóng góp để việc biên soạn giáo khoa và giảng dạy lịch sử được tốt hơn, nhưng cách làm của ĐTSH là dựng lên những điều không có để phê phán, là phủ nhận sạch trơn những thành tựu của giới sử học đã tích lũy được trong nhiều năm. Tự cho những ý kiến của mình mới thực sự khoa học, rồi tự cho mình cái quyền phán quyết chân lý và hậu quả của nó là các tác giả ĐTSH đã làm cho dư luận, nhất là thanh thiếu niên, đối tượng của NXB Thanh Niên, hoài nghi tính khoa học của những sách giáo khoa lịch sử đang được sử dụng.

Vũ Minh Giang

Đại học Quốc Gia Hà Nội

Trích *Xưa & Nay* số 73, tháng 3-2000

1. Bùi Thiết, Đinh Văn Nhật, Đỗ Văn Ninh, Lê Trọng Khánh, Lê Trọng Hoàn, Trần Thanh Lâm, Trần Văn Quý : *Đối thoại sử học*, NXB Thanh niên, 1999.
2. Sdd, tr. 6.
3. Đinh Văn Nhật :
 - *Đất Cẩm Khê, căn cứ cuối cùng của Hai Bà Trưng trong cuộc khởi nghĩa Mê Linh năm 40 - 43*. NCLS số 148-149/1973.
 - *Vùng Lăng Bạc về thời Hai Bà Trưng*, NCLS số 155-156/1974.
 - *Huyện Mê Linh về thời Hai Bà Trưng*, NCLS số 1 (172)/1977.
4. Tạp chí NCLS chuyên san về niên đại sách Đại Việt sử ký toàn thư số 5-6/1988.
- Tạp chí NCLS số 3 tháng 5-6/1999 và số 4 tháng 7-8/1999.
5. Hoàng Minh Thảo : *Phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn là cuộc kháng chiến chống Thanh của quân đội Tây Sơn*. In trong sách Tam Điệp, di tích và danh thắng, 1986.
6. Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, tập I, NXB CTQG. HN, 1995, tr.465.
- 7,8,9,10,11. Phan Huy Lê : *Độc Địch Đông và một số di vật đời Tây Sơn mới phát hiện*, Tạp chí khảo cổ học số 16/1974.
12. Vương Siêu : *Trung quốc lịch đại quan chế dữ văn hoá*. Thượng Hải Nhân dân xuất bản xã, 1989 (tiếng Trung Quốc).

Đối thoại tiền sử

Nhân đọc luận điểm về thời kỳ đồ sắt

Những nhà khảo cổ Pháp đã tìm thấy vết tích có chất kim loại đồng ở 50 m sâu dưới lòng đất.

Sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng, nước Pháp tuyên bố : 25 000 năm trước đây, dân Gô-loa đã có hệ thống điện thoại.

Dĩ nhiên, chính phủ Mỹ không hề nao núng, và ra lệnh đào sâu hơn. Ở mức 100 mét âm, các nhà khảo cổ Mỹ khám phá được nhiều mảnh thủy tinh. Họ tuyên bố : 35 000 năm trước, người Mỹ đã có hệ thống sợi quang dẫn (optical fiber).

Các nhà nghiên cứu Việt Nam bị chạm tự ái. Họ đào sâu đến 200 mét, và không tìm thấy gì cả.

Việt Nam kết luận : từ 55 000 năm nay, ta đã có hệ thống điện thoại di động (cell phone, telephone mobile).

Vào mùa này tôi thường lang thang trong các vườn hoa để lắng nghe cuộc sống trở mình sau những ngày đông giá buốt. Các hàng cây hai bên lối đi khoác lên những chiếc áo mong manh dệt bằng những lộc non mới nhú. Nhìn xa, chúng như những dải lụa màu hoa lý nhuộm nà, thướt tha trong gió làm tôi liên tưởng đến những chiếc thất lưng của các cô nàng “ đến hẹn lại lên ”. Trong tĩnh mịch, nhưng nghe đâu đây có mạch sống đang trở lại và sắp dâng trào. Nếu các vườn hoa có cái vẻ đẹp u hoài của một thiếu phụ vào mùa thu như Anatole France đã tả khi đi ngang qua vườn Lục Xâm Bảo, thì nay nó lại có một vẻ đẹp của một cô gái dậy thì... Người người hớn hở đón những tia nắng đầu tiên...

Nhưng khổ nỗi, mùa xuân của tôi lại không mang một vẻ đẹp đơn thuần như thế. Sau cái hớn hở của vạn vật, vẫn thấp thoáng đâu đây những hãi hùng của những mùa xuân xa xôi... Hình ảnh Tháng Ba ở Sơn Mỹ lại hiện về.

Tôi thì thầm hát : “ *Xuân vừa về trên bãi cỏ non...* ” nhưng nước mắt lại cứ muốn dâng trào. Những giọt nước mắt nhỏ xuống cho vẻ đẹp của mùa xuân hôm nay và cho những tang tóc của mùa xuân đã qua. Phức tạp.

Sơn Mỹ tháng Ba. Một cụ già Sơn Mỹ mếu máo bảo tôi : “ *Thôi cháu, nhắc mãi chi, chuyện đã qua cho hắt qua đi, chẳng qua cũng là cái nghiệp của làng nì* ”. Thế sao tôi vẫn muốn nhắc lại tháng ba của Sơn Mỹ, cho những ai chưa biết, sẽ biết, và những ai biết rồi sẽ chẳng quên !!!

Sơn Mỹ là một làng nhỏ cách thị trấn Quảng Ngãi 12 km về phía đông, thuộc huyện Sơn Tịnh ; ngày xưa nó còn mang tên là Mỹ Lai và bây giờ là Tịnh Khê. Nếu không có biến cố tháng ba thì chắc cũng ít ai biết đến cái địa danh nhỏ bé và hẻo lánh này.

Cũng như các làng quê Việt Nam khác, Sơn Mỹ tháng Ba cũng có tiếng chim chà-chiêng hót trong lành, cũng có tiếng chó sủa bâng quơ, cũng có tiếng róc rách của các mương nước đưa nước về nuôi bãi mía, luống khoai, cũng có tiếng ghé, tiếng vui đùa của trẻ con bên mâm cơm sáng... Như mọi ngày, người người đều bắt tay vào việc, kẻ quang gánh ra chợ, người vác cuốc ra nương, các chú bé lừa trâu ra đồng. Quang cảnh nhộn nhịp quây quần trong làn không khí mát mẻ ngai ngái mùi lửa rơm. Không ai biết, một định mệnh nghiệt ngã lát nữa đây sẽ ập xuống trên quê hương yên lành của họ.

Đúng 6 giờ rưỡi sáng ngày 16 tháng 3 năm 1968, bầu trời yên ắng của Sơn Mỹ bị nổ tung bởi các tràng pháo kích của các căn cứ quân sự Mỹ kế cận nhả vào. Người dân Sơn Mỹ vẫn còn bình tĩnh, vì họ đã quen với các cuộc càn quét thông thường.

Một trực thăng hạ xuống giữa cánh đồng, cả một tốp lính Mỹ ủa ra, súng ống đầy người.

Nhà ông Lê, ngôi nhà bị lục soát đầu tiên có 15 người, chúng giết trọn. Sau đó chúng đi từng nhà một vừa hiếp vừa giết sạch, cả già lẫn trẻ, cả phụ nữ lẫn thanh niên. Kinh hoàng không sao kể xiết...

Trong đám lính Mỹ có một trung sĩ nhiếp ảnh viên, anh Ronald Hachberle, anh đã chụp được 18 bức ảnh, và cũng nhờ đó mà sau này chính phủ Mỹ không thể nào chạy tội.

Ronald kể : “ *Tôi đến đại đội C lúc đó sáu giờ sáng ngày*

Tháng ba, Sơn Mỹ

Phan Tam Khê

*Trên quãng đường nắng nung mờ mịt cát
Mẹ gánh con bà dắt cháu
Đứng sống sờ mùa lúa chín tháng ba
Thanh Thảo*

16/3/68... không ai giải thích cho tôi về cuộc hành quân này... Vừa ra khỏi máy bay trực thăng tôi đã nghe tiếng súng nổ ran. Liếc sang bên cạnh, thấy những thân người ngã gục, một số thường dân có khoảng 15 người phần lớn là đàn bà và trẻ con..., bất thành lính Mỹ bắn vào họ... trước cảnh tượng đó tôi không còn tin vào chính mắt mình nữa... ". Anh kể tiếp : " Tôi thấy một người đàn bà, đầu chị ta nhấp nhô ra khỏi một bụi rậm, tất cả lính Mỹ nhắm vào đó mà bắn, người ta có thể thấy từng mảnh thịt xương bay lên tung toé... ". Cùng đi với Ronald có một phóng viên khác, anh Jay Roberts, anh kể : " Một đứa bé nhỏ xíu, chỉ mặc có một chiếc áo ngắn, đang bò trên những xác chết, và nắm lấy tay của một ai đó, chắc là mẹ nó, một lính Mỹ đi sau tôi quì xuống và bắn chết nó ".

Bức ảnh thương tâm nhất là cảnh hai đứa bé nằm sấp trên đường. Hatcher kể : " Khi hai đứa bé bị bắn đứa lớn nằm đè lên đứa nhỏ như để che chở cho em nó, nhưng lính Mỹ đã kết liễu cuộc đời của cả hai... ". Một cảnh thương tâm khác : " Một đứa bé chập chững bước lại chỗ chúng tôi. Nó chẳng hề khóc lấy một tiếng. Tôi quì xuống để chụp ảnh đứa bé, một lính Mỹ cũng quì xuống và nhả vào đứa bé ba loạt súng... ". Sedge, một lính truyền tin kể : " Tôi theo trung úy Calley đến cái mương ở rìa làng phía đông... gặp trung sĩ Mitchell. Cả hai đẩy dân làng xuống rồi giết sạch. Bỗng có người kêu lên : " Kia một đứa bé ! ". Tôi thấy đứa bé không rõ là trai hay gái đang chạy về phía làng. Một đứa bé nhỏ tí xíu. Trung úy Calley đuổi theo, tóm lấy nó, đẩy xuống mương và nhả đạn ".

Còn nhiều, nhiều lắm kể làm sao cho xiết. Tổng số người bị giết trong ngày là 504 người trong đó có 182 phụ nữ (17 phụ nữ mang thai), 172 trẻ em (có 56 em dưới 5 tháng), 60 cụ già và 89 trung niên ; 24 gia đình bị giết trọn.

Cuộc càn quét do trung úy William Calley chỉ huy, về phía lính Mỹ không bị một tổn thất nhân mạng nào, vì chúng không gặp một sự phản kháng nào cả, trừ một người lính da đen : anh Herbert Carter, đã tự bắn vào chân mình để khỏi tham gia vào hành động tội ác này.

Trong lúc toán lính Mỹ đang hăng say chém giết thì bỗng có một chiếc trực thăng của Mỹ hạ xuống ngay tầm đạn. Chúng bắt buộc phải ngưng chém giết. Phi hành đoàn gồm có ba người : Hugh Thompson cùng với hai người phụ lái là Lawrence và Colburn. Thoạt nghe ta cứ tưởng họ là những hảo hán trong các câu truyện kiếm hiệp. Lại một lần

nữa dân làng không tin vào mắt mình.

Thompson kể lại rằng, đang bay trên bầu trời Quảng Ngãi anh thấy có một cái gì không ổn : lính Mỹ đang tập trung thường dân và hạ sát từng loạt. Lúc ấy anh không còn kịp suy nghĩ nữa, anh ra lệnh hạ cánh giữa tầm đạn, anh chỉ hành động theo lương tâm con người và không biết là đã đi quá quyền hạn của mình. Thompson đã cứu sống được một số dân làng và đồng thời anh cũng đã cứu vớt được phần nào lương tâm của dân tộc Mỹ. Đặc biệt là anh đã lôi ra từ đống xác chết một cậu bé 6 tuổi còn sống sót : em Đỗ Ba (nay là Đỗ Hoà). Đỗ Ba năm nay đã 37 tuổi.

Năm ngoái người ta rầm rộ làm lễ tưởng niệm Sơn Mỹ ba mươi năm. Rất nhiều nhà báo trên thế giới, nhiều nhân vật quan trọng và nhiều cựu chiến binh đã tụ tập về đây. Trong dịp này Thompson đã trở lại Sơn Mỹ để viếng thăm dân làng, ông tha thiết muốn gặp lại cậu bé Đỗ Ba, thế nhưng mong muốn nhỏ xíu của ông cũng không thực hiện được, vì Đỗ Ba hiện bị giam giữ ở miền Nam – Ba bị nhiều năm tù vì đã tham dự vào vụ trộm dây điện. Đây chính là nỗi nhức nhối trong lương tâm con người, bởi không phải tình cờ mà Ba ra nông nổi này : hậu quả chiến tranh vẫn còn sờ sờ ra đó...

Và cũng trong dịp này Tổng thống Mỹ đã ban tặng huy chương dũng cảm cho ông Thompson và đồng đội, muộn chẳng còn hơn không.

Còn Calley, người cầm đầu cuộc càn quét này thì ra sao ? Toà án quân sự mở ra ngày 12.11.1970 và kết thúc ngày 31.3.71, đây là phiên toà dài nhất trong lịch sử nước Mỹ. Calley bị kết án chung thân, tuy nhiên, một ngày sau khi tuyên án Nixon đã cho Calley ra khỏi nhà giam và cho đến năm 1975 thì Calley đã hoàn toàn tự do. Nay hán ta là chủ một tiệm kim hoàn lớn ở Columbus, liên bang Giorgio, sống bình an không hề hối hận. " Thiên võng khỏi khỏi sơ nhi bất lậu " lưới trời lồng lộng sao để lọt những quân giết người ?

Trong một cuộc trao đổi với báo chí nước ngoài, nhà văn, nhà thơ Thanh Thảo đã bày tỏ quan điểm của anh mà cũng là quan điểm của người dân làng Sơn Mỹ : " Chúng tôi phải quên cuộc chiến ấy đi mới có thể đối mặt với bao gian lao của thời hậu chiến, để có thể vượt qua những chồng chất trùng trùng tai ương của mấy chục năm qua. Còn mấy ông – những người lính Mỹ – phải nhớ chứ. Nếu mà quên cuộc chiến ấy thì các ông đâu còn là người nữa...".

Thật thế, người dân Sơn Mỹ phải tiếp tục cuộc sống bình thường. Những hố bom ngày nào đã xanh lên những vườn cây ăn quả, các phụ nữ vẫn đều đặn chôn đập để đưa nước về tưới cho các đồng lúa, đồng củ huỳnh tinh, các cậu bé vẫn ngất ngưỡng trên lưng trâu sau giờ học và tiếng sáo diều vẫn lồng lộng khi có gió nồm thổi về...

Những tháng ba lại về, những mùa lúa chín lại đến và những mâm cơm cúng lúa mới lại nghi ngút mùi thơm. Người dân Sơn Mỹ dâng lên những vong hồn đã khuất những chén cơm đầu mùa thấm đầy nước mắt mồ hôi. Họ thì thầm khấn vái xin cho được ngày ngày luôn luôn có được những chén đầy... ít khoai sắn nhiều cơm. Ước mong người dân Sơn Mỹ chỉ giản dị thế thôi...

Issy 1/5/2000
Phan Tam Khê

Frédéric Phạm

NHỰA SỐNG CỦA TOÁN HỌC

Được yêu cầu viết một bài về Tạ Quang Bửu, tôi vừa vui lại vừa e sợ. Sau ngần ấy năm, khuôn mặt của Ông vẫn hiện lên rõ ràng trước mắt tôi : một hình ảnh rất rõ nét và đầy nhân ái. Nhưng những gì tôi có thể biết về Ông qua kinh nghiệm trực tiếp chỉ là một phần nhỏ những gì tôi có thể đoán được, bởi vì các bạn tôi, những người thân thiết với Ông, đã nói về Ông như một con người độ lượng, cởi mở với mọi người, đồng thời rất chân thành và liêm khiết nhưng không nhượng bộ khi bảo vệ chân lí.

Tôi cũng muốn nói tất cả những điều đó vì nó rất quan trọng, nhưng có nhiều người khác làm điều đó tốt hơn tôi. Do vậy tôi sẽ chỉ nói những gì thuộc lĩnh vực chuyên môn nhỏ bé của mình là toán học.

Tôi quen Tạ Quang Bửu vào tháng 9 năm 1973, khi tôi quay trở lại Việt Nam (nơi mà tôi đã ra đi từ lúc một tuổi). Với sự gợi ý của Lê Dũng Tráng, Tạ Quang Bửu đã mời tôi cùng với hai nhà toán học Pháp là Bernard Malgrange và Alain Chenciner về giảng bài ở Hà Nội về lí thuyết kì dị (*théorie des singularités*) và các áp dụng của nó. Thời đó, nhiều nhà toán học Pháp vẫn còn nghi ngờ về sự cần thiết của lí thuyết này đối với xã hội, về lợi ích của một cấu trúc đẹp, bền vững và khép kín đã tạo nên “thế hệ Bourbaki”. Ít lâu sau, một luồng gió mát đã thổi vào cấu trúc này. René Thom đã phát triển điều mà ông gọi là “toán học định tính”, sinh viên – cũng giống như một nhà sinh học nghiên cứu những thực thể sống – một số đối tượng hình học ‘nguyên mẫu’ mà ông đã tìm thấy trong các hiện tượng thiên nhiên phong phú nhất : khúc xạ ánh sáng qua thấu kính, sự chuyển pha trong nhiệt động học, sự phát triển các dạng phôi học... Đó là các dạng toán học mà Tạ Quang Bửu đã yêu cầu chúng tôi nói ở Hà Nội. Chúng tôi vô cùng ngạc nhiên là xê-mi-ne đã có vinh dự được báo Nhân Dân giới thiệu qua bài báo dài dưới đầu đề *Tai biến và Phát triển* của chính Tạ Quang Bửu. Chất lượng của bài báo này đã gây ấn tượng mạnh đối với tôi. Đó không phải là một bài báo của giới ‘thượng lưu’ như người ta thường thấy với việc giới thiệu một vài ‘từ khoá’ của một lĩnh vực khoa học tương tự như ở một vài người tùy tùng của một nhân vật trong giới thượng lưu. Đó thật sự là một cách tư duy sâu sắc, theo cùng hướng với suy nghĩ của Thom nhưng có những nét riêng, với một văn hóa khoa học sâu sắc vượt ra ngoài toán học.

Tôi không biết bằng cách nào Tạ Quang Bửu đã có được văn hóa này và tôi lại tự hỏi mình như vậy khi gần đây đọc trong tạp chí Diễn Đàn số tháng Ba một bài báo của Phan Đình Diệu viết về những kỉ niệm của ông với Tạ Quang Bửu. Cũng qua bài báo này mà tôi được biết đến sự tồn tại về một quyển sách nhỏ của Tạ Quang Bửu giới thiệu các vấn đề logic do nhóm “toán học Bourbaki” đề xướng, quyển sách hình như đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với các nhà toán học Hà Nội

cùng thế hệ với Phan Đình Diệu. Một đoạn trong bài báo đã gây cho tôi nhiều xúc động : Khi đưa ra những thắc mắc của một người học logic với Tạ Quang Bửu về khái niệm đúng/sai trong toán học, Phan Đình Diệu đã nghe Ông trả lời rằng :

Cái đúng của toán học phải tìm ngoài toán học.

Tôi thấy câu nói này vô cùng sâu sắc và nhiều ý nghĩa. Tôi nghĩ rằng câu này cũng mang ý nghĩa như câu mà René Thom đã viết ở đầu đó (theo phong cách gây tranh cãi mà ông ta thích) :

Tính chính xác tuyệt đối dẫn đến sự vô nghĩa.

Nếu Tạ Quang Bửu còn sống để tranh luận về việc này, tôi muốn hỏi Ông xem Ông nghĩ thế nào về việc tiếp nối câu nói của Ông :

Cái hay, cái đẹp của toán học phải tìm ngoài toán học.

Tôi không tin Ông muốn diễn đạt câu nói này theo nghĩa gièm pha “toán học thuần túy” để có lợi cho “toán ứng dụng” (tôi nghĩ, cũng như nhiều nhà toán học khác, rằng cách chia toán học ra ‘thuần túy’ và ‘ứng dụng’ thật giả tạo và tai hại). Những gì tôi muốn nói, đó là tất cả các nhà toán học sáng tạo (phải chăng cả các nhà đại số học ‘thuần túy’ nhất) nuôi dưỡng trực giác nằm ngoài hệ tiên đề - suy diễn trong lĩnh vực của họ. Tôi còn nhớ một bài giảng về hình học đại số của Claude Chevalley mà tôi đã theo học ở Paris khi còn trẻ. Đó là một bài giảng được xây dựng, được xuất phát dựa trên “lí thuyết sơ đồ” từ thời học sinh. Một hôm, chúng tôi thấy Chevalley do dự, bài giảng bị đứt mạch. Ông quay lưng về phía chúng tôi và vẽ nguệch ngoạc một hình nhỏ xú trên góc bảng, rồi cứ xoa dần bằng tay trái những gì ông đã vẽ bằng tay phải (vào thời đó, những nhà hình học đại số qui ước không vẽ hình !). Sơ xuất này đã làm cho tôi rất vui.

Một kỉ niệm khác đánh dấu tuổi thanh xuân của tôi là một câu nói của Heisuke Hironaka vào năm 1968, trong một lớp học hè ở Phần Lan do Trung tâm Toán của Trường Đại học Bách khoa Paris tổ chức. Hironaka là thầy giáo duy nhất của lớp học và cử tọa là 8 hay 9 nhà toán học mới vào nghề (trong số đó có Lê Dũng Tráng ; còn tôi là một nhà vật lí lí thuyết đang “chuyển hướng sang toán học”). Hironaka rất thích giảng giải cho mấy sinh viên và thích cử tọa là những người ngây thơ và không có định kiến. Lớp học diễn ra ở vùng nông thôn của Phần Lan và chúng tôi đã học suốt ngày với Hironaka. Ngoài giờ giảng, ông đã nói với chúng tôi về quan điểm của ông về toán học và về cuộc sống. Tôi vẫn giữ trong trí nhớ câu nói của ông :

Người ta không thể làm toán mà không nghĩ đến những ví dụ ; nhưng những ví dụ lại thay đổi tùy theo từng nhà toán học ; đối với tôi, một ví dụ, đó là một phương trình đại số, còn đối với Eilenberg, một ví dụ, đó là một phạm trù !

Tôi tin rằng điều làm cho toán học sống mãi, đó là sự căng thẳng thường xuyên giữa hai xung năng đối lập nhau : một bên là xung năng về phía *trừu tượng*, nhằm ‘đơn thuần hoá’ sự vật mà ta nghiên cứu đồng thời cô lập nó trong một hoàn cảnh được coi như ‘kí gử’, còn một bên là sự tìm kiếm *ý nghĩa*, ngược lại nhằm đi tìm ở bên ngoài nhạ sống nuôi dưỡng mà nếu không có nó sự trừu tượng của chúng ta sẽ biến thành các

(xem tiếp trang 27)

Một vài ý kiến về phim

Mùa hè chiều thẳng đứng (*A la verticale de l'été*)

của *Trần Anh Hùng*



Văn Ngọc

Ra mắt dân chúng Paris từ cuối tháng 5 tại nhiều rạp chiếu bóng, từ Montparnasse đến Champs-Élysées, bộ phim *A la verticale de l'été* (*Mùa hè chiều thẳng đứng*) của Trần Anh Hùng đã gây được khá nhiều tiếng vang. Trước hết vì nó là một trong những phim đã được chính thức lựa chọn để tham dự Liên hoan phim Cannes 2000, và được báo chí Pháp nói đến (mặc dầu không phải báo nào cũng đều nói hay cho phim này). Người ta nhận thấy, so với hai phim trước của Trần Anh Hùng, *Mùi đu đủ xanh* (*L'odeur de la papaye verte*, 1992) và *Cyclo* (1995), thì phim này được dân chúng Pháp, Việt Nam và ngoại quốc đi xem đông hơn.

Bà con người Việt đi xem về, có người khen, có người chê, song ít ai thờ ơ. Người khen thì nói đó là một phim đẹp, kỹ thuật biểu hiện cao; người chê thì thấy phim này rỗng tuếch, cả truyện lẫn các nhân vật, v.v...

Hai loại ý kiến này thực ra không đối lập nhau, bởi chúng thuộc hai lãnh vực khác nhau, một đằng hướng về hình thức, một đằng hướng về nội dung. Song, trong một tác phẩm điện ảnh, nội dung và hình thức thường gắn liền khăng khít với nhau: hình ảnh được tạo dựng nên, trước hết dựa vào kịch bản – kịch bản đôi khi được sáng tác dựa trên một tác phẩm văn học (một cuốn tiểu thuyết, hoặc một truyện ngắn), song đôi khi cũng có thể chỉ dựa lên một cái ý mà nhà điện ảnh muốn thể hiện về một đề tài nào đó – hình ảnh có nói lên được cái ý trong kịch bản, có đi sát được với đề tài hay không, còn tùy thuộc vào trí tưởng tượng, khả năng điều khiển của người đạo diễn, tài năng của người quay phim, và của các diễn viên.

Xem như vậy, đủ thấy rằng trong nghệ thuật điện ảnh, nội dung của một tác phẩm tùy thuộc rất nhiều vào hình thức diễn đạt, tức toàn bộ ngôn ngữ điện ảnh (không chỉ gồm có ngôn ngữ của hình ảnh mà thôi, mà còn gồm nhiều khâu khác: đạo

diễn, chọn lựa và điều khiển diễn viên, quay phim, diễn xuất, trang trí, y phục, âm thanh, nhạc nền, v.v...) Cũng như, ngược lại hình thức biểu hiện tùy thuộc vào những cái ý đã được thiết kế, dàn dựng, từ trước trong kịch bản, và được tiếp tục nung nấu trong đầu óc của người đạo diễn, cho đến giờ phút chốt.

Do đó, trong một tác phẩm điện ảnh, khó mà có thể tách rời hai mặt nội dung và hình thức. Không thể khen hay chê riêng một mặt nào một cách hoàn toàn tách biệt.

Nhưng chúng ta hãy thử phân tích xem, dựa trên cơ sở nào mà nhiều bà con đã có thể khẳng định được rằng cuốn phim của Trần Anh Hùng chỉ đẹp thôi – nhất là về mặt kỹ thuật biểu hiện (chất lượng của hình ảnh và của các khâu cadrage, quay phim, v.v...) – còn thì không hay. (Từ đẹp ở đây có một nghĩa hẹp, không như từ *beau* trong tiếng Pháp: khi người ta nói *un beau film* (cũng như *un beau livre*, *un beau tableau*) là có ý khen, một cách khá đồng đều, cả nội dung lẫn hình thức. Còn trong tiếng Việt, chúng ta cũng quen dùng từ *hay*, để chỉ một phim (một truyện, một bài thơ, một bài hát, v.v...) đạt cả về nội dung lẫn hình thức biểu hiện. Điều đó, thêm một lần nữa, cho ta thấy một thực tế, là khó có thể tách rời được nội dung và hình thức trong một tác phẩm nghệ thuật.

Vậy, khi nói một bộ phim nào đó đẹp, là ý người ta muốn nói: nó có một ngôn ngữ biểu hiện đẹp, nó có nhiều hình ảnh đẹp. Còn những hình ảnh đó có nói lên được những cái ý của nhà đạo diễn, lột tả được nội dung của bộ phim, hay không, đó lại là một chuyện khác.

Thông thường, trong một bộ phim, hình ảnh ít khi nào nói lên được hết cả cái ý mà nhà đạo diễn muốn nói, nhất là khi những cái ý đó lại khá phức tạp. Thi thoảng, mới có được một vài trường hợp hiếm hoi, trong đó một bộ phim chỉ hoàn toàn sử dụng hình ảnh, mà không cần đến lời (ở đây, tôi không muốn nói đến phim câm), như phim *L'île nue* (1960) của Shindo Kaneto, hoặc rất ít lời như *La femme de sable* (1964) của Teshigahara Hiroshi. Điều này nói lên một thực tế: đó là khả năng biểu hiện vốn có giới hạn của hình ảnh. Do đó, điện ảnh phải cần đến sự hỗ trợ và bổ sung của lời nói: lời đối thoại, lời thuyết minh, voix off, v.v...

Trong *Mùa hè chiều thẳng đứng*, hình ảnh có nói lên được hết những cái ý của nhà đạo diễn hay không, điều này khó mà biết được, vì một mặt nó tùy thuộc vào ý muốn chủ quan của nhà điện ảnh, ngoài ra, nó còn tùy thuộc cả vào sự cảm thụ của người xem phim nữa.

Nhưng điều chắc chắn là những lời đối thoại trong phim đã không đem lại được những thông tin cần thiết và một chiều sâu nào đó cho bộ phim (Tôi sẽ trở lại điểm này sau).

Còn nói về cái đẹp của bộ phim này: đẹp ở chỗ nào, và vì sao lại đẹp, thì tôi cho rằng phim *Mùa hè chiều thẳng đứng* đẹp vì nhiều lý do. Trước hết, vì cái con mắt mỹ thuật của nhà đạo diễn, và cái quan niệm *duy mỹ* (thiên về thẩm mỹ) của anh.

Người ta có thể nghĩ rằng, cũng như trong phim *Mùi đu đủ xanh*, cái ý nghĩ sâu kín mà tác giả hằng ấp ủ, vẫn là đi tìm cái đẹp, cái thơ mộng trong hình ảnh đời thường, nhằm khơi dậy những kỷ niệm, những cảm xúc (*Mùi đu đủ xanh*), thậm chí cả những cảm giác ngoài da (*Mùa hè chiều thẳng đứng*)?

Có thể có người còn nghĩ rằng, qua những hình ảnh đẹp, thường là đẹp hơn cả thực tế (điều này là một sự thực khách quan, vì ống kính camera và phim nhựa cực nhạy hoàn toàn có khả năng ghi nhận hình ảnh của sự vật rõ hơn con mắt người

ta !), vô hình trung, tác giả đã thi vị hoá những cái thật ra chẳng có gì là đẹp đẽ, thơ mộng cả trong cuộc sống hàng ngày : từ cái vách tường nứt nẻ, xiêu vẹo, cái ngõ tối dơ bẩn, v.v... cho đến sự nghèo nàn, nhếch nhác của đời sống thực tế bên ngoài : hình ảnh ngôi nhà cũ nát với tường rêu long lở, chiếc xe cyclo che bằng vải nhựa nylon dưới trời mưa tầm tã, v.v...

Về điểm này, tôi không tin rằng tác giả đã có những ý tưởng như vậy. Tôi cho rằng tác giả đã chỉ ghi nhận một cách có nghệ thuật, qua ống kính, những hình ảnh đẹp và thơ mộng của thực tế, và không đặc biệt có ý đồ thi vị hoá gì hết. Trận mưa nhiệt đới đổ ập xuống đường phố, chỉ là một hình ảnh bình thường. Cái thi vị, hay cái thú vị, của nó là một điều mà mỗi người Việt Nam, từ lúc còn bé thơ, đều đã từng biết. Hình ảnh quả trứng, con gà luộc da căng, vàng óng, vừa lấy ở nồi ra, cũng đều là những hình ảnh quen thuộc, trong một ngày giỗ (nhất là ở dưới bếp !). Chiếc cyclo che bằng vải nhựa nylon cũng chỉ là một hình ảnh của thực tế hàng ngày, cũng bình thường như bao hình ảnh khác.

Nói tóm lại, tác giả muốn truyền đạt những cảm xúc, thậm chí những cảm giác ngoài da, của mình cho người xem, qua những hình ảnh giàu ấn tượng, và giàu chất lượng nghệ thuật.

Chỉ có điều, là nếu ở trong phim *Cyclo*, người ta thấy được sự bản cùng hoá của một vài tầng lớp xã hội, thấy được những nơi chốn nhếch nhác, dơ bẩn, những nhân vật tàn bạo, độc ác, hoặc đáng thương, và ghi nhận chúng dưới cái dạng hiện thực bị bóp trắn ấn của chúng, thì trong *Mùa hè chiều thẳng đứng*, những sự nhếch nhác, dơ bẩn, đã biến mất. Phải chăng, hình ảnh đẹp – quá đẹp – vô hình trung đã làm cho người ta bị choáng ngợp, và không nhìn thấy cái thực tế ở đằng sau nữa ?

Có thể, ở một đôi chỗ hiếm hoi, xu hướng duy mỹ đã thúc đẩy tác giả đi tìm những hình ảnh, mà tôi cho là khá giả tạo, chỉ vì cái đẹp, cái thơ mộng của chúng (hay vì một ý nghĩa tượng trưng nào khác, thì tôi không biết). Ví dụ như hình ảnh chiếc thau cổ (?) đựng nước, có quai, đặt trên giường, lúc Sương và Tuấn, hai người tình nhân gặp nhau. Rồi lúc mặt nước trong chậu rêu sôi lên, v.v...

Tôi cho rằng, trong một tác phẩm điện ảnh, mỗi vật, mỗi khuôn mặt người, mỗi phong cảnh, đều thể hiện lên một hình ảnh, một ý tưởng, cái ý tưởng ấy chỉ thật sự có ý nghĩa cho cuốn phim trong mối tương quan của nó đối với những ý tưởng khác, nhằm nói lên một diễn biến nào đó, phục vụ cho một cái ý chung nào đó. Hình ảnh dù đẹp đến đâu cũng không thể nào xuất hiện một cách quá “bất ngờ”, trớ trêu, không theo lô gích của câu chuyện, và nhất là không đóng góp được vào sự thể hiện chủ đề. Hoặc nếu như vậy, thì nó chỉ đơn giản là một hình ảnh đẹp mà thôi, đôi khi không nói lên được một cái gì hết.

Nhìn chung hơn về cái quan niệm có chiều hướng duy mỹ của bộ phim, có lẽ phải bắt đầu từ cái tựa *Mùa hè chiều thẳng đứng*, tiếng Pháp là *A la verticale de l'été*.

Bản thân hai cái tựa này nghe khá thơ mộng, nhất là cái tựa tiếng Pháp. Ý nghĩa đơn giản nhất và có lẽ sát nhất của nó là Vào thời điểm mùa hè, còn cái kích thước thẳng đứng kia, thì có thể hiểu cách nào cũng được : nói đến chiều thẳng đứng của mùa hè, người ta có thể nghĩ đến chiều cao của bầu trời mùa hè ? Xem phim rồi, thì người ta lại có thể nghĩ đến những hạt mưa “ nặng hạt ” rơi thẳng đứng xuống mặt đường phố, v.v... Dấu sao, ngôn ngữ của cả hai thứ tiếng, Việt và Pháp, đều gợi lên một hình ảnh thơ mộng về mùa hè, với nắng như thiêu như

đốt, với trời cao lồng lộng, với cánh diều lơ lửng giữa không trung, v.v... Nhưng cũng không hẳn phải là như vậy : những ngày hè trong phim không phải là những ngày hè nắng ráo, có trời xanh, mây trắng. Nhà đạo diễn đã chọn quay nhiều cảnh vào những ngày có những trận mưa to như trút. Và đó cũng là mùa hè nhiệt đới, cũng có cái đẹp và cái thơ mộng của nó.

Đề tài ba chị em, giống như đề tài của một bức hoạ – lẽ ra có thể được thể hiện một cách tập trung, cô đọng hơn – dấu sao cũng là một cái cớ để tác giả săn tìm những hình ảnh, không phải chỉ để chinh phục con mắt, mà còn để khơi gợi lên những kỷ niệm và nhất là những cảm giác : từ nụ cười, khoe mắt, từ nước da mịn màng (rất khơi gợi), mớ tóc đen huyền, óng mượt, của ba nhân vật nữ chính – làm ta nghĩ đến những bức tranh lụa của Nguyễn Phan Chánh – từ chất liệu và màu sắc của từng cái tường, cái vách, của những bức hoạ giàu chất suy tư và giàu sự sống của Trần Trọng Vũ, đến bể cá vàng, bàn thờ, bát hương, những tấm mùng che muỗi, những củ khoai luộc nóng hổi dưới trời mưa, v.v...

Về mặt “nội dung”, tôi cho rằng, sở dĩ nhiều người chê, không phải chỉ vì bộ phim không có một cốt truyện hấp dẫn, mà trước hết vì nó không chuyên chở một ý tưởng nào mạnh mẽ, cho nên không gây được cảm xúc ở nơi người xem.

Bộ phim được xây dựng trên những ý hơi rời rạc, lắt nhắt : từ câu chuyện ngoại tình của Sương, và của ông chồng Sương, đến câu chuyện lừa dối vợ của Kiên, nhà văn, rồi đến chuyện Liên, cô em út, với người anh ruột của mình. Tất cả những ý này đều đã quá nhàm, lại không có một mối quan hệ hữu cơ nào với nhau, bản thân mỗi câu chuyện lại không đi đến đâu cả, dường như mỗi ý đều không được thực hiện đến cùng, làm người xem như bị hổng hụt. Thí dụ điển hình nhất, là câu chuyện giữa Liên và người anh ruột, cuối cùng cũng đâu có gây được cảm xúc gì mạnh ?

Lẽ ra, đề tài ba chị em là một cái ý rất đẹp, rất mạnh, để có thể từ đó dựng nên một kịch bản hấp dẫn. Song, thay vì tập trung vào câu chuyện ba chị em, ba phụ nữ có nhan sắc, sống quần quít bên nhau, chia sẻ với nhau những tâm tư, vui buồn, những kỷ niệm, thì tác giả lại làm loãng chủ đề bởi những câu chuyện linh tinh và những nhân vật phụ khá kèn càng.

Nói tóm lại, cả ba chị em, mỗi người đều có một tâm sự, một đời sống riêng tư, một mối tình thâm kín với một hay hai người đàn ông, mà lẽ ra có thể được thể hiện một cách nhẹ nhàng, kín đáo hơn, để chỉ làm nổi bật lên một hình ảnh, một chủ đề, một cái ý mạnh : đó là sự quần quít, khắng khít, thậm chí đông lõa, giữa ba chị em trong cái gia đình (mà có lẽ bên trong còn nhiều chuyện lý thú hơn để kể ra) ấy ; trong cái ngôi nhà của bố mẹ để lại (mà qua cuốn phim, người ta chỉ thấy thoáng qua một vài hình ảnh, không đủ để có được một ý niệm cụ thể) ; ở vào thời điểm mùa hè (mà chỉ thấy có mỗi trận mưa rào, còn ngoài ra, trời mùa hè ở miền bắc, nóng nực như thế, ngủ trong màn, lẽ ra phải thấy bóng dáng của một chiếc quạt máy, hoặc ít ra, của một chiếc quạt nan !) ; một ngày giỗ mẹ (mà không thấy ngay cả một mâm cỗ !), v.v...

Nhưng muốn thể hiện lên cái ý có động đó, muốn cho bộ phim có một bề dày, một chiều sâu, thì bản thân ba nhân vật nữ kia, ít nhất cũng phải có một bề dày, một bản lĩnh, một đời sống nội tâm nào đó. Đằng này, phải công nhận rằng cả ba chị em, ở những mức độ khác nhau, đều là những nhân vật mỏng manh, hời hợt, gần như không có thực. Chỉ cần nghe những

mẫu đối thoại giữa họ, thì cũng đủ thấy. Họ sống vật vờ qua ngày, không biết họ làm gì trong đời thường, mà dường như chỉ quanh quẩn với những ý nghĩ lặt vặt, thậm chí dung tục, hoặc không lành mạnh gì cho lắm, trong một môi trường cũng mờ nhạt, trừu tượng, không kém. Các nhân vật nam : từ hai ông chồng, đến ông nhân tình, đến người anh trai sinh trước Liền, đến anh bồ của Liền, đến những ông khách hàng ngồi ở quán cà phê, tất cả đều như là những con người không có thực.

Ngoài ra, có những cái ý đã dẫn dắt tác giả đi lạc xa chủ đề. Chẳng hạn như, không biết có phải vì lý do thẩm mỹ, vì nhu cầu phải có một vài nét chấm phá cho bức tranh chung, một vài cái cửa sổ mở ra những không gian khác cho bộ phim hay không, mà tác giả đã đột nhiên đưa lên phim hình ảnh của vịnh Hạ Long, kéo theo cả một câu chuyện vợ cả, vợ bé, có phần nào hơi cãi lương : người vợ bé lại còn sống ở đây với đứa con trai trên một chiếc bè nổi nữa ! Đó cũng chính là những cái đã làm cho câu chuyện loãng đi. Hình ảnh hòn đảo xuất hiện bất chợt, chiếm trọn cả màn ảnh, là một cú sốc, gây ấn tượng mạnh đối với con mắt người xem, nhưng lại có tác dụng đánh lạc sự chú ý của họ đi. Cũng như sự kiện Kiên đi Sài Gòn, gặp một cô gái đẹp trên máy bay, rồi đi theo cô ta về khách sạn, v.v... Rồi cảnh Liền và Toàn, và đàn bò, v.v... Tất cả những chi tiết *rườm rà* đó đều không đem lại được một chiều sâu nào cho bộ phim, ngược lại, chúng chỉ làm cho nó rối, loãng thêm. Không những thế, đó lại là những điều quá nhàm, quá cũ.

Một cách chung hơn, đứng về mặt ngôn ngữ điện ảnh, tôi cho rằng, những điều gì có thể kể được bằng lời, thì chỉ nên kể bằng lời. Lời kể đúng lúc, đúng chỗ, nhiều khi còn mạnh hơn cả hình ảnh. Hình ảnh là để nói lên những gì không nói được bằng lời. Những câu chuyện linh tinh không đáng kể bằng hình ảnh, chỉ dẫn đến một sự lạm phát về hình ảnh, và làm rối mù. Đây là một vấn đề kịch bản, và là một vấn đề chọn lựa giữa cái chính và cái phụ, hoàn toàn tùy thuộc vào người đạo diễn.

Đại thể, đó là những nét lớn trong những điều mà tôi nhận xét được về bộ phim.

Ngoài ra, còn những chi tiết, không phải là nhỏ, mà tôi thấy cũng cần phải nói đến, mặc dầu vẫn biết rằng đó là những điều tế nhị, nói ra dễ phật lòng người khác.

Ba khâu *diễn xuất, đối thoại và lồng tiếng*, như ai cũng biết, là ba khâu yếu kém nhất trong hầu hết các phim truyện Việt Nam (phát ngôn bằng tiếng Việt). Thoạt đầu, đó chỉ là một vấn đề thiếu phương tiện, song nó đã dẫn đến một nếp làm việc, mà một sớm một chiều không thể nào thay đổi được. Kết quả là diễn xuất, cũng như đối thoại thường ngượng ngập, thiếu tự nhiên, không thật. Điều này giải thích tại sao một cuốn phim, dù không nghèo phương tiện, như cuốn phim của Trần Anh Hùng, cũng vẫn mắc phải những nhược điểm mãn tính ấy.

Tuy nhiên, những nhược điểm này cũng đã chỉ có một ảnh hưởng rất nhỏ trong sự đạt hay không đạt của cuốn phim.

Một khâu khác cũng đã đóng một vai trò khá nổi bật trong bộ phim này – mà tôi cho rằng rất đáng nêu lên để suy ngẫm – đó là khâu nhạc. Tôi không muốn nói đến nhạc nền của Tôn Thất Tiết, là nhạc phim, hiện đại, trừu tượng, và khá kín đáo, mà là những bài hát của Trịnh Công Sơn. Tôi không hiểu vì lý do gì mà nhạc Trịnh Công Sơn đã được sử dụng nhiều đến thế trong phim này ? Tạm bỏ qua một bên vấn đề giá trị nghệ thuật của loại nhạc này, ở đây tôi chỉ muốn nêu lên một nhận xét : bài hát, nhất là những bài hát có lời, không phải lúc nào cũng

có thể lồng vào một phim truyện được. Đặt không đúng chỗ, nó có thể làm lạc điệu, thậm chí có thể là một lỗi về mặt thẩm mỹ. Ở trong phim, nhiều khi tiếng hát cất lên như *buộc* người ta phải nghe : nào là độc ca, đồng ca, voix off, ngay cả vào những lúc đang làm gà ở trong bếp, hoặc đang giặt rửa ở ngoài sân ! Thú thực, tôi không thấy những bài hát này có liên quan gì đến nội dung bộ phim – dù cho đó là những kỷ niệm – hoá chăng chỉ vì chúng gợi lên một chút nắng và một chút tình yêu : *Nắng thủy tinh, Cuối cùng cho một tình yêu, Rừng xưa đã khép*, v.v...? Giọng hát rất gợi cảm của Vũ Thanh Xuân có thể đã làm cho nhiều người xúc động, vì nhiều lẽ khác, và quên cả xem phim trên màn ảnh cũng nên ! Quả thật là những lúc tiếng hát cất lên, màn ảnh như trống rỗng, chỉ còn tiếng hát áp đảo tất cả. Có thể nói rằng nó đã tạo ra một khoảng trống, và dẫn người xem đi ra khỏi phim ! Ngược lại, loại nhạc folk, mà hai anh em cô Liền để nghe mỗi buổi sáng, thì lại ăn khớp hơn với hình ảnh và diễn biến của câu chuyện giữa hai nhân vật trẻ này.

Dấu sao, *Mùa hè chiều thẳng đứng*, mặc dầu không có những ý mạnh, song cũng đã thành công về mặt ngôn ngữ biểu hiện, đặc biệt về các khâu quay phim, cadrage và chất lượng hình ảnh, đánh dấu một bước tiến khá rõ rệt của Trần Anh Hùng trong nghệ thuật thể hiện cái đẹp, cái thơ mộng, cái thế giới của kỷ niệm, của cảm giác, so với *Mùi Đu Đủ xanh*.

Dấu sao, cuốn phim cũng đã để lại nhiều ấn tượng, nhiều hình ảnh, khó quên, mặc dầu tôi vẫn ám ức, vì với tài năng ấy, với những phương tiện ấy, và với đề tài ấy, lẽ ra Trần Anh Hùng có thể làm một phim dày đặc, có đọng hơn.

Văn Ngọc

Nhựa sống của toán học

(tiếp theo trang 24)

cành cây chết. Nhựa sống này phải chảy bên trong toán học, mỗi nhánh sẽ nuôi dưỡng các nhánh khác. Nó cũng phải lưu chuyển giữa toán học và những gì ngoài toán học mà nếu không có nó cả cây sẽ bị khô héo. Rất may mắn là nhựa sống vẫn chảy, tuy nhiên hiện tượng khô cạn vẫn còn và sự sinh tồn của cây không phải là tuyệt đối.

Hiện nay, việc giảng dạy toán học ở Pháp đang lâm vào khủng hoảng, tập thể các nhà toán học cảm thấy “ ít được mến mộ ”. Giáo viên và sinh viên ngày càng ít hiểu nhau trong khi số lượng sinh viên đông hơn trước, khác nhau nhiều hơn cả về động cơ học tập, văn hoá và địa vị xã hội. Các giáo viên ngày càng cảm thấy khó khăn trong việc truyền thụ cho thanh niên niềm say mê của họ đối với toán học. Trong số những sinh viên chuẩn bị làm giáo viên toán, một số người đã thú nhận là không có một kỷ niệm nào vì chưa bao giờ thấy hứng thú trong khi làm toán !

Dù cho thực tế ở Việt Nam có khác nhưng tôi nghĩ rằng những khó khăn tương tự cũng đang tồn tại. Tôi mong muốn biết bao được tranh luận với Tạ Quang Bửu về điều đó ! Nhưng ngay cả khi Ông không còn ở trên đời, bầu nhiệt huyết mà Ông đã khơi mào vẫn tiếp tục sống trong những người mà Ông đã có ảnh hưởng, những người mà Ông đã trao cho ngọn lửa. Mong rằng cuốn sách kỷ niệm Ông sẽ giúp chúng ta tiếp tục nuôi giữ ngọn lửa đó !

Giỗ mới hải ngoại

Vũ Hồng Nam

Từ đầu năm con Rồng, ở Lyon tỉnh lẻ, chúng tôi được miễn nguyên xem nhiều phim ảnh Việt Nam. Ngoài chương trình đặc biệt trên các đài truyền hình Pháp kỷ niệm 25 năm “ giải phóng Saigon ”, 25 năm “ chấm dứt chiến tranh ”, với nhiều tài liệu về chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ, tài liệu về hiện trạng trong nước, tài liệu về môi trường Việt Nam, chúng tôi được xem lại phim *Cô gái bên sông* của Đặng Nhật Minh. Trước Tết chúng tôi được xem phim *Ba mùa* của Tony Bùi, rồi sau đó được thưởng thức chương trình ca vũ nhạc do đoàn Thăng Long trình diễn. Rồi mới đây lại có dịp xem vở múa *Voilà, voilà* của chị Ea Sola Thuỷ được trình diễn ở Echirolles (cạnh Grenoble), và phim *A la verticale de l'été* của Trần Anh Hùng lại được chiếu ở Lyon. Lâu lắm mới được sống gần gũi Việt Nam như mấy tháng vừa qua. Trong bầu không khí nồng nhiệt ấy tôi muốn viết vài lời cảm phục ba nghệ sĩ “ hải ngoại ”, là chị Ea Sola, các anh Tony Bùi và Trần Anh Hùng, cảm phục tài năng của mỗi người, các anh chị đã làm vẻ vang nghệ thuật Việt Nam cho thế giới chú ý.

Trước hết tôi xin khen ngợi vở múa *Voilà, voilà*. Tên của vở múa quá giản dị, khiêm tốn, như người nông dân mộc mạc, nhưng cảnh trí rất sang trọng, tôi nghĩ đến đang ở trong một nhà thờ công giáo hay mosquée nào đó. Trong phần đầu các diễn viên múa ăn mặc như những ‘cô đồng’ hát múa thật linh thiêng. Các chị lướt trên sân khấu tựa những nàng tiên, hay những ‘rối nước’ cổ truyền. Tôi mong chờ những diễn viên ăn mặc màu mè sắc sảo như các cô gái quan họ trong các ngày lễ hội, nhưng không, chị muốn diễn tả điệu múa cao siêu, phải chăng thế kỷ 21 là thế kỷ của tâm linh ? Trong phần sau của vở múa các diễn viên diễn tả những buổi gặp gỡ vui vẻ ở nông thôn. Một lần nữa chị đã gây bất ngờ khi chị cho các thôn nữ mặc váy dài như thửa xưa, tóc để dài không có nón che lấp. Trong vở múa này chị đã diễn tả được tài nghệ múa của chị, với những điệu múa vừa giản dị, lại đẹp, vẻ đẹp sang trọng và huyền bí. Một thành công xuất sắc là chị đã dung hoà được các diễn viên múa, với giọng hát trong veo, với ban nhạc cổ truyền Việt Nam. Đặc biệt giàn trống thật điêu luyện, làm tôi tưởng nhớ đến tiếng ngựa phi hay hạt mưa rào. Chị đã mạnh dạn đưa tiếng kèn hoà chung với ban nhạc cổ điển ‘hát chèo’, nhạc kèn tôi chỉ được nghe lúc đám ma hay trong cung triều Huế ! Mạnh dạn hơn nữa chị đã đưa đàn Violoncelle hoà tấu chung với trống gõ Việt Nam. Nhạc không có biên giới Đông Tây, chị nguyên thủy vừa Đông vừa Tây.

Phim *Ba mùa* của Tony Bùi cũng lôi cuốn được nhiều khán giả Việt và Pháp. Ai cũng khen phong cảnh Việt Nam quay rất đẹp, cảnh đầm sen, cảnh hoa phượng đỏ. Câu chuyện lâm ly, có lẽ hơi quá đẹp trong hoàn cảnh xã hội đang sống, hơi ‘lý tưởng hoá’. Nhưng cảnh đẹp, chuyện tình éo le, tiếng nhạc Việt Nam cổ truyền, ngay cả giọng nói tiếng Việt cũng làm mọi người ngây ngất. Điều làm tôi cảm phục Tony Bùi là được biết anh rất trẻ, rời Việt Nam năm 1975 lúc còn rất ít tuổi. Anh

sống mấy chục năm ở Mỹ mà còn giữ được văn hoá Việt Nam, biết căn cứ văn học Việt Nam, cuộc đời Hàn Mạc Tử, biết yêu nhạc và câu hò Việt Nam... Thật đáng phục khi chúng ta biết trong cộng đồng người Việt ở Mỹ có nhiều người muốn cất mọi liên lạc sách vở, phim ảnh với nước “ Việt Nam cộng sản ”. Đây là chưa kể có thể anh bị đe dọa vì ‘tô hồng’ cho xã hội cộng sản. Vì vậy tôi phục anh can đảm. Đây là phim đầu tay của anh, chính anh viết scénario, có thể hơi lý tưởng hoá, nhưng tôi cảm phục tài năng của anh.

Phim *A la verticale de l'été* của Trần Anh Hùng, tôi thích hơn. Tài nghệ đạo diễn của anh thật xuất sắc. Tôi đã được xem *Odeur de la papaye verte* và *Cyclo*. Tôi thích *Cyclo* hơn phim đầu, vì câu chuyện cũng như hình ảnh. Anh đã nói lên thực trạng của một số xã hội hiện tại, chuyện xảy ra ở Saigon, nhưng cũng có thể ở Hồng Kông, Thượng Hải, hay ngay ở Paris, Marseille, Lyon. Trong phim thứ ba này, anh kể chuyện cuộc đời của ba chị em và người anh em trai, chuyện đời giản dị, đau đớn, có thể xảy ra bất cứ ở đâu trên thế giới. Chuyện của anh làm tôi nghĩ đến vở kịch của Tchekov, hay phim của Bergman. Việt Nam trong phim này không có chiến tranh, không có hận thù, chỉ có tình yêu giữa người và người. Có lẽ cũng hơi lý tưởng hoá một chút. Đặng Nhật Minh trong *Cô gái bên sông* là người đầu tiên diễn tả cảnh làm tình khoả thân của màn ảnh Việt Nam, Trần Anh Hùng là người đầu tiên đưa lên màn ảnh Việt Nam cảnh ngoại tình, và hơn nữa mối tình khó tả giữa hai anh em ruột thịt. Phim xuất sắc vì tài nghệ chụp ảnh của anh quá cao, tôi có được nghe một nhà báo tuyên bố ‘*un véritable bijou*’, trên mặt hình ảnh đẹp này, tài nghệ Trần Anh Hùng đã được khen ngợi từ hai cuốn phim trước. Hà Nội ngày nay còn lụp xụp, lẽ dĩ nhiên không đen tối như tranh của Bùi Xuân Phái, nhưng trong phim này trở nên màu mè, sáng sủa, như ở Hy Lạp ! Ngay những đêm mưa gió ngập nước, một cái áo tơi màu hồng cũng làm thơ mộng Hà Nội. Tôi rất mê khi anh quay cảnh ăn uống Hà Nội, cách đây chẳng bao lâu dân Hà Nội còn phải ăn bằng ‘phiếu’, hay ăn ‘giấu’ ! Hình ảnh đẹp, diễn viên rất đẹp, đặc biệt phái nữ, phần nhạc tuyển lại rất ăn khớp với hình ảnh. Nhạc Trịnh Công Sơn, hoà chung với folk songs Mỹ, trộn với nhạc sáng tác rất độc đáo của Tôn Thất Tiết (lại một nghệ sĩ Việt Nam hải ngoại), món nhạc thật thành công, dẫn đưa các diễn viên giữa những chuyện tình éo le. Một lần nữa tôi cảm phục tài nghệ của anh, cuốn phim này đã được tuyển dự Festival de Cannes 2000, tôi không ngạc nhiên.

Ba tác phẩm, tôi đều thích và cảm phục. Do ba nghệ sĩ Việt Nam ở hải ngoại. Thành công vì đã được sáng tác với sự đóng góp với các nghệ sĩ trong nước, và phong cảnh trong nước. Qua ba sáng tác chúng ta thấy sự gắn bó của nghệ sĩ hải ngoại với văn hoá Việt Nam. Có thể nói họ đã mang cho nghệ thuật Việt Nam một số điểm đặc biệt, mới lạ, như một hơi thở ‘Tây phương’ thổi vào văn hoá cổ truyền phương Đông ! Kết quả là ba tác phẩm đã chinh phục được khán giả ngoại quốc, làm cho họ tìm hiểu và đánh giá cao văn hoá Việt Nam. Ba tác phẩm này được hoàn thành cũng nhờ chính quyền Việt Nam đã ‘mở cửa’ giúp ba nghệ sĩ ở hải ngoại về thực hiện hoài bão của họ. Chúng ta mong chờ chính quyền Việt Nam cho phép, hay tạo điều kiện cho càng nhiều văn nghệ sĩ trong nước sang tham quan các nước ngoài, đặc biệt phương Tây, để học hỏi hay tìm cảm hứng. Để làm cho văn hoá Việt Nam phong phú thêm.

Lyon, tháng 6-2000

Lê Minh Hà

CHÂU LONG

*Đất nước tôi thon thả giọt đàn bầu
Nghe dịu nỗi đau...
Tạ Hữu Yên*

Châu Long bước mãi. Bóng xiêu xiêu theo chiều nắng hắt. Cái thúng cấp bên hông, nhẹ tênh. Còn nhẹ hơn cả cái ngày nàng từ nơi ấy ra đi. Ngày ấy, nơi ấy, nàng đã lẳng lặng nghe lời chồng dặn, lẳng lặng đặt vào giữa mớ xống áo trong thúng mấy nén bạc lưng vốn ban đầu.

Châu Long bước mãi. Gió ngược. Đôi vạt thắt quả găng luẩn quẩn bay. Càng gần tới nơi bước chân Châu Long càng chậm lại. Như kiệt lực. Dấn tới gốc đa đầu làng, Châu Long buông người, kéo cái thúng nhỏ sát vào mình, bỏ nón. Chiều muộn. Người làm đồng đã về hết cả rồi. Chỉ còn đôi bóng bò gặm nắng xa xa. Phía con sông đào xưa. Phía xưa nàng còn được ngày ngày tắm tang cùng mẹ và chiều chiều xuống sông gánh nước, cúi mặt soi bóng mình, biết phía cuối dòng trong đám trai làng đang hò hét ngụp lặn om sòm kia có một đôi mắt... những đôi mắt...

Có con bê nào gọi mẹ. Nghe rối cả lòng. Nước mắt nàng ứa ra. Châu Long điên dại nhìn trời. Chao ôi ! Mười năm khốn khổ ! Chao ôi ! Nàng sẽ nói gì đây với thầy mẹ khi trở về vào lúc nhập nhoạng này như một cái bóng tha hương ?

*

Châu Long đi từ lúc non trưa, sau khi đã ngồi lặng lẽ cả nửa buổi nghe ông lý cùng mấy vị quan viên bàn bạc cãi vã. Họ hỏi gì Châu Long cũng bằng lòng. Dừng rạp đài làng nước ? Nàng gật. Lên tỉnh rước Lưu Bình ? Nàng gật. Khi tất cả hỉ hả ra về, nàng thu vén xống áo bỏ vào thúng, cẩn thận kéo tấm rào rạp ngõ, rồi đi. Chồng nàng đã dặn nàng như thế ngày ấy. Mười năm có lẽ. Đến bây giờ.

Mười năm. Mười năm nàng thức khuya dậy sớm chạy chợ nuôi Lưu Bình đèn sách. Sau này, người đời sẽ thi vị hóa quãng thời gian trớ trêu ấy của đời nàng. “ *Châu Long quay tơ. Lưu Bình ngâm thơ. Vườn sau chim giục giã. Nhìn ra hoa vừa nở.*” ⁽¹⁾ Không phải vậy. Không có gì là thi vị trong cảnh những người đàn bà dầm dề dụi dụi nuôi chồng. Không có gì là thi vị khi nàng gồng gánh ra đi từ tối đất mong mua may bán đắt. Không có gì là thi vị khi nàng bấm mười ngón chân tẻ dại trên những con đường sỏi đá ngày mưa, đôi gánh trên vai. Không có gì là thi vị khi nàng đi như bị lôi về phía trước bởi đôi quang nặng trĩu sát đất giữa trưa ngày xuân cạn. Ai biết được nàng nghĩ gì khi ấy ? Mà biết, liệu người đời sau này có kể không ?

Nàng đi sâu vào cái ngõ nhỏ kẹp giữa bờ rào ruộng. Có mùi nước đọng. Mùi đất vườn dưới sương. Cả nhà đã xong bữa lúc

nàng chạm tay vào đại cửa. “ *Ô chị Phủ !* ” Đứa em gái buột miệng ngỡ ngàng. Châu Long về bất ngờ quá. Cung cách về cũng lạ lùng. Ông đồ đưa mắt cho vợ với đứa con gái út. Cái nhìn ấy làm Châu Long chua xót. Nàng không thuộc về thế giới này. Nàng thuộc về đâu ?

...Đứa em gái đã hạ cái nia kê đòn thái dậu cho tầm ăn đêm. Bà đồ ngồi nhai miếng vỏ quạch, nhặt thêm mảnh cau khô bỏ miệng, thở dài. Bà thuộc tính chồng, không dám gặng gì con. Châu Long run run : “ *Nhà con dặn về ngay khi được tin mừng... Tiện đường con tạt về thăm thầy mẹ. Vài hôm rồi con xin phép thầy mẹ con về...* ” “ *Về đâu ?* ” “ *Về đâu ?* ”. Người mẹ không thể nào biết được tiếng gào đau khổ ấy trong lòng đứa con. Xuất giá tòng phu. Nàng sẽ về lại với Dương Lễ, ông quan huyện năm xưa đã từng làm bà hết sức đẹp lòng về món tiền cheo nộp làng lúc xin đón Châu Long. Bà hiểu thế và mừng cho con, biết phận rồi sẽ qua những ngày vất vả. Tình thương con của những người mẹ bao giờ cũng đơn giản thế.

Người cha nhìn đứa con mới về, đau thắt cả lòng. Nó đấy, đứa con gái mỏng mày hay hạt nhất làng. Ông đã bao lần ngồi trên bộ phận này nhìn ra ngõ nơi nó tha thẩn trông em và chốc chốc chạy ra chạy vào xua đàn gà lười kiếm ăn xa chỉ chục bới tanh bánh bếp núc. Ông đã bao lần bản thân trong niềm tiên cảm về số kiếp khốn khổ của đứa con này. Lòng mày dài. Đôi mắt mới tí tuổi đầu đã có cái nhìn xa vắng. Cánh mũi thanh. Mỏi mong mỏng hồng hồng. Cái cổ cao. Có cái gì quá mong manh ở nó, một đứa con gái nhà quê.

Khi Dương Lễ cho người đem giầu cau đến hỏi Châu Long, ông đã ngần ngừ rồi gật. Ừ thì con ông làm thiếp, nhưng dù thế thì có lẽ vẫn tốt hơn cho nó. Ông biết dáng dấp tính tình con ông có cái gì đó lệch nhịp đời thường những người đàn bà nơi vườn ruộng. Chịu phận thiệt thòi này để được yên ổn về sau. Đâu có ngờ...

...Một bận ông đồ khoác tay nải đi thăm bạn cũ, sững sờ thấy con gái dọc đường về chợ. Sau đó, bao lần ông kiếm cớ đi chơi, đứng nép ở một cái lều chợ từ xa nhìn con gái tíu tít giữa một lò thúng mùng bán bán mua mua, mà mắt vẫn nguyên cái nhìn xa vắng. Đã bao lần ông đứng sững giữa đường... Cặp thúng chồng đôi trĩu hai đầu quang lắc theo mỗi bước Châu Long, lỏi giạt con ông nhao về phía trước. Ông không thể giáp mặt con. Ông không thể giúp gì nàng. Con ông đã làm đúng chữ “ *tòng phụ tòng phu* ” ông dạy. Bây giờ, Châu Long ngồi trước mặt ông. Ông cảm được cái nhìn cầu khẩn của con, dù nàng khuất mình trong vùng bóng tối, nhẹ lời :

– Con về chơi thế này thầy mừng lắm. Giờ thì thu xếp đi nằm sớm cho đỡ mệt. Đêm em nó còn phải dậy cho tầm ăn.

*

Đứa em gái mừng có chị về, nhưng chả biết nói gì. Ngày Châu Long về nhà chồng, nó còn bé tí. Giờ Châu Long hỏi gì nó trả lời câu đó, rồi cười. Nó sẽ cười được đến bao giờ ?

Châu Long không tài nào ngủ được. Hơi ấm từ tấm thân con gái mười sáu tuổi của đứa em làm nàng rung rung ngọt ngát. Lâu lắm rồi nàng không nằm chung với ai. Châu Long rón rén ngồi dậy, lại bàn nước của cha khêu ngọn bắc lụi rồi bước nhẹ về phía buồng tầm. Nàng vén tấm màn màn. Từ những nong tầm đặt trên giá nổi dần lên tiếng gì rất khẽ. Tầm thức. Châu Long kéo cái thúng đại đựng đầy lá dậu đã thái, rắc

đều. Tầm này sắp lên né được rồi. Đồi tầm... Cũng hết đồi nàng... Rút ruột...

Tiếng chó sủa sương vọng lại từ đầu ngõ, cấm cầu, khan khan. Châu Long sực tỉnh. Đĩa dầu lụi tắt từ bao giờ chỉ còn như hạt đỗ chập chồn. Nàng đã ngồi trong buồng tầm lâu lắm rồi. Cữ này chắc làng nước đã chờ quạt vông lọng rậm rịch. Cữ này chắc ông lý đã dẫn quan viên tới nhà xin rước nàng lên vông đi đón Lưu Bình. Phải, dân làng ai cũng biết Lưu Bình đã mười năm ăn ở với nàng. Chắc tất cả đang ngó ngang trước tấm rào rập ngõ.

Chắc chàng Lưu cũng sẽ như người đứng trên tổ kiến khi không thấy người vợ tầm mẩn trong đám vông lọng đón đưa. Ôi Lưu Bình ! Người đàn ông nàng đã chăm bẵm suốt mười năm như chăm chồng. Người đàn ông đã rậm rập nghe lời nàng hẹn “ *Anh chưa thi đỗ thì chưa động phòng* ” (2). Người đàn ông mà nàng đã đêm đêm cố thức xay giã giần sàng để giục thăm chàng đừng buông sách. Nàng sẽ nói gì với người đàn ông ấy, với chàng Lưu khi gặp lại nhau ? Chữ nghĩa là cái gì mà có thể giữ tay chàng bao nhiêu đêm chỉ vịn vào khung cửa buồng nàng rồi dừng ở đó. Là cái gì mà nó có thể trôi chàng trên ghế lúc nàng dội nước ùm ùm ngoài giếng, dưới ánh trăng rười rượi, mong dập đi hơi nóng hừng hực bốn chôn thiêu đốt thân nàng. Chữ nghĩa là cái gì mà buộc nàng phải ngần ấy năm cơ cực ? Là cái gì mà có thể làm Dương Lễ xa nàng dễ dàng đến thế ?

Nhưng Dương Lễ có phải là chồng nàng ? Chàng đã cưới nàng về làm thiếp. Làm thiếp nghĩa là không phải làm vợ. Chỉ để chàng say mê ? Nàng không có sức vóc của người vợ thứ của chàng. Nàng không có cái đoan chính sắc sảo của người vợ đầu của chàng. Nàng có nét gì tựa tựa một loài lan quý. Chàng đã nói thế với nàng. Nhưng chàng không giữ nàng lại để chăm chút cho nàng như thường ngày chăm chút vườn lan. Chàng đã cậy nàng đến với Lưu Bình. Nàng là một thứ phương tiện đẹp và sẵn để chàng bày tỏ tình bạn với đời. Ôi Dương Lễ !

...Người ta sẽ kể về tình bạn cao cả của chàng và về tình chồng vợ thánh thiện giữa chàng và nàng. Liệu có ai biết rằng niềm tự hào vì được chồng tin cậy đến nhường ấy nàng đã để mất rất nhanh sau đó. Thay vào đó là nỗi ngờ vực đắng cay, là phần nộ. Ôi những người đàn ông ! Người đời ! Tại sao họ lại phải tự khẳng định mình bằng nỗi đau của người khác. Chàng Dương Lễ là một bến nhiều thuyền. Nhưng nàng, nàng chỉ một thuyền một bến. Nàng chỉ có một chàng. Tại sao chàng không giúp Lưu Bình một cách bình thường. Không có con đường gián dị nào để cho cảm thông và yêu thương có thể từ tấm lòng này tới với một tấm lòng khác hay sao ? Tại sao chàng phải nghĩ ra cái việc sỉ nhục Lưu Bình trước khi chia bàn tay đỡ bạn. Không, chàng cũng không phải chia tay. Chàng chỉ đơn giản đẩy nàng ra. Tại sao chàng nỡ đặt lên đôi vai mảnh của nàng cái nghĩa vụ nhọc nhằn đến thế, nghĩa vụ của tình chồng vợ, bạn bè, nghĩa vụ phải trở thành huyền thoại cho những kẻ rồi việc thích trầm tư và đúc kết các bài học ứng nhân xử thế.

*

...Người đời sau sẽ kể rằng nàng thức đêm thức hôm xay giã giần sàng chuẩn bị hàng họ đi chợ sớm để nuôi Lưu Bình. Ngần ấy năm ròng. Để thức giục chàng Lưu kiên tâm đèn sách

sớm khuya. Có thật. Nhưng người ta sẽ không kể rằng nàng đi nằm muộn chẳng qua còn để trốn những giấc mơ đàn bà. Những giấc mơ ấy hành hạ nàng, làm nàng khủng khiếp khi nghĩ về mình. Trong mơ nàng đã quần quai giữa vòng tay Dương Lễ, giữa vòng tay Lưu Bình, hết như cái cảnh nàng đã thấy vào một chiều xa xưa đi hái dâu, hồi còn con gái, còn được ở nhà cha mẹ. “ *Tình trong giấc mộng muôn vàn cũng không* ” (3). Biết bao đêm giạt mình tỉnh giấc, nghe trống ngược đập muốn vỡ cả màng tang, nàng đã nhận ra mình ơ thờ với mọi sự, mọi giác quan chỉ chú mục vào tiếng trở mình của người đàn ông đang nằm ở gian ngoài. Giá chàng cứ đẩy cửa buồng nàng... Giá chàng trần trọc nhiều hơn... Thì có lẽ... Thì nàng đã tung hê tất cả.

Nàng đã thổi xôi luộc gà mang lên đình cầu khẩn cho chàng thi đỗ, cho nàng có ngày được buông gánh đời mà sống tiếp những ngày tháng cũ. Nàng đã tìm thuê người đỡ gánh cho chàng trên đường ứng thí, đã dốc tất cả lưng vốn đời mình ký cược vào chàng. Và chàng đã đổ kỳ này. Kỳ này, nàng sẽ được trở về làm vợ lại. Kỳ này, chàng sẽ áo mũ xênh xang đến thăm Dương Lễ trả hận bát cơm cà muối khi xưa. Cái hận bị người sỉ nhục có thể tan. Nhưng lúc đó, chàng sẽ phải biết tới một nỗi hận khác, hận chịu ơn người. Hận ấy, liệu có khi nào chàng trả nổi ? Ôi Lưu Bình ! Ôi Dương Lễ ! Tại sao các người phải hành hạ mình hành hạ nhau để bày tỏ bản thân với người đời ? Tại sao phải sỉ nhục nhau để làm cái việc hoàn toàn vô nghĩa là tăng giá sự hy sinh ? Tại sao phải chờ người sỉ nhục mới cố công vượt lên mình để tự mở mày mở mặt. Người đời sau sẽ kể chuyện này với biết bao khâm phục và ngưỡng mộ. Nhưng ích gì ? Những huyền thoại có ích gì ?

Ngoài trời sương rớt rề tan. Ông đồ đánh tiếng với con bằng tiếng ho thúng thảng. Châu Long hạ tấm màn màn che buồng tầm, bước ra sân. Mùi buồng tầm ngai ngái khai khai tan loãng vào trong hơi đất vườn ban sớm, hơi rơm ẩm còn chưa đánh đông ở đầu hồi. “ *Giờ này chắc người ta đã sắp lên tới tỉnh rồi* ”. Như thế chỉ trưa nay chàng Lưu Bình sẽ biết chuyện vợ bỏ nhà đi. Ngày mai thì Dương Lễ sẽ biết. “ *Ta còn có thể ở lại nhà thầy mẹ đến bao giờ ?* ”. Những tính đếm tỉnh táo làm lòng Châu Long tê dại.

*

Liên mấy chiều oi ả. Bà đồ kêu đau đầu không cất mình dậy nổi. Đứa em gái còn ở ngoài bãi hái dâu. Châu Long bản thân dùng bước trước cửa buồng mẹ... Nàng chẳng bụng dạ nào giáp mặt ai vào lúc này. Làng xóm đã loáng thoáng đồn thổi chuyện cô Châu Long con ông bà đồ về âm thầm như bị chồng đuổi. Bạn gái ngày xưa con bông con đất, chẳng thấy ai đến thăm nàng. Đã hẳn. Khi nàng chưa tới thăm ai. Dù gì thì với họ nàng vẫn đang là “ *chị Phủ* ”. Ôi chao là cái nông nổi của kẻ được người tưởng hơn người.

Tiếng cái giường tre bà đồ nằm cọt kẹt khiến Châu Long không thể chần chừ. Nàng với cái nón ngằn ngại bước ra sân định đi tìm hái nắm lá cúc tần về sao vàng cho mẹ bóp trán. Thì vừa lúc từ đầu ngõ ruổi đưa vào rậm rậm tiếng thưa tiếng dạ. Châu Long bước giạt vào buồng. Ông đồ tay cầm cái xe điều nhìn ra nắng, sẽ giọng với con : “ *Anh Phủ Dương Lễ. Ai như... Kia... Quan Hoàng giáp Lưu Bình.* ”

...Hai người đàn ông áo mũ chỉnh tề tiến vào đứng chấp tay

bên cửa. Dương Lễ cung kính và rành mạch : “ *Con xin thấy mẹ đến đón nàng Châu Long trở lại nhà.*” Ông đồ cúi nhìn cái điều bát, khó nhọc gặt đầu. Phải ! Nơi đấy mới là nhà của con ông.

Châu Long bước ra, trang nghiêm và xa vắng. Hai người đàn ông chợt hoang mang. Lưu Bình vừa từ ỏi ả vào mà mặt tái. Lần đầu tiên Châu Long nhìn thẳng vào mắt Dương Lễ. “ *đây là chàng* ”. Lần đầu tiên Châu Long nhìn thẳng vào mắt Lưu Bình. “ *Đây là chàng* ”. Có đáng gì không ? Mười năm sống ấy ? Ôi những người đàn ông ! Nàng đã làm cho họ nổi tiếng với muôn đời ở đất nước này. Nhưng tình bạn kỳ quặc của họ cũng làm nàng nổi tiếng. Châu Long biết rằng cái gánh đời đã nâng lên vai sẽ không bao giờ nàng có thể buông. Nàng sẽ phải gồng vai gánh tiếp cho đến lúc nhắm mắt xuôi tay. Bởi vì người đời muốn thế. Nàng biết nàng đã trở thành một biểu tượng. Không cần trảm mình. Không cần hóa đá. Mười năm trở trêu của đời nàng sẽ trở thành huyền thoại để người đời kể sau này.

*

Vào cái lúc cúi chào cha mẹ rồi lặng lẽ đi qua hai người đàn ông bước ra sân nắng để lại ra đi, thật thì lòng Châu Long lúc đó hoàn toàn trống rỗng. Nàng không ý thức được rằng với những kẻ buộc phải trở thành biểu tượng huyền thoại kể về mình chỉ là một niềm an ủi vô cùng bé nhỏ, tràn đầy đau đớn.

Bởi vì không ai ân ái với một biểu tượng.

Đêm đầu tiên sau mười năm có lẽ cách xa, Dương Lễ đã hết sức thất vọng về nàng. Nỗi thất vọng nhanh chóng trở thành mối ngờ vực dai dẳng. Ngờ vực tàn phá chàng, đến nỗi chàng không nhận ra niềm căm giận ở Lưu Bình không hề mất đi mà còn được chàng Lưu gia cố bằng tất cả những bề bàng của một mối tình chua chát. Dương Lễ cũng không hề nhận ra nỗi tuyệt vọng cay đắng ở Châu Long. “ *Ê chề đời thoảng vị com ôi* ” (4). Nhưng chính nàng, Châu Long, nàng cũng không gọi tên được cảm giác của mình, mà cũng không còn muốn biết rằng cái ê chề đấy cũng đầy ứ trong lòng hai người đàn ông đã đi qua đời nàng.

Tuy nhiên, vào lúc đó, người đời đã bắt đầu kể về tình bạn tuyệt vời giữa hai chàng. Và vì không dễ gì được người đời buông tiếng nên cả Dương Lễ lẫn Lưu Bình đều không ai dám động đến những chán chường tuyệt vọng hay phần nộ của mình. Lưu Bình được bỏ về một huyện thuộc quyền trị nhậm của Dương Lễ. Hai người đàn ông thường gặp nhau, tương ái và tương kính đúng như người đời châu chực để kể tiếp huyền thoại về họ.

Chỉ có điều Dương Lễ thôi không mê mệt lan quý như xưa nữa. Nếu không có Châu Long để mất vườn lan của chàng chắc đã chết hết. Ngày ngày Châu Long vào ra vườn lan. Ai cũng yêu quý nàng, kể cả hai người vợ cùng nàng chia sẻ một tấm chồng chung. Ở nàng đã dần dần hiện rõ cái vẻ heo héo thường có ở những người đàn bà không chồng hay tuyệt đường sinh nở. Nhưng nàng lúc nào cũng tươi cười, lặng lẽ, dịu dàng. Dáng dấp của nàng làm ai thoát gặp cũng thấy lòng không dưng mà tái tê.

Huyền thoại không kể rằng Lưu Bình ít lâu sau đó cưới hai chị em con gái một nhà phú hộ. Hai người vợ của chàng Lưu người nào cũng đảm và đều sinh cho chàng mấy mặt con.

Huyền thoại cũng không kể rằng sau đêm đoàn viên Dương Lễ không bao giờ bước chân vào buồng Châu Long nữa.

Nhưng đó là sự thật.

Lê Minh Hà

Tháng 2 - Tháng 6 năm 2000

1. Thơ Lưu Trọng Lư : *Tôi quay tơ - Chàng ngâm thơ - Vườn sau - chim giục già - Nhìn ra - hoa vừa nở...*
2. Thơ Nguyễn Bính.
3. Chinh phụ ngâm.
4. Thơ Huy Cận.

Đỗ Quang Nghĩa

không đề 1

*Những câu thơ buồn và lạnh
mang theo suốt cuộc hành trình
tôi sưởi ấm lòng mình
bằng những câu thơ buồn và lạnh
cố nhân ơi !*

không đề 2

*Người câm có ngôn ngữ người câm
Người điên có ngôn ngữ người điên
Người ta có ngôn ngữ người ta...
Cây nói với tôi bằng ngôn ngữ chồi non
Buổi sáng mùa xuân
Cây chìa cho tôi một cành hoa đầy.
Hãy nói với nhau bằng ngôn ngữ tình ca.*

Diễm Châu

Đò neo gió

gửi Khế Iêm

*Đò neo gió đợi người
hay neo người đợi gió
cũng vậy thôi
khi trái tim treo
trên lửa
khi đời
thủy tình vỡ
ẩn ức như hơi thở lênh đênh
bộ lạc xa
rời tiếng chim rơi
đã chín một bờ môi
đò nhớ sóng
hay bông bọt còn lập lòe bên giậu vắng*

đò

ơi

Triều Tiên... (tiếp theo trang 1)

Năm sau, 1949, quân đội Mỹ và Liên Xô lần lượt rút ra khỏi vùng tạm chiếm của mình. Cuối năm, Mao Trạch Đông toàn thắng trong cuộc chiến tranh quốc-cộng ở Trung Quốc. Chiến tranh lạnh lan sang châu Á, với một cường độ căng hơn. Ngày 25.6.1950, 10 sư đoàn bắc Triều Tiên tràn qua biên giới, đánh xuống miền nam : cuộc chiến tranh Triều Tiên bắt đầu. Không được chuẩn bị trước, quân miền nam thua mau nhiều trận, Hán Thành thất thủ sau ba ngày. Được một nghị quyết của Liên hiệp quốc cho phép, Mỹ nhảy vào chiến đấu bên cạnh CHHQ ngày 1.7, chiếm lại vùng đất đã mất và tiến lên phía bắc tới tận gần biên giới Trung - Triều. Ngày 25.10, hơn 800 000 “ chí nguyện quân ” Trung Hoa lâm trận. Cuộc chiến tranh dữ dội kéo dài không đầy một năm, cộng thêm hai năm giằng co chung quanh bàn hội nghị với những đưng độ nhỏ cho tới hiệp định đình chiến ngày 27.7.1953 giữa quân đội Liên hiệp quốc một bên, và quân đội Trung Hoa bên kia. Biên giới trước ngày 25.6.1950 được lập lại với một vùng phi quân sự rộng 4km kéo dài theo vĩ tuyến 38. Hai triệu rưỡi quân nhân hai bên bị chết, mất tích và bị thương. Số người chết hoặc bị thương trong nhân dân ước tính gấp đôi. Cả nước bị tàn phá.

Tình hình căng thẳng thường xuyên giữa hai miền chỉ được dịu đi trong những thời kỳ ngắn ngủi vào những năm 1972, 1984, 1992, cho tới cuộc gặp lịch sử ngày 13.6 năm nay...

Các tác nhân...

Ra đón tổng thống Kim Dae-jung tận chân máy bay là “ lãnh tụ thân yêu ” của CHDCND Triều Tiên, Kim Jong-il, con trai của Kim Nhật Thành, kẻ gây chiến 50 năm trước. Được chính thức chỉ định là người nối nghiệp cha trong vương triều cộng sản duy nhất trên thế giới từ năm 1980, Kim Jong-il đã dần dần củng cố vị trí để nắm toàn quyền sinh sát trên đất nước, kiêm nhiệm các chức vụ tổng bí thư đảng, chủ tịch nước và chủ tịch ủy ban quốc phòng, sau khi ông bố qua đời vào năm 1994. Nụ cười rạng rỡ, cử chỉ tự nhiên, đôi khi đặt một câu pha trò đúng chỗ, người lãnh đạo nhà nước độc tài khép kín nhất trên thế giới hiện nay tỏ ra đã thành công trong nhiệm vụ trưng bày một bộ mặt mới của CHDCNDTT, cởi mở và hoà hoãn hơn.

Phía bên kia, một người mà tinh thần dân chủ kiên định đã gây được cảm phục của nhân dân Hàn quốc và cả thế giới. Sinh trong một giai đình thiên chúa giáo nghèo, ông Kim Dae-jung bước vào chính trường những năm mà các chế độ quân phiệt ngự trị ở Hàn quốc tỏ ra tàn bạo chẳng thua kém ai, và đã phải trả giá những tư tưởng tiến bộ và hoà bình của mình bằng hai cái án tử hình và nhiều năm tù đầy cho tới khi, nhờ dư luận quốc tế hỗ trợ, và với những tiến bộ dân chủ hoá của CHHQ, ông được ra tù, tiếp tục hoạt động và tới năm 1997 thì trúng cử tổng thống.

... và những câu hỏi

Giữa hai con người rất khác nhau đó, ai sẽ dẫn dắt được dòng chảy chính của lịch sử theo ý hướng mà mình mong muốn, đeo đuổi ? Một ý nguyện hoà bình thống nhất đất nước

mà tổng thống Kim Dae-jong kiên trì bảo vệ từ hơn hai mươi năm nay, kể cả khi tính mạng bản thân bị đe dọa ? Hay chỉ là một đối sách tạm thời của Kim Jong-il trước tình thế (nền kinh tế kiệt quệ, nạn đói trầm trọng và thường xuyên trong vài năm gần đây - mà giới thạo tin quốc tế ước lượng số nạn nhân lên đến trên hai triệu người) ? Hoặc nữa – tại sao không –, nếu chỉ nhìn về phía Bình Nhưỡng, một thay đổi có ý nghĩa dài lâu hơn, mà một Kim Jong-il vững vàng hơn trong thế chính trị nội bộ đã có thể tiến hành không sợ bị lật đổ ? Vài bước đi đáng chú ý của ngoại giao Bình Nhưỡng gần đây (nối lại đàm phán với Mỹ, lập quan hệ ngoại giao với Ý, Úc...) có đủ bảo đảm cho giả thuyết lạc quan này ?

Cuộc chơi còn quá nhiều ẩn số để có thể trả lời mạnh dạn những câu hỏi nêu trên, và nhất là, để thấy trước được thời gian ngã ngũ. Kết quả trước mắt của cuộc gặp mới chỉ bao gồm những biện pháp giúp đỡ các gia đình chia cách tìm gặp lại được thân nhân, và những lời hứa đầu tư kinh tế của Hàn quốc lên phía bắc. Đường tiến tới thống nhất còn dài dù cả hai đều khẳng định quyết tâm của mình, và thoả thuận rằng sẽ tiến hành qua thương lượng “ tự chủ ” – không có sự tham dự của nước ngoài. Ông Kim Dae-jung thừa khôn ngoan chính trị để chấp nhận những đòi hỏi chính của Bình Nhưỡng về việc bãi bỏ ngay Luật an ninh quốc gia và yêu cầu quân đội Mỹ rút khỏi đất nước (hiện còn 37 000 quân Mỹ đóng ở Hàn quốc). Bản tuyên bố chung của hai nhà lãnh đạo cũng không nói gì đến vấn đề vũ khí hạt nhân của CHDCNDTT, một nguồn đe dọa hoà bình và ổn định đối với các nước trong vùng, nhất là Nhật, Trung Quốc và Nga...

Tuy nhiên, chẳng ai chối cãi, một bước ngoặt ngoạn mục đã diễn ra, thay đổi bầu không khí chính trị căng thẳng từ 50 năm nay trên vùng đông bắc châu Á này. Dù còn phải đợi thời gian để thấy hiệu ứng của những yếu tố như : tính năng động của những cuộc đoàn tụ gia đình, sự có mặt của những doanh nghiệp miền nam trên đất bắc, ánh đèn chiếu của các phương tiện truyền thông quốc tế...

Khó có thể nói khác : một trang sử đã được lật qua trên bán đảo Triều Tiên !

H.V.

Diễn Đàn forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ * Imprimé par nos soins
Dépôt Légal : 178/ 91 * Commission Paritaire : AS 73 324 * Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax: từ Pháp : 01 45 88 54 58 ; quốc tế : 33 1 45 88 54 58

Địa chỉ điện tử (E-Mail):

diendan@wanadoo.fr.

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg

Thẻ lệ mua báo : xin coi trang 3.

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font VNI, TCVN, VPS, PDT..) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)